

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CÁC MÔN CƠ SỞ NGÀNH

1. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế -SM202	2
2. Đại số tuyến tính, giải tích và ứng dụng trong kinh tế - MA142	20
3. Xác suất thống kê ứng dụng – MA231	40
4. Ứng dụng excel – IM206	58
5. Kinh tế vi mô -EC101	74
6. Kinh tế vĩ mô – EC205	96
7. Các phương pháp phân tích định lượng trong kinh tế - MA231	121
8. Tài chính tiền tệ cơ bản – FN201	140
9. Tài chính doanh nghiệp – FN211	158
10. Nguyên lý kế toán – AC201	178
11. Quản trị học đại cương – BA102	192
12. Marketing căn bản – MK202	206

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

1. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế -SM202

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1	Tên học phần	<i>Tiếng Việt:</i> Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế <i>Tiếng Anh:</i> Research method in Economic
1.2	Mã học phần	SM202
1.3	Thuộc khối kiến thức	Cơ sở khối ngành
1.4	Tính chất của học phần	Bắt buộc
1.5	Khoa phụ trách	Khoa Kinh tế - Quản lý
1.6	Số tín chỉ	03 tín chỉ
1.7	Điều kiện tiên quyết	36 tín chỉ
1.8	Thời lượng giảng dạy trực tiếp	30 giờ Lý thuyết + 15 giờ Bài tập/Thảo luận
1.9	Thời lượng giảng dạy kết hợp E-Learning	
1.10	Ngày ban hành	21/4/2022

2. YÊU CẦU CỦA HỌC PHẦN

Đảm bảo điều kiện về kiến thức, thiết bị, nơi học,... và yêu cầu về học tập, kỷ luật, nội quy lớp học như sau:

- Lớp học cần được trang bị máy tính, máy chiếu để thuyết giảng, thuyết trình; sinh viên cần in sẵn các tài liệu như slide, bài tập và tài liệu đọc.

- Sinh viên phải tham gia học ít nhất 70% số giờ

- Sinh viên đi học muộn quá 15 phút thì không được vào lớp học và được coi là nghỉ học buổi học đó.

- Sinh viên cần làm đủ các bài kiểm tra của học phần.

- Sinh viên bắt buộc phải làm các bài tập được giao và làm bài thi cuối kỳ.

- Khi vào lớp, sinh viên cần thực hiện nghiêm túc Nội quy lớp học.

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế là học phần giới thiệu những quan điểm, nhận thức, phương pháp và công cụ cần thiết để thực hiện các dự án nghiên cứu khoa học trong kinh tế. Qua môn học, sinh viên sẽ nắm được các nguyên lý cơ bản của một nghiên cứu khoa học trong kinh tế, biết được mục đích của nghiên cứu là gì cũng như cách thức tiến hành một nghiên cứu khoa học trong kinh tế. Sinh viên sẽ nắm được các bước trong một quy trình nghiên cứu khoa học trong kinh tế, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, tổng quan nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, xây dựng khung nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập và xử lý dữ liệu, viết báo cáo nghiên cứu và trình bày kết quả nghiên cứu.

- Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế được học vào năm thứ 2 hoặc năm thứ 3.

- Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế cung cấp những kiến thức cơ bản về cách thức tiến hành một nghiên cứu khoa học trong kinh tế, làm cơ sở kiến thức trước khi sinh viên học những môn học chuyên ngành và viết khóa luận tốt nghiệp.

3.1 Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra
CO1: Hiểu và vận dụng thành thạo cách thức thực hiện một nghiên cứu khoa học trong kinh tế	1.1. Trình bày và vận dụng đúng các thuật ngữ, mục tiêu và bản chất của phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế.
	1.2. Hiểu rõ quy trình thiết kế một nghiên cứu khoa học và xây dựng báo cáo nghiên cứu khoa học trong kinh tế.
	1.3. Vận dụng các bước cơ bản của quy trình nghiên cứu khoa học trong kinh tế và có khả năng áp dụng được các phương pháp thường được sử dụng trong nghiên cứu kinh tế.
	1.4. Phân biệt và hiểu rõ cách làm một nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng
	1.5. Trình bày được một báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học và trình bày được một khóa luận tốt nghiệp.
CO2: Thực hiện thành thạo những kỹ năng để làm một nghiên cứu khoa học trong thực tế.	2.1. Thực hiện thành thạo kỹ năng tìm kiếm các thông tin, dữ liệu và các bài nghiên cứu có liên quan đến đề tài nghiên cứu khoa học
	2.2. Thực hiện một cách có chủ động kỹ năng đặt câu hỏi nghiên cứu, đặt giả thuyết nghiên cứu, thiết lập đề cương nghiên cứu khoa học, viết báo cáo và trình bày nghiên cứu trong kinh tế

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT							
		1.1.2.	1.3.1.	2.1.1.	2.2.2.	2.2.3.	3.1.1.	3.1.2.	3.2.1.
2.1.	Thực hiện thành thạo kỹ năng tìm kiếm các thông tin, dữ liệu và các bài nghiên cứu có liên quan đến đề tài nghiên cứu khoa học		K3	A3	S3				
2.2.	Thực hiện một cách có chủ động kỹ năng đặt câu hỏi nghiên cứu, đặt giả thuyết nghiên cứu, thiết lập đề cương nghiên cứu khoa học, viết báo cáo và trình bày nghiên cứu trong kinh tế		K3	A3	S3	S3			S3
2.3.	Có kỹ năng tổng hợp, phân tích (hoặc so sánh) và ra quyết định khi thực hiện một nghiên cứu khoa học		K3	A3		S3	S3	S3	S3
3.	Sinh viên chủ động, trung thực trong học tập, sáng tạo trong ứng dụng, quản lý hiệu quả thời gian, có trách nhiệm và cầu toàn với một nghiên cứu mình thực hiện.								
3.1.	Sẵn sàng trong việc tiếp cận với những vấn đề mới và phát triển khả năng tư duy phân biệt, khả năng sáng tạo nghiên cứu khoa học trong kinh tế.				S3	S3			
3.2.	Người học được rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm trong quá trình tự học và làm bài tập lớn, kỹ năng để đảm bảo thời gian thực hiện một nghiên cứu khoa học trong kinh tế.						S3	S3	S3
3.3.	Có ý thức độc lập, kỷ luật và trung thực trong nghiên cứu khoa học trong kinh tế			A3		S3			

Kiến thức	1 - Biết/Nhớ	2 - Hiểu	3 - Vận dụng	4 - Phân tích	5 - Tổng hợp	6 - Đánh giá
Thái độ	1 - Tiếp nhận	2 - Hồi đáp	3 - Đánh giá	4 - Tổ chức	5 - Tính cách	
Kỹ năng	1 - Bắt chước	2 - Thao tác được	3 - Thao tác chính xác	4 - Thao tác biến hóa	5 - Thao tác thuần thục	

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

5

4. KẾ HOẠCH DẠY - HỌC

Thời gian	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động Kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
Tuần 1	<p><i>Chương 1: Tổng quan về nghiên cứu khoa học</i></p> <p>1.1. Khái niệm nghiên cứu khoa học</p> <p>1.2. Các đặc điểm của nghiên cứu khoa học</p> <p>1.3. Phân loại nghiên cứu khoa học</p> <p>1.4. Quy trình nghiên cứu khoa học</p> <p>1.5 Ba cấu thành cơ bản nhất của một nghiên cứu khoa học</p>	3	2	1.1_3 2.3_5 3.1_3 3.2_4 3.3_3	<p><u>GV:</u></p> <p>Giới thiệu học phần (dề cương chi tiết, tài liệu học tập, đánh giá người học, lịch kiểm tra, hình thức thi cuối kỳ).</p> <p>Phổ biến nội quy lớp học.</p> <p>Thuyết giảng.</p> <p>Giao nhiệm vụ cho SV.</p> <p><u>SV:</u></p> <p>Thành lập nhóm.</p> <p>Các nhóm nghiên cứu tài liệu khác nhau và chỉ ra quy trình nghiên cứu khoa học của các tài liệu được phát</p>	Đánh giá thông qua làm việc nhóm	[1]- Chương 1 [2]- Chương 1 [3]- Chương 2
Tuần 2	<p><i>Chương 2: Quy trình nghiên cứu khoa học</i></p> <p>2.1. Lựa chọn đề tài nghiên cứu</p> <p>2.2. Tổng quan nghiên cứu</p>	3	2	1.2_3 1.3_3 2.1_3 2.2_3 3.1_3 3.2_4 3.3_3	<p><u>GV:</u></p> <p>Thuyết giảng chương 2</p> <p>Giao nhiệm vụ cho SV.</p> <p>Đánh giá kết quả làm việc của các nhóm.</p> <p><u>SV:</u></p>	Đánh giá thông qua làm việc nhóm các bài tập được giao	[1]- Chương 2 [2]- Chương 2, 3, 4 và 9 [3]- Chương 3 [4]- Chương 2 [5]- Chương 2

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

6

					Thực hiện các bài tập về lựa chọn đề tài nghiên cứu, cách đặt tên đề tài nghiên cứu, viết một số mục cơ bản liên quan đến đề tài nghiên cứu, tổng quan nghiên cứu cho các đề tài, Lựa chọn đề tài nghiên cứu của nhóm.		
Tuần 3	Chương 2: Quy trình nghiên cứu khoa học (tiếp) 2.3. Câu hỏi nghiên cứu 2.4. Xây dựng khung lý thuyết nghiên cứu (mô hình nghiên cứu)	3	2	1.2_3 1.3_3 2.1_3 2.2_3 3.1_3 3.2_4 3.3_3	<u>GV:</u> Thuyết giảng chương 2 tiếp Giao nhiệm vụ cho SV. D ánh giá kết quả làm việc của các nhóm. <u>SV:</u> Thực hành các bài tập về phát triển câu hỏi nghiên cứu, thực hành xây dựng khung lý thuyết nghiên cứu, đặt các giả thuyết nghiên cứu cho đề tài	Đánh giá thông qua làm việc nhóm các bài tập được giao	[1]- Chương 2 [2]- Chương 2, 3, 4 và 9 [3]- Chương 3 [4]- Chương 2 [5]- Chương 2
Tuần 4	Chương 2: Quy trình nghiên cứu khoa học (tiếp) 2.5 Thiết kế nghiên cứu 2.6. Các dạng cơ bản của đóng góp mới trong nghiên cứu	3	2	1.2_3 1.3_3 2.1_3 2.2_3 3.1_3 3.2_4 3.3_3	<u>GV:</u> Thuyết giảng chương 2 tiếp Giao nhiệm vụ cho SV. D ánh giá kết quả làm việc của các nhóm. <u>SV:</u>	Đánh giá thông qua làm việc nhóm các bài tập được giao	[1]- Chương 2 [2]- Chương 2, 3, 4 và 9 [3]- Chương 3 [4]- Chương 2 [5]- Chương 2

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

7

					Thực hành các bài tập về thiết kế nghiên cứu, nhận dạng đóng góp mới của các đề tài		
Tuần 5	Chương 3: Thiết kế nghiên cứu định tính 3.1. Tổng quan về nghiên cứu định tính 3.2. Dữ liệu và các phương pháp thu thập dữ liệu định tính	4	1	1.1_3 1.4_5 2.1_3 2.3_4 3.1_3 3.2_4 3.3_3	GV: Thuyết giảng chương 3 Giao nhiệm vụ cho SV. Đánh giá kết quả làm việc của các nhóm. SV: Thực hành các bài tập về nghiên cứu định tính, xác định các dữ liệu và phương pháp được sử dụng trong các đề tài được giao	Đánh giá thông qua làm việc nhóm các bài tập được giao	[1]- Chương 3 [2]- Chương 5 [4]- Chương 3 [5]- Chương 2
Tuần 6	Chương 3: Thiết kế nghiên cứu định tính (tiếp) 3.3 Phân tích dữ liệu định tính Chương 4: Thiết kế nghiên cứu định lượng 4.1. Tổng quan về nghiên cứu định lượng	2 1	2	1.1_3 1.4_5 2.1_3 2.3_4 3.1_3 3.2_4 3.3_3	GV: Thuyết giảng chương 3 tiếp và một phần chương 4 Giao nhiệm vụ cho SV. Đánh giá bài làm của SV. SV: Nghiên cứu và thảo luận về các nghiên cứu định tính trong tài liệu được cung cấp Thực hành thu thập dữ liệu định tính	Đánh giá thông qua làm việc nhóm các bài tập được giao	[1]- Chương 3 [2]- Chương 5 [4]- Chương 3 [5]- Chương 2

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

8

Tuần 7	Chương 4: Thiết kế nghiên cứu định lượng (tiếp) 4.2. Dữ liệu trong nghiên cứu định lượng 4.3. Phương pháp và công cụ phân tích định lượng	3	2	1.1_3 1.4_5 2.1_3 2.3_4 3.1_3 3.2_4 3.3_3	<u>GV:</u> Thuyết giảng chương 4 Giao nhiệm vụ cho SV. Kiểm tra bài giữa kỳ <u>SV:</u> Nghiên cứu tài liệu và thảo luận về các nghiên cứu định lượng được cung cấp Thực hành thu thập dữ liệu định lượng	Đánh giá thông qua làm việc nhóm các bài tập được giao Làm bài kiểm tra giữa kỳ	[1]- Chương 4 [2]- Chương 6 và 7 [4]- Chương 4, 6, 7 và 8. [5]- Chương 2
Tuần 8	Chương 4: Thiết kế nghiên cứu định lượng (tiếp) 4.4. Nghiên cứu định lượng - phương pháp khảo sát 4.5. Nghiên cứu định lượng với dữ liệu thứ cấp	3	2	1.1_3 1.4_5 2.1_3 2.3_4 3.1_3 3.2_4 3.3_3	<u>GV:</u> Thuyết giảng chương 4 tiếp Giao nhiệm vụ cho SV. Đánh giá phần làm việc trên lớp của SV. Thu bài kiểm tra số 1 của các nhóm. <u>SV:</u> Nghiên cứu tài liệu. Thảo luận về nội dung và cách trình bày báo cáo nghiên cứu Thuyết trình về đề tài được giao.	Đánh giá thông qua làm việc nhóm các bài tập được giao	[1]- Chương 4 [2]- Chương 6 và 7 [4]- Chương 4, 6, 7 và 8. [5]- Chương 2
Tuần 9	Chương 5: Trình bày báo cáo nghiên cứu 5.1. Các nguyên tắc chung khi viết báo cáo khoa học.	3	2	1.1_3 1.5_3 2.3_5 3.1_3	<u>GV:</u> Thuyết giảng. Giao nhiệm vụ cho SV.	Đánh giá thông qua làm việc nhóm các	[1]- Chương 5 [2]- Chương 10 [3]- Chương 5 và 7

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

9

	<p>5.2. Nội dung báo cáo khoa học 5.3. Ngôn ngữ khoa học và cách thức trình bày báo cáo nghiên cứu 5.4. Thuyết trình báo cáo nghiên cứu khoa học</p>		<p>3.2_4 3.3_3</p>	<p>Tổng kết môn học. Công bố điểm quá trình của từng SV; Giải đáp thắc mắc liên quan đến điểm quá trình SV: Nghiên cứu tài liệu. Thảo luận về nội dung và cách trình bày báo cáo nghiên cứu Thuyết trình về đề tài được giao.</p>	<p>bài tập được giao</p>	<p>[5]- Chương 2</p>
--	--	--	------------------------	--	--------------------------	----------------------

CDR học phần có cấu trúc: STT của CDR học phần_n

Trong đó, n là mức độ theo Bloom:

Kiến thức	1 - Biết/Nhớ	2 - Hiểu	3 - Vận dụng	4 - Phân tích	5 - Tổng hợp	6 - Đánh giá
Thái độ	1 - Tiếp nhận	2 - Hồi đáp	3 - Đánh giá	4 - Tổ chức	5 - Tinh cách	
Kỹ năng	1 - Bài chức	2 - Thao tác được	3 - Thao tác chính xác	4 - Thao tác biến hóa	5 - Thao tác thuần thục	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

Học phần triển khai kết hợp nhiều phương pháp dạy học sau:

Phương pháp Bài tập: Giảng viên giao bài tập cho người học chuẩn bị trước khi đến lớp hoặc sau giờ học. Trong giờ bài tập, giảng viên có thể tổ chức thảo luận, chữa bài tập.

Phương pháp Thảo luận: Giảng viên tổ chức cuộc đối thoại giữa người học với người học hoặc giữa người học với giảng viên nhằm huy động trí tuệ của người học để đưa ra những giải pháp, kiến nghị hoặc những quan niệm mới để giải quyết một vấn đề. Thảo luận có thể giúp người học khai thác được nhiều khía cạnh của một vấn đề, giúp người học phát triển khả năng trao đổi, trình bày suy nghĩ và quan điểm một cách rõ ràng, phát triển năng lực phân tích, tổng hợp.

Phương pháp làm việc nhóm: giảng viên tổ chức người học thành các nhóm nhỏ (5-7 người); mỗi thành viên trong nhóm vừa có trách nhiệm tự học tập vừa có trách nhiệm chia sẻ, giúp đỡ các thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giảng viên đã giao. Làm việc nhóm nhằm tạo cơ hội tối đa cho người học bộc lộ hiểu biết quan điểm của mình về nội dung, phương pháp học tập; rèn luyện khả năng diễn đạt, cách thức tư duy và trình bày ý tưởng của cá nhân; tạo điều kiện cho người học có thể học hỏi lẫn nhau; đề cao tinh thần hợp tác, rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong học tập cho người học; giúp cho giảng viên nắm được thông tin ngược từ phía người học.

Phương pháp Thuyết trình: Giảng viên trình bày kiến thức mới, cập nhật những thông tin không có trong sách, tổng kết những kiến thức mà người học đã tiếp nhận một cách có hệ thống.

Các phương pháp dạy - học trên tạo điều kiện cho người học thành thạo các kỹ năng chuyên môn, đạt chuẩn đầu ra của học phần, rèn luyện khả năng học tập suốt đời, đồng thời giúp cho giảng viên tổ chức hoạt động trên lớp hiệu quả hơn.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Học phần sử dụng 03 phương pháp đánh giá kết quả học tập:

- **Chuyên cần và thái độ học tập** (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm);
- **Bài tập** (công cụ đánh giá: chữa bài tập, trong quá trình học; 1 bài kiểm tra quá trình làm theo nhóm)
- **Thuyết trình** (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm)
- **Tiểu luận:** (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm, được dùng để đánh giá thi cuối kỳ)

Điểm quá trình = Điểm kiểm tra quá trình * 40% + Điểm chuyên cần, thái độ học tập * 20% + Điểm làm việc nhóm * 40%

Điểm tổng kết = Điểm quá trình * 40% + Điểm thi * 60%.

7. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP PHÙ HỢP VỚI CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp dạy - học				Phương pháp đánh giá			
		Bài tập	Thảo luận	Làm việc nhóm	Thuyết trình	Chuyên cần và thái độ học tập	Bài tập	Thuyết trình	Tiểu luận
1.	Hiểu và vận dụng thành thạo cách thức thực hiện một nghiên cứu khoa học trong kinh tế								
1.1.	Trình bày và vận dụng đúng các thuật ngữ, mục tiêu và bản chất của phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế.	x	x			x	x		x
1.2.	Hiểu rõ quy trình thiết kế một nghiên cứu khoa học và xây dựng báo cáo nghiên cứu khoa học trong kinh tế.	x	x	x	x	x	x	x	x
1.3.	Vận dụng các bước cơ bản của quy trình nghiên cứu khoa học trong kinh tế và có khả năng áp dụng được các phương pháp thường được sử dụng trong nghiên cứu kinh tế.	x	x	x	x	x	x	x	x
1.4	Phân biệt và hiểu rõ cách làm một nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng	x	x	x	x	x	x	x	x
1.5	Trình bày được một báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học và trình bày được một khóa luận tốt nghiệp.	x	x			x	x		x
2.	Thực hiện thành thạo những kỹ năng để làm một nghiên cứu khoa học trong thực tế.								
2.1.	Thực hiện thành thạo kỹ năng tìm kiếm các thông tin, dữ liệu và các bài nghiên cứu có liên quan đến đề tài nghiên cứu khoa học	x	x	x	x	x	x	x	x
2.2.	Thực hiện một cách có chủ động kỹ năng đặt câu hỏi nghiên cứu, đặt giả thuyết nghiên cứu, thiết lập đề cương nghiên cứu khoa học, viết báo cáo và trình bày nghiên cứu trong kinh tế	x	x	x	x	x	x	x	x
2.3.	Có kỹ năng tổng hợp, phân tích (hoặc so sánh) và ra quyết định khi thực hiện một nghiên cứu khoa học	x		x		x	x		x

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp dạy - học				Phương pháp đánh giá			
		Bài tập	Thảo luận	Làm việc nhóm	Thuyết trình	Chuyên cần và thái độ học tập	Bài tập	Thuyết trình	Tiểu luận
3.	Sinh viên chủ động, trung thực trong học tập, sáng tạo trong ứng dụng, quản lý hiệu quả thời gian, có trách nhiệm và cầu toàn với một nghiên cứu mình thực hiện.								
3.1.	Sẵn sàng trong việc tiếp cận với những vấn đề mới và phát triển khả năng tư duy phân biện, khả năng sáng tạo nghiên cứu khoa học trong kinh tế.	x	x	x		x	x	x	x
3.2.	Người học được rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm trong quá trình tự học và làm bài tập lớn, kỹ năng để đảm bảo thời gian thực hiện một nghiên cứu khoa học trong kinh tế.	x		x		x	x	x	
3.3.	Có ý thức độc lập, kỷ luật và trung thực trong nghiên cứu khoa học trong kinh tế	x	x	x		x	x	x	x

8. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY

Tài liệu chính:

[1] Bộ môn Kinh tế học (2020), *Tập bài giảng môn phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế*, Tài liệu lưu hành nội bộ tại Đại học Thăng Long.

Tài liệu tham khảo:

[2] Nguyễn Văn Thắng (2015), *Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh*, NXB Đại học kinh tế Quốc Dân.

[3] Vũ Cao Đàm (2014), *Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục

[4] Nguyễn Đình Thọ (2014), *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, NXB Tài Chính

[5] Kumar, R. (2010), *Research Methodology (3rd edition)*, SAGE Publications Ltd

9. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Lĩnh vực chuyên môn
1.	Nguyễn Thị Thúy	TS	Tài chính – ngân hàng
2.	Lê Thị Kim Chung	TS	Kinh tế học, Kinh tế quốc tế
3.	Nguyễn Thị Phương	TS	Kinh tế học, kinh tế quốc tế

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Khoa Kinh tế - Quản lý và Bộ môn Kinh tế học có trách nhiệm phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể giảng viên tham gia giảng dạy thực hiện.

- Giảng viên có nhiệm vụ phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể người học vào tiết học đầu tiên của học phần.

- Giảng viên thực hiện theo đúng nội dung và kế hoạch giảng dạy trong đề cương chi tiết học phần đã được duyệt.

TRƯỞNG KHOA



GS.TS. Nguyễn Khắc Minh

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Trần Thị Thùy Linh

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Lê Thị Kim Chung

PHỤ LỤC A: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)

Rubrics 1. Tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ học tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tham gia lớp học	Đi học đầy đủ số buổi theo yêu cầu	Vắng học nhỏ hơn 10% so với quy định (5 tiết/ 50 tiết)	Vắng học từ 10% đến nhỏ hơn 20% so với quy định (10 tiết/ 50 tiết)	Vắng học từ 25% đến nhỏ hơn 30% so với quy định (12 tiết/ 50 tiết)	Vắng học quá 30% số giờ theo quy định (15 tiết/ 50 tiết)	50%
Vào lớp học đúng giờ	Luôn đi học đúng giờ	Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút)	Vào lớp muộn 3-4 buổi	Vào lớp muộn 5-6 buổi	Vào lớp muộn >6 buổi	20%
Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo, ...)	Tích cực tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (> 75% N) (N được tính 100% hoạt động)	Thường xuyên tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~75% N hoạt động)	Có tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~50% N hoạt động)	Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~25% N hoạt động)	Không tham gia các hoạt động trên lớp	15%
Thực hiện nhiệm vụ tự học (chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm bài tập về nhà, ...)	Làm trên 75% bài tập cá nhân.	Làm trên 50% đến 75% bài tập cá nhân.	Làm trên 25% đến 50% bài tập cá nhân.	Làm tối đa 25% bài tập cá nhân.	Không làm bài tập cá nhân.	15%

Rubrics 2. Tiêu chí đánh giá thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung	<p>Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm.</p> <p>Nội dung phù hợp và chính xác.</p>	<p>Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm.</p> <p>Nội dung có một số phần chưa chính xác.</p>	<p>Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm.</p> <p>Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.</p>	<p>Chủ đề trình bày liên quan nhưng không trọng tâm.</p> <p>Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.</p>	<p>Chủ đề trình bày không liên qua, không trọng tâm.</p> <p>Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.</p>	60%
Trình bày	<p>Slide có bố cục rõ ràng, hợp lý; màu sắc hài hòa, nêu bật nội dung.</p> <p>Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ được trình bày dễ hiểu, thể hiện tốt nội dung.</p>	<p>Slide có bố cục rõ ràng, hợp lý; nêu bật nội dung.</p> <p>Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ được trình bày dễ hiểu, thể hiện tốt nội dung.</p>	<p>Slide có bố cục hợp lý; nêu bật nội dung.</p> <p>Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ thể hiện tốt nội dung.</p>	<p>Slide có bố cục hợp lý; màu sắc hài hòa.</p> <p>Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ thể hiện tốt nội dung.</p>	<p>Slide không được đảm bảo chất lượng theo yêu cầu.</p>	20%
Trả lời câu hỏi (chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm bài tập về nhà, ...)	<p>Trả lời ngắn gọn, phù hợp, lập luận sắc bén.</p> <p>Tự tin khi trả lời.</p>	<p>Trả lời ngắn gọn, phù hợp</p> <p>Tự tin khi trả lời.</p>	<p>Trả lời phù hợp</p> <p>Hơi thiếu tự tin khi trả lời.</p>	<p>Trả lời ít liên quan đến câu hỏi.</p> <p>Thiếu tự tin khi trả lời.</p>	<p>Trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.</p> <p>Thiếu tự tin khi trả lời.</p>	20%

Rubrics 3. Tiêu chí đánh giá tiểu luận

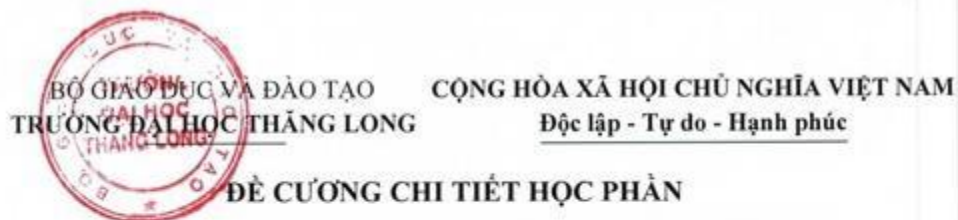
Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Hình thức tiểu luận	<ul style="list-style-type: none"> -Trình bày theo đúng tất cả các yêu cầu về trình bày của học phần. - Chính tả: 0-1 lỗi chính tả - Văn phong mạch lạc, rõ ràng, dễ hiểu. 	<ul style="list-style-type: none"> -Trình bày: Có 2-3 loại lỗi trình bày khác nhau - Chính tả: Có 3-6 lỗi khác nhau - Văn phong mạch lạc, rõ ràng. 	<ul style="list-style-type: none"> -Trình bày: Có 4-5 loại lỗi trình bày khác nhau - Chính tả: Có 7-9 lỗi khác nhau - Văn phong không thật mạch lạc, rõ ràng và gây khó khăn cho người đọc hiểu 	<ul style="list-style-type: none"> -Trình bày: Có 6 -10 loại lỗi trình bày khác nhau. -Chính tả: Có từ 10- 14 lỗi trở lên. - Văn phong không mạch lạc, rõ ràng và gây nhiều khó khăn cho người đọc hiểu 	<ul style="list-style-type: none"> -Trình bày: Có trên 10 loại lỗi trình bày khác nhau. -Chính tả: Có từ 15 lỗi trở lên. - Văn phong không mạch lạc, rõ ràng và gây nhiều khó khăn cho người đọc hiểu 	20%
Nội dung tiểu luận	<ul style="list-style-type: none"> -Phân bổ hợp lý số trang giữa các phần. -Có tính hệ thống và liên kết cao giữa các nội dung trong tiểu luận. - Số liệu phong phú, cập nhật, thích hợp cho nội dung tiểu luận. - Phân tích, lập luận sắc sảo, có cơ sở rõ ràng, tin cậy. 	<ul style="list-style-type: none"> -Phân bổ hợp lý số trang giữa các phần. - Có tính hệ thống và liên kết giữa các nội dung trong tiểu luận. - Có số liệu tương đối đầy đủ thích hợp nhưng chưa giải thích hoàn toàn nội dung tiểu luận. 	<ul style="list-style-type: none"> -Phân bổ chưa thật hợp lý số trang giữa các phần. - Tính hệ thống và liên kết giữa các nội dung trong tiểu luận thấp. - Ít số liệu thích hợp cho tiểu luận. - Phân tích, lập luận cơ sở chưa thật rõ ràng, tin cậy và mang tính chủ quan. 	<ul style="list-style-type: none"> -Phân bổ không hợp lý số trang giữa các phần. - Không có tính hệ thống và liên kết giữa các nội dung trong tiểu luận (hoặc rất thấp). - Hầu như không có số liệu thích hợp cho nội dung tiểu luận. 	<ul style="list-style-type: none"> -Phân bổ không hợp lý số trang giữa các phần. - Không có tính hệ thống và liên kết giữa các nội dung trong tiểu luận - Không có số liệu thích hợp cho nội dung tiểu luận. 	80%

PHỤ LỤC B: MA TRẬN ĐỀ THI (DÀNH CHO MÔN THI TIỂU LUẬN)

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Vận dụng mức cao	Tổng
1	Giới thiệu về đề tài nghiên cứu	3 30%	4 40%	2 30%	1 10%	10 100%
2	Thực hiện đặt câu hỏi nghiên cứu, tổng quan nghiên cứu, xây dựng khung lý thuyết nghiên cứu, đặt các giả thuyết nghiên cứu	3 30%	4 40%	2 30%	1 10%	10 100%
3	Thực hiện thiết kế nghiên cứu	3 30%	4 40%	2 30%	1 10%	10 100%
4	Thực hiện thu thập số liệu, phương pháp phân tích cho đề tài nghiên cứu	3 30%	4 40%	2 30%	1 10%	10 100%
5	Trình bày và diễn đạt	3 30%	4 40%	2 30%	1 10%	10 100%

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

2. Đại số tuyến tính, giải tích và ứng dụng trong kinh tế - MA142



1. THÔNG TIN CHUNG

1.1	Tên học phần	<i>Tiếng Việt:</i> Đại số tuyến tính, giải tích và ứng dụng trong kinh tế <i>Tiếng Anh:</i> Linear Algebra, Analysis and Applications in Economy
1.2	Mã học phần	MA142
1.3	Thuộc khối kiến thức	Giáo dục chuyên nghiệp
1.4	Tính chất của học phần	Bắt buộc
1.5	Khoa phụ trách	Khoa Kinh tế - Quản lý
1.6	Số tín chỉ	4
1.7	Điều kiện tiên quyết	EC101 hoặc EC102
1.8	Thời lượng giảng dạy trực tiếp	45 giờ lý thuyết + 27 giờ bài tập
1.9	Thời lượng giảng dạy kết hợp E-Learning	
1.10	Ngày ban hành	21/4/2022

2. YÊU CẦU CỦA HỌC PHẦN

Về kiến thức, học phần yêu cầu sinh viên (SV) được trang bị trước những kiến thức cơ bản chung trong Toán cơ sở (tập hợp, hàm,...) và những kiến thức cơ bản về Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô (các quy luật kinh tế như luật cung, luật cầu, khái niệm cận biên, hệ số co giãn,...).

Về trang thiết bị, lớp học lý thuyết và lớp học bài tập cần được trang bị máy tính có nối mạng internet, máy chiếu để giảng viên (GV) thuyết giảng và để SV trình bày bài tập nhóm.

Về nội quy, SV nghiêm túc thực hiện Nội quy lớp học và:

- Theo dõi và thực hiện các thông báo hướng dẫn học tập của GV trong MS Team của lớp (nếu có);

- Phải tham gia học ít nhất 70% số giờ quy định;

- Đi học muộn quá 15 phút thì không được vào lớp và được coi là nghỉ buổi học đó;

- Hoàn thành bài tập GV giao trước khi đến lớp;

- Tham gia nhóm để làm các bài tập nhóm của học phần;

- Làm đầy đủ bài kiểm tra của học phần;

- Bắt buộc làm bài thi cuối kỳ.



3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức Toán cơ bản thường xuyên gặp trong ngôn ngữ kinh tế ngày nay về đại số tuyến tính, phép tính vi phân, tích phân hàm một biến cũng như hàm nhiều biến và trình bày việc áp dụng những kiến thức này vào giải quyết một số bài toán trong kinh tế.

3.1 Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra
CO1: Hiểu các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính, về Giải tích; áp dụng vào giải quyết một số vấn đề trong kinh tế.	1.1 Nhận biết được những kiến thức cơ bản trong đại số tuyến tính như: ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian véc tơ và dạng toàn phương.
	1.2. Nhận biết được những kiến thức cơ bản trong giải tích như: đạo hàm, vi phân hàm một biến và nhiều biến; tích phân hàm một biến.
	1.3. Liên hệ được những khái niệm trong kinh tế và toán học; xây dựng được những bài toán kinh tế tương ứng với những vấn đề trong kinh tế được đề cập trong học phần
	1.4. Lựa chọn những công cụ trong đại số tuyến tính và giải tích để giải quyết những bài toán kinh tế đặt ra và giải thích được những kết quả đạt được
CO2: Thể hiện kỹ năng giải các bài toán cơ bản trong đại số tuyến tính, giải tích toán học và vận dụng những kiến thức toán được học vào việc giải quyết một số bài toán trong kinh tế.	2.1. Thực hiện được những tính toán cơ bản trong đại số tuyến tính tuyến tính cũng như giải tích một biến và nhiều biến.
	2.2. Vận dụng kiến thức toán được học để giải quyết những bài toán trong kinh tế.
	2.3. Sử dụng phần mềm Excel để hỗ trợ giải quyết những bài toán đặt ra trong thực tế.
CO3: Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm, rèn luyện khả năng tự học	3.1. Thể hiện tham gia tích cực hoạt động nhóm.
	3.2. Thể hiện khả năng trình bày và thuyết trình vấn đề
	3.3. Thể hiện khả năng tự học khi được giao tìm hiểu những nội dung trong chương trình.

3.2 Chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT					
		1.2.1.	2.1.2	2.2.2.	2.2.3.	3.1.2.	3.2.1
1.	Cung cấp kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính, giải tích và ứng dụng trong kinh tế						
1.1.	Nhận biết được những kiến thức cơ bản trong đại số tuyến tính như: ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian véc tơ và dạng toán phương.	K1					
1.2.	Nhận biết được những kiến thức cơ bản trong giải tích như: đạo hàm, vi phân hàm một biến và nhiều biến; tích phân hàm một biến.	K1					
1.3.	Liên hệ được những khái niệm trong kinh tế và toán học; xây dựng được những bài toán kinh tế tương ứng với những vấn đề trong kinh tế được đề cập trong học phần	K3					
1.4.	Lựa chọn những công cụ trong đại số tuyến tính và giải tích để giải quyết những bài toán kinh tế đặt ra và giải thích được những kết quả đạt được	K3					
2.	Thể hiện kỹ năng giải các bài toán cơ bản trong đại số tuyến tính, giải tích toán học và vận dụng những kiến thức toán được học vào việc giải quyết một số bài toán trong kinh tế.						
2.1.	Thực hiện được những tính toán cơ bản trong đại số tuyến tính tuyến tính cũng như giải tích một biến và nhiều biến.			S2			
2.2.	Vận dụng kiến thức toán được học để giải quyết những bài toán trong kinh tế.			S2			
2.3.	Sử dụng phần mềm Excel để hỗ trợ giải quyết những bài toán đặt ra trong thực tế.				S2		
3	Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm, rèn luyện khả năng tự học						
3.1.	Thể hiện tham gia tích cực hoạt động nhóm.		A3		S3	S3	
3.2.	Thể hiện khả năng trình bày và thuyết trình vấn đề			S3			S2
3.3.	Thể hiện khả năng tự học khi được giao tìm hiểu những nội dung trong chương trình.			S3	S3		

K: Kiến thức 1 - Biết/Nhớ 2 - Hiểu 3 - Vận dụng 4 - Phân tích 5 - Tổng hợp
6 - Đánh giá
A: Thái độ 1 - Tiếp nhận 2 - Hỏi đáp 3 - Đánh giá 4 - Tổ chức 5 - Tính cách
S: Kỹ năng 1 - Bất chước 2 - Thao tác được 3 - Thao tác chính xác 4 - Thao tác biến hóa
5 - Thao tác thuần thục

4. KẾ HOẠCH DẠY - HỌC

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
1	<p>Lý thuyết (5 giờ)</p> <p>Chương 1. Giới thiệu về toán kinh tế và phân tích cân bằng trong kinh tế</p> <p>1.1. Bản chất của toán kinh tế</p> <p>1.1.1. Kinh tế có toán học và kinh tế không có toán học</p> <p>1.1.2. Toán kinh tế và kinh tế lượng</p> <p>1.2. Mô hình toán kinh tế</p> <p>1.2.1. Một số khái niệm cơ bản dùng trong một mô hình toán kinh tế</p> <p>1.2.2. Hàm một biến và hàm nhiều biến</p> <p>1.3. Phân tích cân bằng trong kinh tế</p> <p>1.3.1 Ý nghĩa của cân bằng</p> <p>1.3.2 Cân bằng thị trường riêng– Mô hình tuyến tính</p> <p>1.3.3 Cân bằng thị trường riêng – Mô hình phi tuyến</p> <p>1.3.4 Cân bằng thị trường tổng quát</p> <p>1.3.5 Cân bằng trong mô hình thu nhập quốc dân</p>	5	3	<p>1.1_3</p> <p>1.3_2</p> <p>2.1_2</p> <p>2.3_1</p> <p>3.1_1</p> <p>3.3_2</p>	<p>GV:</p> <p>(1) Giới thiệu học phần (dễ cương chi tiết, tài liệu học tập, đánh giá SV, lịch kiểm tra, hình thức thi cuối kỳ);</p> <p>(2) Phổ biến nội quy lớp học;</p> <p>(3) Thuyết giảng nội dung lý thuyết:</p> <p>- Giới thiệu về Toán kinh tế, mô hình toán kinh tế và các khái niệm cơ bản liên quan, hàm một biến, hàm nhiều biến.</p> <p>- Phân tích cân bằng trong kinh tế, cân bằng thị trường riêng mô hình tuyến tính và phi tuyến, cân bằng thị trường tổng quát, cân bằng trong mô hình thu nhập quốc dân</p> <p>- Đặt vấn đề về hệ phương trình tuyến tính xuất phát từ những bài toán cân bằng mô hình tuyến tính, từ đó đưa ra khái niệm ma trận các hệ số. Trình bày về ma trận, véc tơ, các phép toán ma trận, tích của hai véc tơ, tích vô hướng, diễn giải hình học của phép toán véc tơ: độ dài véc tơ, tổ hợp tuyến tính, độc lập tuyến tính, phụ thuộc tuyến tính, không gian véc tơ, cơ sở. Giới thiệu về không gian Euclid R^n: khoảng cách, bất đẳng thức tam giác, không gian metric, định lý Pitago.</p> <p>(4) Giao nhiệm vụ cho SV tìm hiểu thêm: Ứng dụng của không gian véc tơ trong</p>	<p>Kiểm tra bài tập về nhà của SV, chuẩn bị phần đọc thêm</p> <p>- [1]: Bài tập (p.40, p.45, p.51, p.53, p.58, p.66-67, p.74-75).</p> <p>Làm trắc nghiệm trên hệ thống Elearning: Tuần 1</p>	<p>[1, p.3-5]</p> <p>[1, p.35-p.76]</p>

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	<p>Chương 2. Các mô hình tuyến tính và đại số ma trận</p> <p>2.1 Ma trận và véc tơ</p> <p>2.2 Các phép toán ma trận</p> <p>2.3 Một số chú ý về các phép toán trên véc tơ</p> <p>Bài tập (3 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm câu hỏi ôn tập lý thuyết, tìm hiểu thêm về phần được giao. - Làm bài tập tương ứng - Giới thiệu cách tính toán trên Excel 				<p>phân tích kinh tế (Phân tích danh mục đầu tư, Mô hình phân tích hoạt động của quá trình sản xuất)</p> <p>SV:</p> <p>(1) Thành lập nhóm;</p> <p>(2) SV mượn/mua tài liệu;</p> <p>(3) Nghiên cứu học liệu;</p> <p>(4) Làm bài tập được giao. Bài tập [1, p.40, p.45, p.51, p.53, p.58, p.66-67, p.74-75].</p>		
2	<p>Lý thuyết (5 giờ)</p> <p>2.4 Các luật giao hoán, kết hợp, phân phối</p> <p>2.5 Ma trận đơn vị và ma trận không</p> <p>2.6 Ma trận chuyển vị và ma trận nghịch đảo</p> <p>Chương 3. Các mô hình tuyến tính và đại số ma trận (tiếp)</p> <p>3.1 Điều kiện cần và điều kiện đủ để một ma trận không suy biến</p> <p>3.2 Kiểm tra tính không suy biến bằng định thức</p> <p>3.3 Các tính chất cơ bản của định thức</p> <p>3.4 Tìm ma trận nghịch đảo</p>	5	3	<p>1.1_3</p> <p>1.3_2</p> <p>2.1_2</p> <p>2.3_1</p> <p>3.1_1</p> <p>3.3_2</p>	<p>GV:</p> <p>(1) Thuyết giảng nội dung lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các luật giao hoán, kết hợp, phân phối, - Ma trận đơn vị, ma trận không, ma trận chuyển vị, ma trận đối xứng, ma trận nghịch đảo và tính chất, ma trận nghịch đảo và nghiệm của hệ phương trình tuyến tính - Điều kiện cần và điều kiện đủ của ma trận không suy biến, nêu định nghĩa hàng ma trận thông qua hệ véc tơ dòng (cột) độc lập tuyến tính tối đại; - Định nghĩa định thức, công thức tính định thức cấp 1, 2, 3; tính định thức cấp n bằng khai triển Laplace. Tính chất cơ bản của định thức, kiểm tra tính không suy biến của ma trận bằng cách dùng 	<p>Kiểm tra bài tập về nhà và phần được giao đọc hiểu của SV</p> <p>Làm trắc nghiệm trên hệ thống Elearning: Tuần 2</p>	[1, p.76-107]

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	<p>Bài tập (3 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm câu hỏi ôn tập lý thuyết - Làm bài tập tương ứng - Giới thiệu cách tính toán trên Excel 				<p>định thức; cách định nghĩa khác của hạng ma trận thông qua định thức. Tìm ma trận nghịch đảo thông qua ma trận liên hợp.</p> <p>(2) Giao phần tự học cho SV: tìm hiểu thêm ứng dụng của ma trận trong phân tích kinh tế (Chuỗi Markov hữu hạn, Chuỗi Markov hấp thụ)</p> <p>(3) Giao bài tập về nhà. Bài tập [1, p.78-79, p.81-82, p.87, p.92, p.98, p.103, p.107]</p> <p>(4) Kiểm tra và đánh giá việc học của SV qua mức độ hoàn thành phần tự học và bài tập được giao.</p> <p>SV:</p> <p>(1) Nghiên cứu tài liệu;</p> <p>(2) Làm phần tự học;</p> <p>(3) Làm bài tập và những công việc được giao.</p>		
3	<p>Lý thuyết (5 giờ)</p> <p>3.5 Công thức Cramer</p> <p>3.6 Áp dụng vào mô hình thị trường và mô hình thu nhập quốc dân</p> <p>3.7 Mô hình Input-Output của Leontief</p>	5	3	<p>1.1_3</p> <p>1.2_2</p> <p>1.3_2</p> <p>2.1_2</p> <p>2.3_1</p> <p>3.1_1</p> <p>3.3_2</p>	<p>GV:</p> <p>(1) Thuyết giảng nội dung lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công thức Cramer, một vài lưu ý với hệ thuần nhất - Áp dụng với mô hình thị trường và mô hình thu nhập quốc dân, giới thiệu mô hình Input-Output của Leontief. <p>(2) Giao phần tự học cho SV: đọc và phân tích chi tiết về mô hình Input-Output của</p>	<p>Kiểm tra bài tập về nhà của SV</p> <p>Làm trắc nghiệm trên hệ thống Elearning: Tuần 3.</p>	[1, p.107 – 154]

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	<p>3.8 Hệ phương trình tuyến tính tổng quát và phương pháp Gauss</p> <p>Chương 4. Khái niệm đạo hàm</p> <p>4.1 Đạo hàm của hàm một biến</p> <p>4.2 Tốc độ thay đổi và đạo hàm</p> <p>4.3 Đạo hàm và độ dốc của đường cong</p> <p>4.4 Tính liên tục và khả vi của hàm số</p> <p>4.5 Đạo hàm và khái niệm cận biên trong kinh tế</p>				<p>Leontief (cấu trúc của một mô hình đầu vào- đầu ra, ma trận các hệ số đầu vào, mô hình mở, ví dụ giải số, tìm nghịch đảo bảng xếp xi, mô hình đóng).</p> <p>(3) Giso bài tập về nhà. Bài tập [1, p.112, p.115, p.123-124, p.131, p.153-154]</p> <p>SV:</p> <p>(1) Nghiên cứu tài liệu;</p> <p>(2) Làm phần tự học;</p> <p>(3) Làm bài tập và những công việc được giao.</p>		
4	<p>Bài tập (3 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm câu hỏi ôn tập lý thuyết - Làm bài tập và phần đọc hiểu được giao - Giới thiệu cách tính toán trên Excel <p>Lý thuyết (5 giờ)</p> <p>Chương 5. Các quy tắc tính đạo hàm và áp dụng trong phân tích kinh tế</p> <p>5.1 Đạo hàm của một số hàm số sơ cấp</p> <p>5.2 Các quy tắc tính đạo hàm: Quy tắc tổng, hiệu, tích, thương</p> <p>5.3 Đạo hàm hàm hợp và đạo hàm hàm ngược</p> <p>5.4 Đạo hàm riêng</p> <p>5.5 Áp dụng đạo hàm trong phân tích so sánh tình</p>	5	3	<p>1.2_2</p> <p>1.3_2</p> <p>2.1_3</p> <p>3.1_3</p> <p>3.2_3</p> <p>3.3_2</p>	<p>GV:</p> <p>(1) Thuyết giảng nội dung lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công thức tính đạo hàm của một số hàm sơ cấp, các quy tắc tính đạo hàm cơ bản như tổng, hiệu, tích, thương. Áp dụng trong kinh tế: tìm hàm doanh thu cận biên từ hàm doanh thu trung bình; mối liên hệ giữa hàm chi phí cận biên và chi phí trung bình. Quy tắc tính đạo hàm của hàm hợp, hàm ngược. - Đạo hàm riêng: định nghĩa và ví dụ, ý nghĩa của đạo hàm riêng trong kinh. 	<p>Kiểm tra bài tập về nhà của SV</p> <p>Làm trắc nghiệm trên hệ thống Elearning: Tuần 4</p> <p>Chấm điểm dựa trên bản cứng đã in ra và phần trình bày của các nhóm</p>	[1, p.155-186]

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	<p>5.6 Định thức của ma trận Jacobi</p> <p>Bài tập (3 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm câu hỏi ôn tập lý thuyết - Làm bài tập và phần đọc hiểu được giao 				<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đạo hàm trong phân tích so sánh tính: mô hình thị trường, mô hình thu nhập quốc dân, mô hình đầu vào – đầu ra. - Định thức của ma trận Jacobi (2) Giao bài tập về nhà. Bài tập: [1, p.159, p.169, p.173-174, p.177-178, p.184, p.186] (3) Kiểm tra và đánh giá việc học của SV qua mức độ hoàn thành phần tự học và bài tập được giao. Nghe và đánh giá phần trình bày bài tập nhóm của sinh viên lần 1. <p>SV:</p> <ul style="list-style-type: none"> (1) Nghiên cứu tài liệu; (2) Làm bài tập và những công việc được giao. (3) Trình bày bài tập nhóm 		
5	<p>Lý thuyết (5 giờ)</p> <p>Chương 6. Hàm ẩn và ứng dụng trong kinh tế</p> <ul style="list-style-type: none"> 6.1 Vi phân 6.2 Vi phân toàn phần 6.2.1 Khái niệm vi phân toàn phần 6.2.2 Các quy tắc tính vi phân toàn phần 6.2.3 Vi phân toàn phần và hệ số co giãn riêng 6.3 Các quy tắc của vi phân 6.4 Đạo hàm toàn phần 	5	3	<ul style="list-style-type: none"> 1.3_3 1.4_3 2.1_3 2.2_3 2.3_3 3.1_3 3.2_3 	<p>GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> (1) Thuyết giảng nội dung lý thuyết: - Vi phân và đạo hàm, vi phân và hệ số co giãn điểm, hệ số co giãn của một số hàm sơ cấp, Hệ số co giãn của hàm ngược. Vi phân toàn phần, hệ số co giãn riêng, các quy tắc tính vi phân. Đạo hàm toàn phần, đạo hàm riêng toàn phần. Hàm ẩn một biến, hàm ẩn nhiều biến, đạo hàm hàm ẩn, đạo hàm riêng của hàm ẩn nhiều biến. - Bài toán tối ưu hàm một biến, giá trị cực trị, giá trị tới hạn, điều kiện đạo hàm cấp 	<p>Làm bài kiểm tra quá trình số 1</p> <p>Kiểm tra bài tập về nhà của SV</p> <p>Làm trắc nghiệm trên hệ thống Elearning: Tuần 5</p>	[1, p.187 – 225; p.231 - 253]

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	<p>6.5 Đạo hàm của hàm ẩn</p> <p>6.6 So sánh tính của các mô hình hàm tổng quát</p> <p>Chương 7. Bài toán tối ưu hàm một biến</p> <p>7.1. Đạo hàm cấp cao</p> <p>7.1.1. Đạo hàm cấp cao, định nghĩa và ví dụ</p> <p>7.1.2. Đạo hàm cấp hai và tính lồi, lõm</p> <p>7.1.3. Đạo hàm cấp hai và khái niệm cận biên giảm dần trong kinh tế</p> <p>7.2 Bài toán tối ưu của hàm một biến</p> <p>7.2.1. Khái niệm về giá trị cực đại, cực tiểu và giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của hàm một biến</p> <p>7.2.2. Tìm giá trị cực trị của hàm một biến (điều kiện cần và điều kiện đủ)</p> <p>7.2.3. Tìm giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của hàm một biến</p> <p>7.2.4. Bài toán tối đa hóa lợi nhuận</p>	5	3		<p>một, đạo hàm cấp cao, điều kiện đạo hàm cấp hai, điều kiện cho tối ưu hoá lợi nhuận.</p> <p>(2) Giao phần tự học cho SV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ hàm ẩn, đạo hàm riêng của hệ hàm ẩn - Tìm hiểu thêm về tính chất cận biên giảm dần của một số hàm kinh tế một biến (hàm lợi ích, hàm sản xuất) - Các hệ số của hàm chi phí bậc ba <p>(3) Giao bài tập về nhà</p> <p>(4) Kiểm tra và đánh giá việc học của SV qua mức độ hoàn thành phần tự học và bài tập được giao.</p> <p>SV:</p> <ul style="list-style-type: none"> (1) Nghiên cứu tài liệu; (2) Làm phần tự học; (3) Làm bài tập và những công việc được giao. 		
6	<p>Bài tập (3 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm câu hỏi ôn tập lý thuyết - Làm bài tập và phần đọc hiểu được giao <p>Lý thuyết (5 giờ)</p>	5	3	1.3_3 1.4_3	GV: (1) Thuyết giảng nội dung lý thuyết:		[1, p.268- p.331]

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	<p>Chương 8. Hàm mũ và hàm logarit</p> <p>8.1. Nhắc lại định nghĩa và một số tính chất của hàm số mũ và hàm số logarit</p> <p>8.2. Hàm số mũ và bài toán lãi suất kép</p> <p>8.3. Bài toán quyết định thời điểm tối ưu</p> <p>8.4. Tốc độ tăng của một hàm số</p> <p>Chương 9. Bài toán tối ưu hàm nhiều biến</p> <p>9.1 Đạo hàm riêng cấp hai</p> <p>9.1.1 Định nghĩa</p> <p>9.1.2. Ví phân toàn phần cấp hai và ma trận Hess</p> <p>9.2 Dạng toàn phương</p> <p>Bài tập (3 giờ)</p> <p>- Làm câu hỏi ôn tập lý thuyết</p> <p>- Làm bài tập được giao</p>			<p>2.1_3</p> <p>2.2_3</p> <p>2.3_3</p> <p>3.1_3</p> <p>3.2_3</p>	<p>- Hàm mũ, hàm mũ cơ số tự nhiên và vấn đề tăng trưởng, số e, diễn giải số e trong kinh tế. Lãi suất kép và hàm Ae^{rt}, tốc độ tăng trưởng tức thì, lãi suất kép liên tục, tăng trưởng rời rạc và liên tục, triết khấu và tốc độ tăng trưởng âm.</p> <p>- Hàm logarit, đạo hàm và các tính chất của hàm mũ và hàm logarit. Bài toán tối ưu thời gian: bài toán tích trữ rượu, bài toán đốn gỗ. Tốc độ tăng của hàm theo thời gian, tính chất của tốc độ tăng.</p> <p>- Dạng vi phân của điều kiện tối ưu: điều kiện cấp 1, điều kiện cấp 2, các điều kiện vi phân và các điều kiện đạo hàm. Bài toán tối ưu hàm hai biến: điều kiện bậc nhất, các đạo hàm riêng cấp hai, vi phân toàn phần cấp hai, điều kiện cấp hai.</p> <p>- Dạng toàn phương, vi phân toàn phần cấp hai như một dạng toàn phương, tính xác định dương, xác định âm, kiểm tra tính xác định dấu bằng định thức, dạng toàn phương 3 biến, dạng toàn phương n biến, kiểm tra tính xác định bằng giá trị riêng.</p> <p>(2) Giao bài tập về nhà. Bài tập: [1, p.273-274, p.281-282, p.287, p.291-292, p.297-298, p.301-302, p.305-306, p318-319, p.331]</p> <p>(3) Kiểm tra và đánh giá việc học của SV qua mức độ hoàn thành bài tập được giao.</p>	<p>Kiểm tra bài tập về nhà của SV</p> <p>Làm trắc nghiệm trên hệ thống Elearning: Tuần 6</p>	

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
					SV: (1) Nghiên cứu tài liệu; (2) Làm bài tập được giao.		
7	<p>Lý thuyết (5 giờ)</p> <p>9.3 Bài toán cực trị của hàm nhiều biến</p> <p>9.3.1. Điều kiện cần tìm cực trị hàm nhiều biến</p> <p>9.3.2. Điều kiện đủ tìm cực trị hàm nhiều biến</p> <p>9.3.3. Tìm giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của hàm nhiều biến</p> <p>9.3.4. Bài toán tối đa hóa lợi nhuận: Bài toán tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp sản xuất nhiều sản phẩm, Bài toán phân biệt giá</p> <p>Chương 10. Bài toán cực trị có điều kiện ràng buộc</p> <p>10.1. Bài toán cực trị có điều kiện ràng buộc</p> <p>10.1.1. Định nghĩa hàm Lagrange</p> <p>10.1.2. Điều kiện cần tìm cực trị ràng buộc</p> <p>10.1.3. Điều kiện đủ tìm cực trị ràng buộc</p> <p>10.1.4. Ý nghĩa của nhân tử Lagrange</p> <p>10.1.5. Ứng dụng trong kinh tế</p>	5	3	<p>1.3_3</p> <p>1.4_3</p> <p>2.1_3</p> <p>2.2_3</p> <p>2.3_3</p> <p>3.1_3</p> <p>3.2_3</p>	<p>GV:</p> <p>(1) Thuyết giảng nội dung lý thuyết: - Bài toán tối ưu hàm nhiều hơn hai biến, điều kiện cấp hai và tính lồi, lõm. Áp dụng trong kinh tế: Bài toán một hãng sản xuất nhiều sản phẩm, Bài toán phân biệt giá, Bài toán các quyết định đầu vào của một hãng. - Tác động của điều kiện ràng buộc, phương pháp nhân tử Lagrange, cách tiếp cận dùng vi phân toàn phần, diễn giải của nhân tử Lagrange. Điều kiện cấp hai cho bài toán cực trị có ràng buộc: vi phân toàn phần cấp hai, điều kiện cấp hai, ma trận biên Hessian (2) Giao phần tự học cho SV: Tìm hiểu thêm về tính chất cần biên giảm dần của một số hàm kinh tế nhiều biến (hàm lợi ích, hàm sản xuất) (3) Giao bài tập về nhà. Bài tập: [1, p.337, p.352-353, p.363-364, p.378-379, p.409-410, p.417-418] (4) Kiểm tra và đánh giá việc học của SV qua mức độ hoàn thành phần tự học và bài tập được giao.</p>	<p>Kiểm tra bài tập về nhà của SV</p> <p>Làm trắc nghiệm trên hệ thống Elearning: Tuần 7: Kiểm định giá thuyết</p>	[1, p.332-418]

Tuần	Nội dung	Số giờ L.T	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	Bài tập (3 giờ) - Làm câu hỏi ôn tập lý thuyết - Làm bài tập được giao				SV: (1) Nghiên cứu tài liệu; (2) Làm phần tự học; (3) Làm bài tập và những công việc được giao.		
8	Lý thuyết (5 giờ) 10.2 Hàm tuần nhất 10.3 Bài toán chi phí tối thiểu Chương 11. Tích phân và ứng dụng 11.1. Tích phân không xác định 11.1.1. Nguyên hàm của một hàm số 11.1.2. Tích phân không xác định của một hàm số 11.1.3. Tích phân không xác định của một số hàm số cơ bản 11.1.4. Một số phương pháp tính tích phân không xác định của một hàm số 11.2. Tích phân xác định 11.2.1. Định nghĩa tích phân xác định 11.2.2. Một số tính chất của tích phân xác định 11.2.3. Một số phương pháp tính tích phân xác định	5	3	1.3_3 1.4_3 2.1_3 2.2_3 2.3_3 3.1_3 3.2_3	GV: (1) Thuyết giảng nội dung lý thuyết: - Hàm tuần nhất, định nghĩa, hàm sản xuất dạng Cobb-Douglas tuần nhất. Bài toán chi phí tối thiểu. - Tích phân không xác định, tích phân xác định, tính chất, áp dụng trong kinh tế: từ hàm cận biên đến hàm tổng, đầu tư và sự hình thành vốn, giá trị hiện tại của dòng tiền, giá trị hiện tại của dòng tiền vĩnh cửu, (2) Giao bài tập về nhà. Bài tập [1,p.446 , p.454, p.458, p.464-465, p.469]. - đọc thêm 13.6 Mô hình tăng trưởng Domar - thặng dư sản xuất, thặng dư tiêu dùng	- Bài kiểm tra số 2. Kiểm tra bài tập về nhà của SV Làm trắc nghiệm trên hệ thống Elearning: Tuần 8	[1, p. 435- p.469]

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	<p>11.3. Tích phân suy rộng loại 1</p> <p>11.3.1. Định nghĩa tích phân suy rộng loại 1</p> <p>11.3.2. Một số ví dụ tính tích phân suy rộng loại 1</p> <p>11.4. Một số ứng dụng trong kinh tế của tích phân</p> <p>11.4.1. Tìm hàm tổng từ hàm cận biên</p> <p>11.4.2. Tìm dòng vốn tạo thành từ tỉ lệ đầu tư</p> <p>11.4.3. Tìm giá trị hiện tại của dòng tiền hữu hạn</p> <p>11.4.4. Tìm giá trị hiện tại của dòng tiền vĩnh cửu</p> <p>11.4.5. Tính giá trị thặng dư của người tiêu dùng và nhà sản xuất</p>				<p>SV:</p> <p>(1) Nghiên cứu tài liệu;</p> <p>(2) Làm phần tự học;</p> <p>(3) Làm bài tập và những công việc được giao.</p>		
9	<p>Chương 12. Phương trình vi phân và ứng dụng trong kinh tế.</p> <p>12.1 Các khái niệm cơ bản</p> <p>12.2 Phương trình vi phân cấp một</p> <p>12.3 Ứng dụng của phương trình vi phân trong kinh tế</p> <p>Chương 13. phương trình sai phân và ứng dụng trong kinh tế</p>	5	3	<p>1.3_3</p> <p>1.4_3</p> <p>2.1_3</p> <p>2.2_3</p> <p>2.3_3</p> <p>3.1_3</p> <p>3.2_3</p>	<p>GV:</p> <p>(1) Thuyết giảng nội dung lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương trình vi phân cấp một, các khái niệm cơ bản, phương trình vi phân tuyến tính cấp một, phương pháp tìm nghiệm của phương trình Bernoulli - Ứng dụng của phương trình vi phân trong kinh tế: Mô hình điều chỉnh giá thị trường, Sự điều chỉnh liên tục trong mô hình kinh tế vĩ mô Keynes, Mô hình tăng trưởng Domar, Mô hình tăng trưởng Solow. - Khái niệm sai phân cấp một, phương trình sai phân cấp một 	<p>Kiểm tra bài tập về nhà của SV</p> <p>Làm trắc nghiệm trên hệ thống</p> <p>Elearning: Tuần 9</p>	[11, p.160-200]

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	<p>13.1 Khái niệm sai phân cấp một, phương trình sai phân cấp một</p> <p>13.2 Giải phương trình sai phân cấp một</p> <p>13.3 Ứng dụng của phương trình sai phân cấp một trong phân tích cân bằng động</p> <p>Bài tập (3 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm câu hỏi ôn tập lý thuyết - Làm bài tập được giao 				<p>- Giải phương trình sai phân cấp một: phương pháp lập, phương pháp tổng quát</p> <p>- Ứng dụng của phương trình sai phân cấp một trong phân tích cân bằng động: mô hình Cobweb (mô hình mạng nhện), Mô hình thị trường có hàng tồn kho.</p> <p>(2) Giao bài tập về nhà. [11, p.185, p.200]</p> <p>(3) Kiểm tra và đánh giá việc học của SV qua mức độ hoàn thành phần tự học và bài tập được giao.</p> <p>SV:</p> <p>(1) Nghiên cứu tài liệu;</p> <p>(2) Làm phần tự học;</p> <p>(3) Làm bài tập và những công việc được giao.</p>		

CDR học phần có cấu trúc: STT của CDR học phần_n

Trong đó, n là mức độ theo Bloom:

Kiến thức	1 - Biết/Nhớ	2 - Hiểu	3 - Vận dụng	4 - Phân tích	5 - Tổng hợp	6 - Đánh giá
Thái độ	1 - Tiếp nhận	2 - Hồi đáp	3 - Đánh giá	4 - Tổ chức	5 - Tinh cách	
Kỹ năng	1 - Bất chước	2 - Thao tác được	3 - Thao tác chính xác	4 - Thao tác biến hóa	5 - Thao tác thuần thục	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

Giáo viên

- Thuyết giảng kiến thức,
- Giao nhiệm vụ cho sinh viên đọc lý thuyết (có thể tổ chức hoạt động theo nhóm và trình bày theo nhóm) và làm các test lý thuyết trên Elearning, các bài tập trong tài liệu được cung cấp.

- Giải đáp các thắc mắc về lý thuyết, kiểm tra việc học của sinh viên, chữa bài tập sinh viên chưa làm được và chữa lỗi sai mà sinh viên mắc phải.

- Cho sinh viên làm ít nhất hai bài kiểm tra trực tiếp để lấy điểm quá trình

Sinh viên

- Tham gia các giờ học lý thuyết và bài tập trực tiếp trên lớp
- Làm các bài test trên Elearning
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao về tự học, làm bài tập và thuyết trình
- Hoàn thành các bài kiểm tra tính điểm quá trình

6. PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Học phần sử dụng một số cách đánh giá kết quả học tập sau:

- Trắc nghiệm (hàng tuần trên hệ thống E-Learning sau mỗi tuần học, đáp án);
- Chuyên cần (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm);
- Trình bày bài tập nhóm (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm);
- Tự luận kết hợp thực hành: kiểm tra quá trình (thời gian: 60 phút) và thi kết thúc học phần (thời gian: 90 phút) (công cụ đánh giá: đáp án).

Điểm quá trình = Điểm lý thuyết*33%+ Điểm bài tập*67%,

Điểm lý thuyết = Điểm chuyên cần*50%

+ Điểm làm trắc nghiệm trên Elearning/ bài kiểm tra tại lớp *20%

+ Điểm bài tập nhóm*30%

Điểm bài tập = Điểm chuyên cần*10% + Điểm kiểm tra quá trình*90%

Điểm tổng kết = Điểm quá trình * 40% + Điểm thi cuối kỳ* 60%.

7. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ PHÙ HỢP VỚI CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp dạy – học						Phương pháp đánh giá			
		Thuyết giảng	Thực hành	Tự học	Vấn đáp	Làm bài tập nhóm	Trắc nghiệm	Tự luận kết hợp thực hành trên máy	Vấn đáp	Bài tập nhóm	Quyển cũn
1.	Hiểu các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính, về Giải tích; áp dụng vào giải quyết một số vấn đề trong kinh tế.										
1.1.	Nhận biết được những kiến thức cơ bản trong đại số tuyến tính như: ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian véc tơ và dạng toàn phương.	x	x	x			x	x			x
1.2.	Nhận biết được những kiến thức cơ bản trong giải tích như: đạo hàm, vi phân hàm một biến và nhiều biến; tích phân hàm một biến.	x	x	x		x	x	x		x	x
1.3.	Liên hệ được những khái niệm trong kinh tế và toán học; xây dựng được những bài toán kinh tế tương ứng với những vấn đề trong kinh tế được đề cập trong học phần	x	x	x			x	x			x
1.4.	Lựa chọn những công cụ trong đại số tuyến tính và giải tích để giải quyết những bài toán kinh tế đặt ra và giải thích được những kết quả đạt được	x	x	x			x	x		x	x
2.	Thể hiện kỹ năng giải các bài toán cơ bản trong đại số tuyến tính, giải tích toán học và vận dụng những kiến thức toán được học vào việc giải quyết một số bài toán trong kinh tế.										
2.1.	Thực hiện được những tính toán cơ bản trong đại số tuyến tính tuyến tính cũng như giải tích một biến và nhiều biến.	x	x	x		x	x	x			x
2.2.	Vận dụng kiến thức toán được học để giải quyết những bài toán trong kinh tế.	x	x	x		x					x
2.3.	Sử dụng phần mềm Excel để hỗ trợ giải quyết những bài toán đặt ra trong thực tế.	x	x	x		x	x	x		x	x
3	Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm, rèn luyện khả năng tự học										
3.1.	Thể hiện tham gia tích cực hoạt động nhóm.		x					x		x	x
3.2.	Thể hiện khả năng trình bày và thuyết trình vấn đề										
3.2.	Thể hiện khả năng tự học khi được giao tìm hiểu những nội dung trong chương trình.		x	x				x		x	x

8. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY

Tài liệu chính:

[1]. Alpha C. Chiang (1984), *Fundamental Methods of Mathematical Economics*, McGraw-Hill Book company.

Tài liệu tham khảo:

[2]. Ian Jacques (2018), *Mathematics for Economics and Business*, Pearson

[3]. Carl P. Simon – Lawrence Blume (1994), *Mathematics for Economists*, Norton.

[4]. Michael Hoy – John Livernois – Chris McKenna – Ray Rees – Thanasis Stengos (2001), *Mathematics for Economics*, The MIT Press.

[5]. Lê Đình Thúy (năm 2008), *Toán Cao Cấp cho các Nhà Kinh Tế (Phần I: Đại số tuyến tính)*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

[6]. Lê Đình Thúy (năm 2004), *Toán Cao Cấp cho các Nhà Kinh Tế (Phần II: Giải tích toán học)*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

[7]. Nguyễn Huy Hoàng (năm 2011), *Toán cơ sở cho kinh tế*, NXB thông tin truyền thông.

[8]. Lê Quang Hoàng Nhân (năm 2008), *Toán Cao Cấp (Phần Giải Tích)*, NXB Thống kê.

[9]. Hoàng Anh Tuấn (năm 2008), *Toán Cao Cấp (Phần Đại Số Tuyến Tính)*, NXB Thống kê.

[10]. Trương Thị Thanh Phượng và nnk. (năm 2020), *Toán Kinh Tế (Phần I)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[11]. Trương Thị Thanh Phượng và nnk. (năm 2020), *Toán Kinh Tế (Phần II)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

9. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Lĩnh vực chuyên môn
1	Đỗ Thị Thuý Hằng	Thạc sĩ	Giải tích
2	Phan Thanh Hồng	Thạc sĩ	Xác suất
3	Dương Thị Hương	Thạc sĩ	Đại số
4	Lê Thị Hường	Tiến sĩ	Phương trình đạo hàm riêng
5	Ngô Thị Thanh Nga	Tiến sĩ	Phương trình vi phân
6	Trần Minh Nguyệt	Tiến sĩ	Phương trình đạo hàm riêng
7	Nguyễn Thị Nhung	Tiến sĩ	Hình học-Tô pô
8	Nhâm Ngọc Tần	Tiến sĩ	Phương pháp dạy học
9	Nguyễn Lâm Tùng	Thạc sĩ	Giải tích
10	Hoàng Ngọc Tùng	Thạc sĩ	Toán ứng dụng
11	Nguyễn Quốc Tuấn	Thạc sĩ	Giải tích
12	Nguyễn Hồng Châu	Thạc sĩ	Đại số

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

Khoa Kinh tế - Quản lý và Bộ môn Toán có trách nhiệm phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể GV tham gia giảng dạy thực hiện;

GV có nhiệm vụ:

- Phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể người học vào tiết học đầu tiên của học phần;
- Thực hiện theo đúng nội dung và kế hoạch giảng dạy trong đề cương chi tiết đã được duyệt;
- Tạo lớp giảng dạy trên Ms Team nhằm cung cấp tài liệu, giải đáp thắc mắc của SV;
- Lập kế hoạch tổ chức hoạt động trên lớp trước buổi học; chủ động tổ chức, điều phối các hoạt động để SV tự học và hỗ trợ nhau trong quá trình học;
- Luôn tạo mọi cơ hội để SV cải thiện trình độ, cải thiện điểm.

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
TRƯỞNG BỘ MÔN**



TS. Bùi Huy Hiền

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Ngô Thị Thanh Nga

11. PHỤ LỤC A: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)

3.3 Phụ lục 1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm
		Rất tốt 10-8,5	Tốt 8,4-7	Đạt yêu cầu 6,9-5	Không đạt 4,9-0	
Mức độ tham dự theo TKB	80%	Tham dự >90% số buổi	Tham dự >80% đến 90% số buổi	Tham dự >=70% đến 80% số buổi	Tham dự <70% số buổi	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	20%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu trả lời nhiều câu hỏi, bài tập	Có đặt, trả lời > 2 câu hỏi, bài tập	Có đặt trả lời ít nhất 1 câu hỏi, bài tập	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

3.4 Phụ lục 2. Rubric đánh giá nhóm

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Điểm
		10-8,5	8,4-7	6,9-5	4,9-0	
Hình thức báo cáo	10%	Đẹp, rõ, không lỗi chính tả	-----	-----	Đơn điệu, nhiều lỗi chính tả	
Kỹ năng trình bày	10%	Nói rõ, tự tin, thuyết phục giao lưu người nghe	-----	-----	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe	
Nội dung báo cáo	40%	Đáp ứng 80%- 100% yêu cầu	Đáp ứng 70%- <80% yêu cầu	Đáp ứng 50%- <70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	
Trả lời câu hỏi	20%	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi	Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi	Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi	
Tham gia thực hiện	20%	>80- 100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	60% đến <80% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	>40% đến < 60% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	< 40% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	

12. PHỤ LỤC B: MA TRẬN ĐỀ THI

Hình thức thi: Bài thi trên giấy kết hợp thực hành trên máy tính.

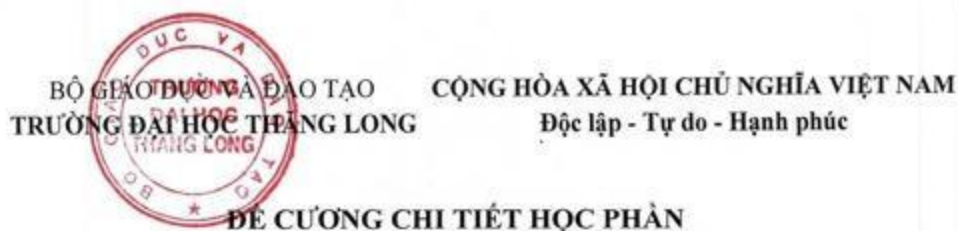
Thời gian: 90 phút (gồm cả thời gian nộp bài).

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Vận dụng mức cao	Tổng
1.	Chương 1. Giới thiệu về toán kinh tế và phân tích cân bằng trong kinh tế		1 câu 0,5 điểm 4%			1 câu 0,5 điểm 4%

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Vận dụng mức cao	Tổng
2	Chương 2, 3. Các mô hình tuyến tính và đại số ma trận		2 câu 1 điểm 8%	2 câu 1,5 điểm 12,5%		4 câu 2,5 điểm 21%
3	Chương 4. Khái niệm đạo hàm		1 câu 0,5 điểm 4%	1 câu 0,5 điểm 4%		2 câu 1 điểm 8%
4	Chương 5. Các quy tắc tính đạo hàm và áp dụng trong phân tích kinh tế		1 câu 0,5 điểm 4%	1 câu 0,5 điểm 4%		2 câu 1 điểm 8%
5	Chương 6. Hàm ẩn và ứng dụng trong kinh tế			1 câu 1 điểm 8%		1 câu 1 điểm 8%
6	Chương 7. Bài toán tối ưu hàm một biến			1 câu 1 điểm 8%		1 câu 1 điểm 8%
7	Chương 8. Hàm mũ và hàm logarit		1 câu 0,5 điểm 4%	1 câu 0,5 điểm 4%		2 câu 1 điểm 8%
8	Chương 9. Bài toán tối ưu hàm nhiều biến; Chương 10. Bài toán cực trị có điều kiện ràng buộc			1 câu 0,5 điểm 4%	1 câu 1,5 điểm 12,5%	2 câu 2 điểm 16,5%
9	Chương 11. Tích phân và ứng dụng		1 câu 0,5 điểm 4%	1 câu 0,5 điểm 4%		2 câu 1 điểm 8%
10	Chương 12. Phương trình vi phân và ứng dụng trong kinh tế; Chương 13. phương trình sai phân và ứng dụng trong kinh tế			1 câu 0,5 điểm 4%	1 câu 0,5 điểm 4%	2 câu 1 điểm 8%
	Tổng số câu Tổng số điểm Tỷ lệ %	0 0 0 %	7 câu 3,5 điểm 29,1%	10 câu 6,5 điểm 54,1%	2 câu 2 điểm 16,7%	19 câu 12 điểm 100%

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

3. Xác suất thống kê ứng dụng – MA231



1. THÔNG TIN CHUNG

1.1	Tên học phần	<i>Tiếng Việt:</i> Xác suất thống kê ứng dụng <i>Tiếng Anh:</i> Statistics and its application
1.2	Mã học phần	MA231
1.3	Thuộc khối kiến thức	Giáo dục chuyên nghiệp
1.4	Tính chất của học phần	Bắt buộc
1.5	Khoa phụ trách	Khoa Toán Tin
1.6	Số tín chỉ	4
1.7	Điều kiện tiên quyết	MA142 (Đại số tuyến tính, giải tích và ứng dụng trong kinh tế), CS101 (Công dân số)
1.8	Thời lượng giảng dạy trực tiếp	45 giờ lý thuyết + 27 giờ thực hành
1.9	Thời lượng giảng dạy kết hợp E-Learning	
1.10	Ngày ban hành	21/4/2022

2. YÊU CẦU CỦA HỌC PHẦN

Về kiến thức, học phần yêu cầu sinh viên (SV) được trang bị trước những kiến thức cơ bản chung trong Toán cơ sở (tập hợp, hàm, nguyên lý đếm,...). Ngoài ra, SV cũng cần kỹ năng sử dụng các phần mềm cơ bản trên máy tính.

Về trang thiết bị, lớp học lý thuyết cần được trang bị máy tính có nối mạng internet, máy chiếu để giảng viên (GV) thuyết giảng và để SV trình bày bài tập nhóm. Giờ bài tập, SV học tại các phòng máy tính được cài sẵn các phần mềm cơ bản và phần mềm mã nguồn mở R để thực hành các bài toán thống kê.

Về nội quy, SV nghiêm túc thực hiện Nội quy lớp học và:

- Theo dõi và thực hiện các thông báo hướng dẫn học tập của GV trong MS Team của lớp (nếu có);
- Phải tham gia học ít nhất 70% số giờ quy định;
- Đi học muộn quá 15 phút thì không được vào lớp và được coi là nghỉ buổi học đó;
- Cài đặt phần mềm R trên máy tính cá nhân để thực hành bài tập được giao;



- Hoàn thành bài tập GV giao trước khi đến lớp;
- Tham gia nhóm để làm các bài tập nhóm của học phần;
- Làm đầy đủ bài kiểm tra của học phần;
- Bắt buộc làm bài thi cuối kỳ.

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thống kê và ứng dụng của những kiến thức này trong kinh tế xã hội. Học phần giúp sinh viên tiếp cận và sử dụng phần mềm thống kê (đặc biệt là phần mềm thống kê mã nguồn mở R) để mô tả và phân tích dữ liệu, từ đó đưa ra những dự báo cũng như các quyết định về một số vấn đề trong thực tế kinh tế, xã hội.

1.1 3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra
CO1: Hiểu các kiến thức cơ bản về thống kê, xác suất, biến ngẫu nhiên và vận dụng những kiến thức này vào giải quyết những bài toán thực tế.	1.1. Nắm vững những khái niệm cơ bản trong thống kê mô tả, những bài toán cơ bản trong thống kê suy diễn.
	1.2. Nắm vững những khái niệm cơ bản trong xác suất, biến ngẫu nhiên.
	1.3. Mô tả được những ứng dụng cơ bản của xác suất, thống kê trong kinh tế xã hội.
	1.4. Lựa chọn những công cụ thống kê phù hợp để giải quyết được những bài toán đặt ra và giải thích các kết quả đạt được.
CO2: Thể hiện kỹ năng vận dụng kiến thức xác suất, thống kê vào giải quyết bài toán thực tế với sự hỗ trợ của phần mềm R	2.1. Sử dụng phần mềm R để mô tả, phân tích, trình bày số liệu; tính toán xác suất của những biến ngẫu nhiên phổ biến và thực hiện những bài toán thống kê suy diễn.
	2.2. Xây dựng được những bài toán thống kê ứng với những tình huống thực tế trong kinh tế xã hội.
	2.3. Sử dụng phần mềm R để hỗ trợ giải quyết các bài toán trong thực tế.
CO3: Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm, rèn luyện khả năng tự học	3.1. Thể hiện tham gia tích cực hoạt động nhóm.
	3.2. Thể hiện khả năng tự học khi được giao tìm hiểu những nội dung trong chương trình.

1.2 3.2. Chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT					
		1.2.1.	2.1.2	2.2.2.	3.1.2.	3.2.1.	3.3.
1.	Hiểu các kiến thức cơ bản về thống kê, xác suất, biến ngẫu nhiên và vận dụng những kiến thức vào giải quyết những bài toán thực tế.						
1.1.	Nắm vững những khái niệm cơ bản trong thống kê mô tả, những bài toán cơ bản trong thống kê suy diễn.	K3					
1.2.	Nắm vững những khái niệm cơ bản trong xác suất, biến ngẫu nhiên.	K2					
1.3.	Mô tả được những ứng dụng cơ bản của xác suất, thống kê trong kinh tế xã hội.	K2					
1.4.	Lựa chọn những công cụ thống kê phù hợp để giải quyết được những bài toán đặt ra và giải thích các kết quả đạt được.	K3					
2.	Thể hiện kỹ năng vận dụng kiến thức xác suất, thống kê vào giải quyết bài toán thực tế với sự hỗ trợ của phần mềm R						
2.1.	Sử dụng phần mềm R để mô tả, phân tích, trình bày số liệu; tính toán xác suất của những biến ngẫu nhiên phổ biến và thực hiện những bài toán thống kê suy diễn.			S3			
2.2.	Xây dựng được những bài toán thống kê ứng với những tình huống thực tế trong kinh tế xã hội.			S3			
2.3.	Sử dụng phần mềm R để hỗ trợ giải quyết các bài toán trong thực tế			S3			
3	Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm, rèn luyện khả năng tự học						
3.1.	Thể hiện tham gia tích cực hoạt động nhóm.		A3		S3	S3	
3.2.	Thể hiện khả năng tự học khi được giao tìm hiểu những nội dung trong chương trình.			S3			

K: Kiến thức 1 - Biết/Nhớ 2 - Hiểu 3 - Vận dụng 4 - Phân tích 5 - Tổng hợp
6 - Đánh giá

A: Thái độ 1 - Tiếp nhận 2 - Hỏi đáp 3 - Đánh giá 4 - Tổ chức 5 - Tính cách

S: Kỹ năng 1 - Bất chước 2 - Thao tác được 3 - Thao tác chính xác 4 - Thao tác biến hóa
5 - Thao tác thuần thục

4. KẾ HOẠCH DẠY - HỌC

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
1	<p>Lý thuyết: (5 giờ)</p> <p>Chương 1: Giới thiệu chung về môn học (1 giờ)</p> <p>1.3 Thống kê là gì?</p> <p>1.4 Tại sao phải học thống kê</p> <p>1.5 Một số khái niệm cơ bản</p> <p>1.6 Quá trình nghiên cứu thống kê</p> <p>Chương 2: Thu thập dữ liệu (2 giờ)</p> <p>2.1 Xác định dữ liệu cần thu thập</p> <p>2.2 Dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp</p> <p>2.3 Mẫu ngẫu nhiên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm mẫu ngẫu nhiên - Một số kỹ thuật lấy mẫu ngẫu nhiên: lấy mẫu đơn giản, lấy mẫu hệ thống, lấy mẫu cá nhân, lấy mẫu phân tầng <p>Chương 3: Tóm tắt và trình bày dữ liệu. (2 giờ)</p> <p>3.1 Tóm tắt dữ liệu bằng bảng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảng tần số 1 biến - bảng tần số 2 biến <p>Bài tập (3 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về R và RStudio - Cài đặt R và RStudio 	5	3	1.1_3 1.3_2 2.1_3 2.2_3 3.2_3	<p>GV:</p> <p>(1) Giới thiệu học phần (dễ cương chi tiết, tài liệu học tập, danh giá SV, lịch kiểm tra, hình thức thi cuối kỳ);</p> <p>(2) Phổ biến nội quy lớp học;</p> <p>(3) Thuyết giảng nội dung lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu sự cần thiết của thống kê trong KTXH ; - Đưa ra bài toán tình huống; - Trình bày nội dung lý thuyết - Giải quyết bài toán tình huống <p>(4) Giao nhiệm vụ cho SV: Tìm hiểu một số ứng dụng của thống kê trong KTXH</p> <p>SV:</p> <p>(1) Thành lập nhóm;</p> <p>(2) SV mượn/mua giáo trình;</p> <p>(3) Nghiên cứu học liệu;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tìm hiểu trước giờ thực hành về phần mềm R và Rstudio theo địa chỉ sau: https://www.r-project.org/ https://www.rstudio.com/ <p>- Tự đọc phần tạo dữ liệu bằng hàm seq, rep, gl và chọn mẫu ngẫu nhiên bằng sample ([4], p 41-46)</p> <p>(4) Làm bài tập được giao.</p>	<p>Vấn đáp: Các khái niệm cơ bản của thống kê, một số ứng dụng của thống kê trong KTXH mà sinh viên tìm hiểu được.</p> <p>Kiểm tra bài tập về nhà của SV.</p> <p>- [4]: Bài tập 1-6</p> <p>Làm trắc nghiệm trên hệ thống Elearning: Tuần 1</p>	<p>[1]</p> <p>[4]</p>

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	<ul style="list-style-type: none"> - Trợ giúp trong R/RStudio - Đổi tương và đặt tên đối tượng - Các phép toán, hàm tính toán đơn giản - Nhập, biên tập, truy cập dữ liệu dạng vector <p>Nhập, biên tập, truy cập dữ liệu dạng bảng</p>						
2	<p>Chương 3: Tóm tắt và trình bày dữ liệu. (tiếp) (3 giờ)</p> <p>3.2 Tóm tắt, trình bày dữ liệu bằng biểu đồ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu đồ phân phối tần số - Đa giác tần số - Biểu đồ thân và lá - Biểu đồ thanh - Biểu đồ tròn <p>3.3 Tóm tắt, trình bày dữ liệu bằng các đại lượng thống kê:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số đo hướng tâm: trung bình, trung vị, mode - Số đo độ phân bố: tứ phân vị, phân vị thứ p - Số đo độ phân tán: khoảng biến thiên, độ trải giữa, phương sai, độ lệch chuẩn 	5	3	<p>1.1_3 1.3_2 1.4_3 2.1_3 2.2_3 2.3_3 3.1_3 3.2_3</p>	<p>GV:</p> <p>(1) Thuyết giảng nội dung lý thuyết: - Đưa ra bài toán tình huống; - Trình bày nội dung phân biểu đồ và các đại lượng thống kê mô tả; - Giải quyết bài toán tình huống và những ví dụ minh họa ứng dụng trong KTXH</p> <p>(2) Giao phần tự học cho SV: Sinh viên đọc phần phân vị, tứ phân vị, độ trải giữa, biểu đồ hộp và râu, giá trị ngoại biên và trả lời vào phiếu tự học. Một số link tài liệu tham khảo: https://en.wikipedia.org/wiki/Quartile https://en.wikipedia.org/wiki/Interquartile_range https://hemftu.wordpress.com/2015/03/07/bieu-do-hop/ https://www.khanacademy.org/math/probability/data-distributions-a1/box-whisker-plots-a1</p>	<p>-Vấn đáp: nội dung về phân vị, tứ phân vị, giá trị ngoại biên, biểu đồ hộp râu Kiểm tra bài tập về nhà của SV</p> <p>Làm trắc nghiệm trên hệ thống Elearning: Tuần 2</p>	<p>[1] [4]</p>

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	<p>- Hệ số tương quan tuyến tính mẫu và biểu đồ tán xạ</p> <p>Ôn tập, kiểm tra phần tự học, cho sinh viên làm bài kiểm tra, giao bài tập lớn, phân nhóm sinh viên (2 giờ)</p> <p>Bài tập (3 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc dữ liệu vào R và lập bảng tần số trong R: Đọc dữ liệu trong R/RStudio với các định dạng file.rda, file.csv và file.txt - Lập bảng tần số với các hàm table, prop.table, cut. 				<p>(3) Giao bài tập về nhà: Nghiên cứu trước các hàm barplot, pie, hist, các hàm mean, quantile, var, sd, range</p> <p>Làm các bài tập 14,16,18,19 trong [4]</p> <p>(4) Kiểm tra và đánh giá việc học của SV qua mức độ hoàn thành phần tự học và bài tập được giao.</p> <p>SV:</p> <p>(1) Nghiên cứu tài liệu;</p> <p>(2) Làm phần tự học;</p> <p>(3) Làm bài tập và những công việc được giao.</p>		
3	<p>Chương 4: Xác suất và biến ngẫu nhiên</p> <p>4.1. Xác suất:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Khái niệm xác suất: biến cố, biến cố sơ cấp, không gian biến cố sơ cấp. Tổng hai biến cố, tích hai biến cố. - Các quy tắc tính xác suất: quy tắc cộng, quy tắc nhân, xác suất có điều kiện, <i>đầy đủ, Bayes</i> 4.2 Biến ngẫu nhiên và quy luật phân phối - Định nghĩa biến ngẫu nhiên tổng quát 	5	3	1.2_2 1.3_2 2.1_3 3.2_3	<p>GV:</p> <p>(1) Thuyết giảng nội dung lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày về các khái niệm cơ bản trong xác suất, các quy tắc tính xác suất và các ứng dụng của xác suất trong KTXH - phân công thực đầy đủ và Bayes là phần tự chọn - Trình bày về biến ngẫu nhiên, các đặc trưng kỳ vọng, phương sai của biến ngẫu nhiên và ứng dụng trong KTXH <p>(2) Giao phần tự học cho SV</p> <p>(3) Giao bài tập về nhà</p> <p>SV:</p> <p>(1) Nghiên cứu tài liệu;</p>	<p>Kiểm tra bài tập về nhà của SV</p> <p>- [4]: Bài tập 14,16,18,19</p> <p>Làm trắc nghiệm trên hệ thống Elearning: Tuần 3:</p>	<p>[1]</p> <p>[4]</p>

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	<p>- Quy luật phân phối xác suất. - Kỳ vọng và phương sai của BNN Bài tập (3 giờ) -Trình bày dữ liệu bằng biểu đồ và tính đại lượng thống kê mô tả trong R/RStudio</p>				<p>(2) Làm phần tự học; (3) Làm bài tập và những công việc được giao. (4) Trình bày bài tập buổi trước được giao</p>		
4	<p>Chương 4: Biến ngẫu nhiên (tiếp) 3 giờ 4.3 . Một số phân phối lý thuyết quan trọng : - Phân phối nhị thức: khái niệm, và một số ứng dụng - Phân phối chuẩn: khái niệm và một số ứng dụng 4.4. Quy tắc thực nghiệm: - Ôn tập xác suất qua một số hoạt động và Kiểm tra: nội dung phân xác suất, biến ngẫu nhiên (2 giờ) Bài tập (3 giờ) - Làm bài tập phân xác suất -Làm bài tập ôn tập lý thuyết</p>	5	3	1.2_2 1.3_2 2.1_3 3.2_3	<p>GV: (1) Thuyết giảng nội dung lý thuyết: Trình bày về phân phối nhị thức, phân phối chuẩn và những bài toán ứng dụng trong KTXH (2) Giao phần tự học cho SV (3) Giao bài tập về nhà: VI.45, 46, 47, 48, 51, 53, 54 [4] (4) Kiểm tra và đánh giá việc học của SV qua mức độ hoàn thành phần tự học và bài tập được giao. SV: (1) Nghiên cứu tài liệu; (2) Làm phần tự học; (3) Làm bài tập và những công việc được giao.</p>	<p>Vấn đáp: - Nêu định nghĩa cùng những đặc trưng quan trọng của phân phối nhị thức, phân phối chuẩn Kiểm tra bài tập về nhà của SV - [4]: Bài tập V.25, 26, 32, 35, 29.1/3/5/7/9, 30, 36, 39 Làm trắc nghiệm trên hệ thống Elearning: Tuần 4</p>	[1] [4]
5	<p>Chương 5: Ước lượng tham số tổng thể</p>	5	3	1.1_3	<p>GV: (1) Thuyết giảng nội dung lý thuyết:</p>	<p>Làm bài kiểm tra quá trình số 1</p>	[1] [4]

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	<p>5.1. Tham số tổng thể và tham số mẫu</p> <p>5.2. Phân phối của tham số trung mẫu và trung bình mẫu</p> <p>5.3. Ước lượng điểm và ước lượng khoảng cho tham số trung bình tổng thể</p> <p>5.4. Ước lượng điểm và ước lượng khoảng cho tham số tỷ lệ tổng thể</p> <p>Bài tập (3 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm câu hỏi ôn tập lý thuyết - Làm bài tập về biến ngẫu nhiên 			<p>1.4_3</p> <p>2.1_3</p> <p>2.2_2</p> <p>2.3_3</p> <p>3.2_2</p>	<p>- Trình bày bài toán ước lượng điểm, ước lượng khoảng, hiệu chỉnh xác những phát biểu trong bài toán ước lượng khoảng và áp dụng ước lượng khoảng vào giải quyết bài toán thực tế.</p> <p>(2) Giao phần tự học cho SV: Tự đọc phần tính xác suất của phân phối nhị thức và phân phối chuẩn: dbinom, pbinom, pnorm, qnorm ([4,p. 115, 116, 121, 122])</p> <p>(3) Giao bài tập về nhà: [4], VI.56, 58, 60, 63, 64</p> <p>(4) Kiểm tra và đánh giá việc học của SV qua mức độ hoàn thành phần tự học và bài tập được giao.</p> <p>SV:</p> <p>(1) Nghiên cứu tài liệu;</p> <p>(2) Làm phần tự học;</p> <p>(3) Làm bài tập và những công việc được giao.</p> <p>(4) Làm bài kiểm tra có nội dung về thống kê mô tả và xác suất.</p>	<p>Kiểm tra bài tập về nhà của SV</p> <p>[4]: Bài tập VI.45, 46, 47, 48, 51, 53, 54</p> <p>Làm trắc nghiệm trên hệ thống Elearning: Tuần 5</p>	
6	<p>Chương 6: Kiểm định giả thuyết</p> <p>6.1. Các vấn đề chung về kiểm định</p> <p>6.2. Kiểm định trung bình một tổng thể</p> <p>6.3. Kiểm định tỷ lệ một tổng thể</p> <p>Chương 7: Kiểm định tham số 2 tổng thể</p>	5	3	<p>1.1_3</p> <p>1.4_3</p> <p>1.4_2</p> <p>2.1_3</p> <p>2.2_2</p> <p>2.3_3</p> <p>3.2_2</p>	<p>GV:</p> <p>Thuyết giảng nội dung lý thuyết: - Nếu bài toán tình huống và trình bày những khái niệm cơ bản trong bài toán kiểm định giả thuyết</p> <p>nêu cách thực hiện bài toán kiểm định trung bình, tỷ lệ 1 tổng thể và vận dụng vào một số tình huống thực tế</p> <p>(2) Giao phần tự học cho SV</p> <p>(3) Giao bài tập về nhà: [4], VII.77, 84, 87, 88,90,91</p>	<p>Vấn đáp:</p> <p>-Nếu quy tắc thiết lập cặp giả thuyết, các bước thực hiện bài toán kiểm định</p> <p>-Nếu quy tắc bác bỏ giả thuyết không của bài</p>	<p>[1]</p> <p>[4]</p>

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	<p>7.1. Kiểm định giá thuyết về trung bình hai tổng thể</p> <p>Bài tập (3 giờ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm câu hỏi ôn tập lý thuyết - Làm bài tập về phương pháp ước lượng 				<p>(4) Kiểm tra và đánh giá việc học của SV qua mức độ hoàn thành phần tự học và bài tập được giao.</p> <p>SV:</p> <p>(1) Nghiên cứu tài liệu;</p> <p>(2) Làm phần tự học;</p> <p>(3) Làm bài tập và những công việc được giao.</p> <p>(4) Thực hành bài toán ước lượng trên phần mềm R</p>	<p>toán kiểm định 1 trung bình, 1 tỷ lệ</p> <p>Kiểm tra bài tập về nhà của SV [4], VI.56, 58, 60, 63, 64</p> <p>Làm trắc nghiệm trên hệ thống Elearning: Tuần 6</p>	
7	<p>Chương 7: Kiểm định tham số 2 tổng thể (2 giờ)</p> <p>7.2. Kiểm định giá thuyết về tỷ lệ hai tổng thể</p> <p>7.3. Kiểm định giá thuyết về phương sai hai tổng thể</p> <p>Chương 8: Phân tích phương sai (3 giờ)</p> <p>8.1. Phân tích phương sai một yếu tố</p> <p>8.2. Phân tích sáu ANOVA</p>	5	<p>1.1_3</p> <p>1.4_2</p> <p>2.1_3</p> <p>2.2_2</p> <p>2.3_3</p> <p>3.2_2</p>		<p>GV:</p> <p>(1) Thuyết giảng nội dung lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày bài toán kiểm định 2 tham số - Trình bày bài toán phân tích phương sai - Hướng dẫn SV vận dụng những bài toán kiểm định trong giải quyết bài toán thực tế <p>(2) Giao phần tự học cho SV</p> <p>(3) Giao bài tập về nhà: [4] 88, 89, 92, 91, 100, 101</p> <p>(4) Kiểm tra và đánh giá việc học của SV qua mức độ hoàn thành phần tự học và bài tập được giao.</p> <p>SV:</p> <p>(1) Nghiên cứu tài liệu;</p> <p>(2) Làm phần tự học;</p> <p>(3) Làm bài tập và những công việc được giao.</p> <p>(4) Thực hành bài toán kiểm định trên phần mềm R</p>	<p>Vấn đáp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê những trường hợp trong bài toán so sánh trung bình hai tổng thể - Bài toán phân tích phương sai được dùng để giải quyết những vấn đề gì? <p>Kiểm tra bài tập về nhà của SV</p> <p>- [4], VII.77, 84, 87, 88</p> <p>Làm trắc nghiệm trên hệ thống Elearning: Tuần 7.</p>	<p>[1]</p> <p>[4]</p>

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
8	<p>Chương 9. Kiểm định chi bình phương (3 giờ)</p> <p>9.1. Kiểm định tính độc lập của hai biến định tính</p> <p>9.2. Kiểm định sự phù hợp về phân phối của tổng thể</p> <p>Chương 10. Kiểm định phi tham số (2 giờ)</p> <p>10.1. Kiểm định trung vị một tổng thể</p> <p>10.2. Kiểm định trung vị hai tổng thể</p> <p>Bài tập (3 giờ)</p> <p>- Làm bài tập về kiểm định tham số hai tổng thể</p> <p>-Làm bài kiểm tra quá trình số 2: nội dung từ biến ngẫu nhiên đến phần kiểm định 2 trung bình</p>	5	3	1.1_3 1.4_3 2.1_3 2.2_2 2.3_3 3.2_3	<p>GV:</p> <p>(1) Thuyết giảng nội dung lý thuyết:</p> <p>- Trình bày nội dung phần kiểm định tính độc lập của hai biến định tính, kiểm định sự phù hợp về phân phối của tổng thể</p> <p>- Trình bày nội dung về kiểm định 1 trung vị, 2 trung vị;</p> <p>- Giải quyết bài toán tình huống.</p> <p>(2) Giao phần tự học cho SV</p> <p>(3) Giao bài tập về nhà [4], 120, 122, 123, 127.</p> <p>(4) Kiểm tra và đánh giá việc học của SV qua mức độ hoàn thành phần tự học và bài tập được giao.</p> <p>SV:</p> <p>(1) Nghiên cứu tài liệu;</p> <p>(2) Làm phần tự học;</p> <p>(3) Làm bài tập và những công việc được giao.</p> <p>(4) Thực hành bài toán kiểm định trên phần mềm R</p>	<p>Làm bài kiểm tra quá trình số 2</p> <p>Vấn đáp:</p> <p>-So sánh bài toán kiểm định trung bình và trung vị. Khi nào lựa chọn bài toán kiểm định 2 trung vị?</p> <p>Kiểm tra bài tập về nhà của SV</p> <p>- [4], 100,101</p> <p>Làm trắc nghiệm trên hệ thống Elearning: Tuần 8</p>	[1] [4]
9	<p>Lý thuyết (5 tiết)</p> <p>Sinh viên trình bày bài tập nhóm</p> <p>Sinh viên thuyết trình bài tập nhóm và nộp báo cáo</p> <p>Nội dung: Xử lý và phân tích dữ liệu thực tế</p> <p>Bài tập (3 giờ)</p> <p>- Làm bài tập về kiểm định chi bình phương</p>	5	3	1.1_3 1.2_2 1.4_3 2.1_3 2.2_2 2.3_3 3.1_3 3.2_3	<p>GV</p> <p>(1) Nghe SV thuyết trình</p> <p>(2) Đặt câu hỏi và nhận xét</p> <p>SV</p> <p>(1) Thuyết trình</p> <p>(2) Trả lời các câu hỏi theo nhóm</p>	<p>Chấm bài tập nhóm.</p>	[4]

CDR học phần có cấu trúc: STT của CDR học phần_n

Trong đó, n là mức độ theo Bloom:

Kiến thức	1 - Biết/Nhớ	2 - Hiểu	3 - Vận dụng	4 - Phân tích	5 - Tổng hợp	6 - Đánh giá
Thái độ	1 - Tiếp nhận	2 - Hồi đáp	3 - Đánh giá	4 - Tổ chức	5 - Tính cách	
Kỹ năng	1 - Bất chước	2 - Thao tác được	3 - Thao tác chính xác	4 - Thao tác biến hóa	5 - Thao tác thuần thục	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

GV sử dụng kết hợp nhiều phương pháp dạy - học như thuyết giảng, thực hành trên phần mềm thống kê, tự học, vấn đáp và làm bài tập nhóm hoặc dự án ứng dụng thực tế.

6. PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Học phần sử dụng một số cách đánh giá kết quả học tập sau:

- Trắc nghiệm (hằng tuần trên hệ thống E-Learning sau mỗi tuần học, đáp án);
- Chuyên cần (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm);
- Vấn đáp (đáp án, trong quá trình học);
- Trình bày bài tập nhóm (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm);
- Tự luận kết hợp thực hành: kiểm tra quá trình (thời gian: 60 phút) và thi kết thúc học phần (thời gian: 90 phút) (công cụ đánh giá: đáp án).

Điểm quá trình = Điểm lý thuyết*40% + Điểm bài tập*60%,

Điểm lý thuyết = Điểm chuyên cần*40%

+ Điểm làm trắc nghiệm trên Elearning/ bài kiểm tra tại lớp *30%

+ Điểm bài tập nhóm*30%

Điểm bài tập = Điểm chuyên cần*20% + Điểm kiểm tra quá trình*80%

Điểm tổng kết = Điểm quá trình * 40% + Điểm thi cuối kỳ* 60%.

7. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ PHÙ HỢP VỚI CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp dạy – học						Phương pháp đánh giá			
		Thuyết giảng	Thực hành	Tự học	Vấn đáp	Làm bài tập nhóm	Trắc nghiệm	Tự luận kết hợp thực hành trên máy	Vấn đáp	Bài tập nhóm	Chuyên case
1.	Hiểu các kiến thức cơ bản về thống kê, xác suất, biến ngẫu nhiên và vận dụng những kiến thức vào giải quyết những bài toán thực tế.										
1.1.	Nắm vững những khái niệm cơ bản trong thống kê mô tả, những bài toán cơ bản trong thống kê suy diễn.	x	x	x	x		x	x	x		x
1.2.	Nắm vững những khái niệm cơ bản trong xác suất, biến ngẫu nhiên.	x	x	x	x		x	x	x		x
1.3.	Mô tả được những ứng dụng cơ bản của xác suất, thống kê trong kinh tế xã hội.	x	x	x	x	x	x		x	x	x
1.4.	Lựa chọn những công cụ thống kê phù hợp để giải quyết được những bài toán đặt ra và giải thích các kết quả đạt được.	x	x	x	x		x	x	x	x	x
2.	Thể hiện kỹ năng vận dụng kiến thức xác suất, thống kê vào giải quyết bài toán thực tế với sự hỗ trợ của phần mềm R										
2.1.	Sử dụng phần mềm R để mô tả, phân tích, trình bày số liệu; tính toán xác suất của những biến ngẫu nhiên phổ biến và thực hiện những bài toán thống kê suy diễn.	x	x	x			x	x	x	x	x
2.2.	Xây dựng được những bài toán thống kê ứng với những tình huống thực tế trong kinh tế xã hội.	x	x	x	x	x			x		x
2.3.	Sử dụng phần mềm R để hỗ trợ giải quyết những bài toán đặt ra trong thực tế.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm, rèn luyện khả năng tự học										
3.1.	Thể hiện tham gia tích cực hoạt động nhóm.		x		x					x	x
3.2.	Thể hiện khả năng tự học khi được giao tìm hiểu những nội dung trong chương trình.		x	x				x		x	x

8. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY:

Tài liệu chính:

[1] . Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, *Thống kê ứng dụng trong kinh tế và kinh doanh*, NXB Kinh tế, TP Hồ Chí Minh, 2017.

Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Văn Cao; Trần Thái Ninh, *Giáo Trình lý thuyết xác suất và thống kê toán*, NXB Thống kê, 2005.

[3]. Trần Thị Kim Thu, *Giáo trình lý thuyết thống kê*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2012.

[4]. Phan Thanh Hồng, Nguyễn Thị Nhung, *Thống kê ứng dụng trong kinh tế xã hội (Hướng dẫn thực hành trên phần mềm R)*, NXB Thống kê, 2015.

[5]. Bowerman, Bruce L; O'Connell, Richard T; Orris, J. B., *Business statistics in practice*, Boston McGraw-Hill/Irwin 2007.

[6]. Bluman, Allan G., *Elementary statistics a step by step approach*, Boston McGraw-Hill 2007.

9. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN:

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Lĩnh vực chuyên môn
1	Đỗ Thị Thuý Hằng	Thạc sĩ	Lý thuyết hàm
2	Dương Thị Hương	Thạc sĩ	Đại số
3	Lê Thị Hương	Tiến sĩ	Phương trình đạo hàm riêng
4	Ngô Thị Thanh Nga	Tiến sĩ	Phương trình vi phân
5	Nguyễn Thị Nhung	Tiến sĩ	Hình học – Tô pô
6	Nhâm Ngọc Tản	Tiến sĩ	Phương pháp dạy học
7	Trần Minh Nguyệt	Tiến sĩ	Phương trình đạo hàm riêng
8	Nguyễn Quốc Tuấn	Thạc sĩ	Toán học tính toán
9	Nguyễn Lâm Tùng	Thạc sĩ	Tối ưu
10	Nguyễn Công Sứ	Tiến sĩ	Xác suất thống kê
11	Phan Thanh Hồng	Thạc sĩ	Xác suất thống kê
12	Hoàng Ngọc Tùng	Thạc sĩ	Toán ứng dụng

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

Khoa Toán Tin và Bộ môn Toán có trách nhiệm phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể GV tham gia giảng dạy thực hiện;

GV có nhiệm vụ:

- Phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể người học vào tiết học đầu tiên của học phần;
- Thực hiện theo đúng nội dung và kế hoạch giảng dạy trong đề cương chi tiết đã được duyệt;
- Tạo lớp giảng dạy trên Ms Team nhằm cung cấp tài liệu, giải đáp thắc mắc của SV;
- Lập kế hoạch tổ chức hoạt động trên lớp trước buổi học; chủ động tổ chức, điều phối các hoạt động để SV tự học và hỗ trợ nhau trong quá trình học;
- Luôn tạo mọi cơ hội để SV cải thiện trình độ, cải thiện điểm.

**PHÓ TRƯỞNG KHOA
TRƯỞNG BỘ MÔN**



TS. Bùi Huy Hiền

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Đỗ Thị Thúy Hằng

PHỤ LỤC A: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)

1.1. Phụ lục 1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
		10-8.5	8.4-7	6.9-5	4.9-0	
Mức độ tham dự theo TKB	80%	Tham dự >90% số buổi	Tham dự >80% đến 90% số buổi	Tham dự >=70% đến 80% số buổi	Tham dự <70% số buổi	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	20%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu trả lời nhiều câu hỏi, bài tập	Có đặt, trả lời > 2 câu hỏi, bài tập	Có đặt trả lời ít nhất 1 câu hỏi, bài tập	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

1.2. Phụ lục 2. Rubric đánh giá nhóm

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Điểm
		10-8,5	8,4-7	6,9-5	4,9-0	
Hình thức báo cáo	10%	Đẹp, rõ, không lỗi chính tả	-----	-----	Đơn điệu, nhiều lỗi chính tả	
Kỹ năng trình bày	10%	Nói rõ, tự tin, thuyết phục giao lưu người nghe	-----	-----	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe	
Nội dung báo cáo	40%	Đáp ứng 80%- 100% yêu cầu	Đáp ứng 70%- <80% yêu cầu	Đáp ứng 50%- <70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	
Trả lời câu hỏi	20%	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi	Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi	Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi	
Tham gia thực hiện	20%	>80- 100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	60% đến <80% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	>40% đến < 60% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	< 40% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	

PHỤ LỤC B: MA TRẬN ĐỀ THI

Hình thức thi: Bài thi trên giấy kết hợp thực hành trên máy tính.

Thời gian: 90 phút (gồm cả thời gian nộp bài).

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Vận dụng mức cao	Tổng
1.	Chương 1,2,3:		3 câu 4 điểm 33.3%	1 câu 0.5 điểm 4.2%		4 câu 4.5 điểm 37.5%
1.1.	Câu hỏi dạng lý thuyết về phân loại biến, phương pháp chọn mẫu		1 câu 0.5 điểm 4.2%			
1.2.	Câu hỏi lý thuyết về cách sử dụng biểu đồ, ý nghĩa các đại lượng thống kê mô tả		1 câu 0.5 điểm 4.2%	1 câu 0.5 điểm 4.2%		
1.3	Thực hành phân tích bộ số liệu cụ thể: lập bảng tần số 1 biến, lập bảng tần số chéo, phân tổ, tính toán các đại lượng thống kê mô tả		5 câu 5 điểm 25%			
2.	Chương 4: xác suất và biến ngẫu nhiên		2 câu 1.5 điểm 12.5%	1 câu 1 điểm 8.3%		3 câu 2.5 điểm 20.8%
2.1.	Câu hỏi lý thuyết về xác suất, biến ngẫu nhiên		1 câu 0.5 điểm 4.2%			
2.2.	Tính xác suất của biến cố bằng cách dùng định nghĩa, công thức xác suất			1 câu 1 điểm 8.3%		
2.3	Tính xác suất liên quan biến ngẫu nhiên tuân theo phân phối nhị thức, phân phối chuẩn		1 câu 1 điểm 8.3%			
3	Chương: 5,6,7,8,9,10		3 câu 3.5 điểm 29.2%	1 câu 1.5 điểm 12.5%		4 câu 5 điểm 41,6%
3.1	Câu hỏi lý thuyết về ước lượng, kiểm định		1 câu 0.5 điểm 4.2%			
3.2	Thực hành bài toán kiểm định		2 câu 3 điểm 25%	1 câu 1.5 điểm 8.3%		
	Tổng số câu	0	9 câu	4 câu	0	13 câu
	Tổng số điểm	0	9 điểm	3 điểm	0	12 điểm
	Tỷ lệ %	0 %	75 %	25 %	0 %	100%



Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)



Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

4. Ứng dụng excel – IM206

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1	Tên học phần	<i>Tiếng Việt:</i> Ứng dụng Excel <i>Tiếng Anh:</i> Excel Application
1.2	Mã học phần	IM206
1.3	Thuộc khối kiến thức	Cơ sở khối ngành
1.4	Tính chất của học phần	Bắt buộc
1.5	Khoa phụ trách	Công nghệ thông tin
1.6	Số tín chỉ	2
1.7	Điều kiện tiên quyết	Công dân số (CS101)
1.8	Thời lượng giảng dạy trực tiếp	18LT+24TH
1.9	Thời lượng giảng dạy kết hợp E-Learning	36 tiết
1.10	Ngày ban hành	

2. YÊU CẦU CỦA HỌC PHẦN

Về kiến thức, học phần yêu cầu sinh viên (SV) được trang bị trước những kỹ năng cơ bản về sử dụng máy tính.

Về trang thiết bị, môn học được thiết kế dạng kết hợp Elearning nên SV cần có máy tính cá nhân kết nối Internet và được cài đặt hệ điều hành Window, Office 2016 hoặc Office 365 để có thể tự học và thực hành, luyện tập, kiểm tra các nội dung học tập.

Về nội quy, SV nghiêm túc thực hiện các quy định của môn học:

- Mỗi tuần SV có 2 tiết học với giáo viên (GV) và 2 giờ tự học trên hệ thống elearning. 2 tiết học có GV có thể học tại phòng máy tính của trường hoặc học qua MS Teams tùy lớp SV đã đăng ký. SV cần hoàn thành tự học lý thuyết trên hệ thống E-Learning trước khi tham gia giờ học có GV.
- Hằng tuần, với mỗi nội dung học tập SV phải hoàn thành các bài Kiểm tra lý thuyết và Kiểm tra thực hành của tuần học trước thời hạn quy định của GV.

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Ứng dụng Excel cung cấp các kiến thức, kỹ năng cho sinh viên (SV) giúp SV sử dụng thành thạo công cụ Microsoft Excel. Từ đó, SV có thể ứng dụng công cụ này để tổ chức, xử lý dữ liệu và tạo các báo cáo hỗ trợ ra quyết định cho các nghiệp vụ quản lý cơ bản.

3.1 Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra
CO1: Sử dụng các chức năng của Excel	1.1. Sử dụng các thao tác định dạng và làm việc với bảng dữ liệu
	1.2. Sử dụng công thức và hàm để xử lý dữ liệu trên các dữ liệu cho trước
	1.3. Sử dụng các chức năng của Excel như định dạng có điều kiện, sắp xếp, lọc, kiểm soát nhập dữ liệu, định dạng bảng, in ấn ... để quản lý dữ liệu
	1.4. Sử dụng biểu đồ để biểu diễn dữ liệu
	1.5. Xây dựng các báo cáo nhiều chiều, báo cáo hợp nhất
CO2: Ứng dụng công cụ Excel để tổ chức, xử lý dữ liệu và xây dựng các báo cáo quản lý	2.1. Vận dụng lựa chọn cách tổ chức dữ liệu cho bài toán quản lý thực tế
	2.2. Ứng dụng các công cụ của Excel để xử lý dữ liệu trong bài toán thực tế
	2.3. Xây dựng báo cáo hỗ trợ ra quyết định phục vụ công tác quản lý trong bài toán thực tế
CO3: Thể hiện tính chủ động, trung thực trong học tập và sáng tạo trong ứng dụng công cụ Excel	3.1. Thể hiện tính chủ động, trung thực khi tham gia các hoạt động tự học và các bài kiểm tra lý thuyết, thực hành
	3.2. Thể hiện sự sáng tạo để tổ chức, xử lý dữ liệu và tạo báo cáo hỗ trợ ra quyết định trong các nghiệp vụ quản lý bằng công cụ Excel

3.2 Chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT		
		2.2.2.	2.2.3.	3.3.2.
1.	Sử dụng các chức năng của Excel			
1.1.	Sử dụng dụng các thao tác định dạng và làm việc với bảng dữ liệu			S2
1.2.	Sử dụng công thức và hàm để xử lý dữ liệu trên các dữ liệu cho trước			S2
1.3.	Sử dụng các chức năng của Excel như định dạng có điều kiện, sắp xếp, lọc, kiểm soát nhập dữ liệu, định dạng bảng, in ấn ... để quản lý dữ liệu			S2
1.4.	Sử dụng biểu đồ để biểu diễn dữ liệu			S2

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT		
		2.2.2.	2.2.3.	3.3.2.
1.5.	Xây dựng các báo cáo nhiều chiều, báo cáo hợp nhất			S2
2.	Ứng dụng công cụ Excel để tổ chức, xử lý dữ liệu và xây dựng các báo cáo quản lý			
2.1.	Vận dụng lựa chọn cách tổ chức dữ liệu cho bài toán quản lý thực tế			S3
2.2.	Ứng dụng các công cụ của Excel để xử lý dữ liệu trong bài toán thực tế			S3
2.3.	Xây dựng báo cáo hỗ trợ ra quyết định phục vụ công tác quản lý trong bài toán thực tế			S3
3.	Thể hiện tính chủ động, trung thực trong học tập và sáng tạo trong ứng dụng công cụ Excel			
3.1.	Thể hiện tính chủ động, trung thực khi tham gia các hoạt động tự học và các bài kiểm tra lý thuyết, thực hành	S3	S3	
3.2.	Thể hiện sự sáng tạo để tổ chức, xử lý dữ liệu và tạo báo cáo hỗ trợ ra quyết định trong các nghiệp vụ quản lý bằng công cụ Excel			S3

Kiến thức 1 - Biết/Nhớ 2 - Hiểu 3 - Vận dụng 4 - Phân tích 5 - Tổng hợp 6 - Đánh giá
 Thái độ 1 - Tiếp nhận 2 - Hỏi đáp 3 - Đánh giá 4 - Tổ chức 5 - Tính cách
 Kỹ năng 1 - Bắt chước 2 - Thao tác được 3 - Thao tác chính xác 4 - Thao tác biến hóa 5 - Thao tác thuần thục

4. KẾ HOẠCH DẠY - HỌC

Thời gian	Nội dung	Số giờ L.T	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
Tuần 1	Làm quen với Excel - 1.1. Giới thiệu môn học - 1.2. Làm quen với Excel - 1.3. Nhập dữ liệu và định dạng dữ liệu: kiểu ký tự, kiểu ngày tháng, kiểu số; Các thao tác định dạng bảng: thêm, xóa, sửa Row/ Column/ Cell/ Sheet. - 1.4. Các định dạng cơ bản hay sử dụng trong Excel: Font, Alignment, Number, Auto Fill, AutoSum, sao chép Special trong Excel. - 1.5. Khái niệm về địa chỉ: Tương đối, tuyệt đối, hỗn hợp.	2	2	1.1_2 3.1_2	SV: - Xem/đọc các nội dung học tập: + Giới thiệu môn học + Làm quen với Excel + Nhập và định dạng dữ liệu + Các định dạng cơ bản hay + Khái niệm về địa chỉ - Làm các bài tập thực hành trong mỗi nội dung học tập - Luyện tập trắc nghiệm mỗi nội dung học tập - Luyện tập bài tập thực hành tổng hợp các nội dung đã học trong tuần. GV: - Tạo nhóm học của từng lớp lên MS Teams - Giải đáp thắc mắc của SV	SV: làm bài kiểm tra - Trắc nghiệm - 15 phút - Thực hành - 30 phút GV: chấm bài thực hành và nhận xét bài SV đã làm.	[1] mục TUẦN 1. LÀM QUEN VỚI EXCEL [3]
Học trực tiếp/ trực tuyến	- Tổng kết nội dung học tuần 1 - Hướng dẫn cách tự học và hoàn thành các hoạt động học tập của môn học.	1	1		GV: - Nhắc lại một số thao tác sử dụng máy tính cơ bản: cài đặt thời gian và dấu mặc định, dùng Folder để quản lý file trên máy tính, đặt tên file, nén/ giải nén. - Tổng kết nội dung học tập SV cần chú ý trong tuần - Thống nhất cách thức liên lạc với GV, cách tự học và hoàn thành các hoạt động học tập của môn học. SV: - Lắng nghe - Trả lời và thực hiện theo các yêu cầu của GV.		

Thời gian	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo	
Tuần 2	Các hàm cơ bản							
	<ul style="list-style-type: none"> - 2.1. Ý nghĩa các nhóm hàm, cấu trúc hàm, giá trị các tham số. Nhóm hàm tính toán: SUM, MAX, MIN, AVERAGE. - 2.2. Nhóm hàm xử lý xâu: LEFT, RIGHT, MID, CONCATENATE. - 2.3. Nhóm hàm xử lý ngày tháng: MONTH, DATE, YEAR, DATE. - 2.4. Nhóm hàm tham chiếu: HLOOKUP, VLOOKUP. - 2.5. Nhóm hàm logic: IF, AND, OR. - 2.6. Đặt tên vùng: IF, AND, OR. 	2	2	1.2_2 3.1_2	SV: <ul style="list-style-type: none"> - Xem/đọc các nội dung học tập: + Khai quát hàm trong Excel và nhóm hàm Autosum + Nhóm hàm xử lý ký tự và nhóm hàm ngày tháng năm + Hàm tham chiếu + Nhóm hàm logic + Đặt tên vùng - Làm các bài tập thực hành trong mỗi nội dung học tập - Luyện tập trắc nghiệm mỗi nội dung học tập - Luyện tập bài tập thực hành tổng hợp các nội dung đã học trong tuần. GV: <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn SV học tập - Giải đáp thắc mắc của SV 	SV: <ul style="list-style-type: none"> - Xem/đọc các nội dung học tập: + Khai quát hàm trong Excel và nhóm hàm Autosum + Nhóm hàm xử lý ký tự và nhóm hàm ngày tháng năm + Hàm tham chiếu + Nhóm hàm logic + Đặt tên vùng - Làm các bài tập thực hành trong mỗi nội dung học tập - Luyện tập trắc nghiệm mỗi nội dung học tập - Luyện tập bài tập thực hành tổng hợp các nội dung đã học trong tuần. GV: <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn SV học tập - Giải đáp thắc mắc của SV 	SV: <ul style="list-style-type: none"> - Xem/đọc các nội dung học tập: + Khai quát hàm trong Excel và nhóm hàm Autosum + Nhóm hàm xử lý ký tự và nhóm hàm ngày tháng năm + Hàm tham chiếu + Nhóm hàm logic + Đặt tên vùng - Làm các bài tập thực hành trong mỗi nội dung học tập - Luyện tập trắc nghiệm mỗi nội dung học tập - Luyện tập bài tập thực hành tổng hợp các nội dung đã học trong tuần. GV: <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn SV học tập - Giải đáp thắc mắc của SV 	[1] mục TUẦN 2. CÁC HÀM CƠ BẢN
Học trực tiếp/ trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng kết nội dung học tuần 2 - Bài tập ứng dụng làm cùng GV 	1	1		GV: <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại nội dung học tập cần chú ý trong tuần 2 như: + Vlookup/Hlookup khi nào tham số cuối là 0/1, + xây dựng biểu thức logic (logical_test) trong hàm IF kết hợp với AND/OR SV: <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn SV làm bài tập ứng dụng - Lắng nghe và trả lời các câu hỏi của GV - Làm bài tập ứng dụng theo hướng dẫn 			
Tuần 3	Các hàm tính toán có điều kiện							

Thời gian	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
Tự học ở nhà	<ul style="list-style-type: none"> - 3.1. Nhóm hàm tính toán có điều kiện - 3.2. Nhóm hàm Database - 3.3. Một số hàm cơ bản hay dùng khác: ROUND, RANK, ... - 3.4. Kết hợp các hàm 	2	2	1.2_2 3.1_2	<p>SV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem/đọc các nội dung học tập: + Nhóm hàm tính toán có điều kiện + Nhóm hàm Database + Một số hàm cơ bản hay dùng khác + Kết hợp các hàm <p>- Làm các bài tập thực hành trong mỗi nội dung học tập</p> <p>- Luyện tập trắc nghiệm mỗi nội dung học tập</p> <p>- Luyện tập bài tập thực hành tổng hợp các nội dung đã học trong tuần.</p> <p>GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn SV học tập - Giải đáp thắc mắc của SV 	<p>SV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trắc nghiệm - 15 phút - Thực hành - 30 phút 	[1] mục TUẦN 3. CÁC HÀM TÍNH TOÁN CÓ ĐIỀU KIỆN
Học trực tiếp/ trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng kết nội dung học tuần 3 - Bài tập ứng dụng làm cùng GV 	1	1		<p>GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại nội dung học tập cần chú ý trong tuần 3: + Phân biệt khi nào dùng hàm tính toán 1 điều kiện (...IF), tính toán nhiều điều kiệnFS, D..... + Phân biệt tham số: Range và Field. + Phân biệt: Criterial với biểu thức logic (logical_test) + Cách xây dựng vùng điều kiện Criterial trong hàm D.... + Cách phân tích bài toán kết hợp hàm VLOOKUP/ HLOOKUP và IF + Một số dạng kết hợp các hàm <p>- Hướng dẫn làm bài tập ứng dụng</p> <p>SV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe và trả lời các câu hỏi của GV - Làm bài tập ứng dụng theo hướng dẫn 		

Thời gian	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CĐR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
Tuần 4	Sắp xếp, lọc dữ liệu và các định dạng nâng cao - 4.1. Các chức năng hỗ trợ khi xử lý dữ liệu: sắp xếp - Sort, lọc dữ liệu – Filter - 4.2. Định dạng có điều kiện - Condition Formatting - 4.3. Định dạng bảng - Format as Table - 4.4. Kiểm soát nhập dữ liệu đơn giản - Data Validation	2	2	1.3_2 3.1_2	SV: - Xem/đọc các nội dung học tập: + Sắp xếp, lọc dữ liệu + Định dạng có điều kiện + Định dạng bảng + Kiểm soát nhập dữ liệu đơn giản - Làm các bài tập thực hành trong mỗi nội dung học tập - Luyện tập trắc nghiệm mỗi nội dung học tập - Luyện tập bài tập thực hành tổng hợp các nội dung đã học trong tuần. GV: - Hướng dẫn SV học tập - Giải đáp thắc mắc của SV	SV: làm bài kiểm tra - Trắc nghiệm - 15 phút - Thực hành - 30 phút GV: chấm bài thực hành và nhận xét bài SV đã làm.	[1] mục TUẦN 4. SẮP XẾP, LỌC DỮ LIỆU VÀ CÁC ĐỊNH DẠNG NÂNG CAO [3]
Tự học ở nhà		1	1		GV: - Nhắc lại nội dung học tập cần chú ý trong tuần 4: + Các tình huống sử dụng Filter, Advance Filter + Sử dụng công thức trong định dạng bảng + Các dạng list trong Data validation - Hướng dẫn xây dựng dữ liệu cho bài tập lớn. SV: - Lắng nghe và trả lời các câu hỏi của GV - Làm bài tập theo hướng dẫn		
Học trực tiếp/ trực tuyến	- Tổng kết nội dung học tuần 4 - Giới thiệu bài tập lớn						
Tuần 5	Biểu đồ và Thiết lập trang in						

Thời gian	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
Tự học ở nhà	<ul style="list-style-type: none"> - 5.1. Charts: Biểu đồ - 5.2. Sparkline - 5.3. Hyperlink - 5.4. Thiết lập trang in – Page setup 	2	2	1.4_2 3.1_2	<p>SV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem/đọc các nội dung học tập: + Biểu đồ + Sparkline + Hyperlink + Thiết lập trang in - Làm các bài tập thực hành trong mỗi nội dung học tập - Luyện tập trắc nghiệm mỗi nội dung học tập - Luyện tập bài tập thực hành tổng hợp các nội dung đã học trong tuần. <p>GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn SV học tập - Giải đáp thắc mắc của SV 	<p>SV: làm bài kiểm tra</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trắc nghiệm - 15 phút - Thực hành - 30 phút <p>GV: chấm bài thực hành và nhận xét bài SV đã làm.</p>	(1) mục TUẦN 5. ĐỒ THI, SPARK LINE, HYPER LINK VÀ THIẾT LẬP IN AN [3]
Học trực tiếp/ trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng kết nội dung học tuần 5 - Hướng dẫn bài tập lớn 	1	1		<p>GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại nội dung học tập cần chú ý trong tuần 5: + Chọn biểu đồ phù hợp với dữ liệu + Thiết lập in tất cả các cột trong cùng trang, in lặp dòng tiêu đề cột, đánh số trang tự động... - Hướng dẫn xử lý dữ liệu Bài tập lớn <p>SV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe và trả lời các câu hỏi của GV - Làm bài tập theo hướng dẫn 		
Tuần 6	Tạo báo cáo tổng hợp						

Thời gian	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
Tự học ở nhà	<ul style="list-style-type: none"> - 6.1. Báo cáo nhiều chiều PivotTable, PivotChart, Slicer. - 6.2. Báo cáo hợp nhất Consolidate - 6.3. Báo vệ bảng tính. 	2	2	1.5_2 3.1_2	<p>SV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem/đọc các nội dung học tập: + Báo cáo tổng hợp + Báo cáo hợp nhất + Báo vệ bảng tính - Làm các bài tập thực hành trong mỗi nội dung học tập - Luyện tập trắc nghiệm mỗi nội dung học tập - Luyện tập bài tập thực hành tổng hợp các nội dung đã học trong tuần. <p>GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn SV học tập - Giải đáp thắc mắc của SV 	<p>SV: làm bài kiểm tra</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trắc nghiệm - 15 phút - Thực hành - 30 phút <p>GV: chấm bài thực hành và nhận xét bài SV đã làm.</p>	[1] mục TUẦN 6. TẠO BÁO CÁO & BÁO VỆ BẢNG TÍNH [2] [3]
Học trực tiếp/ trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng kết nội dung học tuần 6 - Hướng dẫn bài tập lớn 	1	1		<p>GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại nội dung học tập cần chú ý trong tuần 6: + Phân tích báo cáo và lựa chọn kiểu báo cáo phù hợp + Kết hợp báo cáo với biểu đồ, Slicer và Sparkline - Hướng dẫn xây dựng dashboard cho bài tập lớn <p>SV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe và trả lời các câu hỏi của GV - Làm bài tập theo hướng dẫn 		
Tuần 7	Luyện tập						
Tự học ở nhà	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập tổng hợp các nội dung: + (1) VLOOKUP/ HLOOKUP + (2) Kết hợp các hàm + (3) Tính toán có điều kiện + (4) Thiết lập kiểm soát nhập dữ liệu 	2	2	2.1_3 2.2_3 3.1_3 3.2_3	<p>SV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập theo bài tập thực hành tổng hợp - Hoàn thiện bài tập lớn <p>GV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn SV học tập 	[1] mục TUẦN 7. LUYỆN TẬP	

Thời gian	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	+ (5) Định dạng có điều kiện + (6) Thiết lập trang in + (7) Pivot table kết hợp Pivot chart, Sparkline, sắp xếp, lọc + (8) Consolidate + (9) Khóa - Hoàn thiện bài tập lớn	1	1		- Giải đáp thắc mắc của SV GV: - Giới thiệu cấu trúc bài kiểm tra - Trả lời các câu hỏi của SV về các nội dung luyện tập - Nhận xét dashboard bài tập lớn của SV SV: - Lắng nghe và trả lời các câu hỏi của GV - Làm bài tập theo hướng dẫn	SV: Kiểm tra thực hành 60' GV: chấm bài thực hành và nhận xét bài SV đã nộp	
Tuần 8 Kiểm tra quá trình							
Tự học ở nhà	- Luyện tập tổng hợp - Hoàn thiện bài tập lớn	2	2	2.3_3 3.1_3 3.2_3	SV: - Luyện tập theo bài tập thực hành tổng hợp - Hoàn thiện bài tập lớn GV: - Hướng dẫn SV học tập - Giải đáp thắc mắc của SV		[1] mục TUẦN 8. KIỂM TRA GIỮA KỲ
Học trực tiếp/ trực tuyến	Kiểm tra quá trình	1	1		GV: thiết lập bài kiểm tra SV: làm bài và nộp bài theo yêu cầu của GV	SV: Kiểm tra thực hành 60' GV: chấm bài thực hành và nhận xét bài SV đã nộp	

Thời gian	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
Tuần 9	Ôn tập và Báo cáo bài tập lớn						
Tự học ở nhà	- Luyện tập - Hoàn thiện bài tập lớn	2	2	3.1_3 3.2_3	SV: - Luyện tập - Hoàn thiện bài tập lớn GV: - Hướng dẫn SV học tập - Giải đáp thắc mắc của SV SV thuyết trình sản phẩm GV nhận xét, chấm điểm		[1] mục TUẦN 9. BÁO CÁO BÀI TẬP LỚN & LUYỆN THI
Học trực tiếp/ trực tuyến	Báo cáo bài tập lớn	1	1				

CDR học phần có cấu trúc: STT của CDR học phần_n

Trong đó, n là mức độ theo Bloom:

- | | | | | | | |
|-----------|---------------|-------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------|--------------|
| Kiến thức | 1 - Biết/Nhớ | 2 - Hiểu | 3 - Vận dụng | 4 - Phân tích | 5 - Tổng hợp | 6 - Đánh giá |
| Thái độ | 1 - Tiếp nhận | 2 - Hồi đáp | 3 - Đánh giá | 4 - Tổ chức | 5 - Tính cách | |
| Kỹ năng | 1 - Bất chước | 2 - Thao tác được | 3 - Thao tác chính xác | 4 - Thao tác biến hóa | 5 - Thao tác thuần thục | |

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

Bài tập

Bài tập là phương pháp dạy - học trong đó GV giao bài tập cho người học chuẩn bị trước khi đến lớp hoặc sau giờ học. Trong giờ bài tập, giảng viên có thể tổ chức thảo luận, chữa bài tập. Bài tập ở đây có thể là những câu hỏi vận dụng lý thuyết đã học để tính toán, để trắc nghiệm giúp cho người học củng cố kiến thức

Thực hành

Đây là phương pháp dạy học trong đó GV làm mẫu và giải thích từng bước thực hiện một công việc cụ thể; SV bắt chước làm theo, thực hiện với tài liệu hướng dẫn, thực hiện thành thạo và sáng tạo. Phương pháp này củng cố trí nhớ, tinh lọc và trau chuốt các kỹ năng đã học, tạo cơ sở cho việc xây dựng kỹ năng nhận thức ở mức độ cao hơn.

Tự học

Các nội dung cần đọc thêm SV sẽ tự học. Đây là một hình thức hoạt động nhận thức của cá nhân nhằm nắm vững hệ thống tri thức và kỹ năng do chính bản thân SV. Tự học giúp SV rèn luyện kỹ năng tìm kiếm thông tin, tra cứu tài liệu và khám phá tri thức; rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp và tổng quát hóa tri thức; rèn luyện đức tính kiên trì, tự duy phê phán và ý chí phấn đấu; bồi dưỡng hứng thú học tập, say mê nghiên cứu khoa học và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Thảo luận

Thảo luận là phương pháp dạy học trong đó giảng viên tổ chức cuộc đối thoại giữa SV với SV hoặc giữa SV với GV nhằm huy động trí tuệ của SV để đưa ra những giải pháp, kiến nghị hoặc những quan niệm mới để giải quyết một vấn đề. Thảo luận có thể giúp SV khai thác được nhiều khía cạnh của một vấn đề, giúp SV phát triển khả năng trao đổi, trình bày suy nghĩ và quan điểm một cách rõ ràng, phát triển năng lực phân tích, tổng hợp.

Tình huống

Nghiên cứu tình huống là một phương pháp dạy học trong đó GV cung cấp cho SV tình huống dạy học, SV tìm hiểu, phân tích và hành động trong tình huống đã cho. Phương pháp này có các ưu điểm nổi bật như: tăng tính thực tiễn của môn học, giảm thiểu rủi ro cho SV trong thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống; nâng cao tính chủ động, sáng tạo, hứng thú học tập của SV.

Kết hợp Elearning

Đây là phương pháp dạy học trong đó giảng viên (GV) thiết kế xây dựng bài giảng số, hệ thống câu hỏi, bài tập để người học có thể dễ dàng tự học phần lý thuyết, phần bài tập thực hành trước khi học trực tiếp với GV và hoàn thành bài trắc nghiệm hoặc thực hành theo hạn yêu cầu của GV. Trong quá trình học, SV có thể đặt câu hỏi trực tiếp với GV thông qua các kênh liên lạc mà GV và SV đã thống nhất với nhau trong môn học.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Bài tập

Giảng viên đánh giá việc hoàn thành các bài tập giao cho SV chuẩn bị trước khi đến lớp hoặc sau giờ học. Những bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm hoặc dạng trắc nghiệm. Thông qua việc hoàn thành bài tập được giao GV đánh giá được ý thức, thái độ học tập của SV.

Trắc nghiệm

Giảng viên xây dựng ngân hàng câu hỏi, tạo bài thi sử dụng hệ thống hỗ trợ chấm điểm tự động. SV làm bài thi bằng cách đọc câu hỏi và lựa chọn phương án trả lời theo yêu cầu. Hình thức đánh giá này thực hiện nhanh gọn, đảm bảo tính khách quan, chính xác, ổn định và độ tin cậy cao.

Thực hành

Giảng viên ra đề kiểm tra gồm đề bài và một số yêu cầu thực hành. SV có thể sử dụng công cụ, thiết bị để thao tác thực hiện yêu cầu trong một khoảng thời gian xác định. Giảng viên theo dõi, quan sát quá trình SV thực hiện và đánh giá quá trình thực hiện và sản phẩm cuối cùng.

Bài tập lớn

Giảng viên đưa ra các đề tài, vấn đề phức tạp cần giải quyết gắn liền với thực tiễn cuộc sống hoặc thực tiễn nghề nghiệp của ngành đào tạo, yêu cầu sản phẩm của từng giai đoạn và tiêu chí đánh giá sản phẩm cuối cùng.

Điểm quá trình = Trung bình Kiểm tra Trắc nghiệm 6 tuần * 20%

+ Trung bình Kiểm tra Thực hành 6 tuần * 20%

+ Kiểm tra tổng hợp tuần 7 * 50%

+ Trung bình Hoạt động trên lớp * 10%

+ Điểm cộng thái độ, chuyên cần

Điểm thi = Thực hành * 80% + Bài tập lớn * 20%

- Bài thi thực hành (80%): 60 phút, đánh giá kỹ năng sử dụng công cụ Excel.

- Bài tập lớn (20%): xây dựng báo cáo hỗ trợ ra quyết định trong nghiệp vụ quản lý

Điểm tổng kết = Điểm quá trình * 30% + Điểm thi * 70%

7. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP PHÙ HỢP VỚI CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp dạy - học					Phương pháp đánh giá				
		Bài tập	Thực hành	Tự học	Thảo luận	Tình huống	Kết hợp E- Learning	Bài tập	Trắc nghiệm	Thực hành	Bài tập lớn
1.	Sử dụng các chức năng của Excel										
1.1.	Sử dụng các thao tác định dạng và làm việc với bảng dữ liệu	x	x	x			x	x	x	x	
1.2.	Sử dụng công thức và hàm để xử lý dữ liệu trên các dữ liệu cho trước	x	x	x			x	x	x	x	
1.3.	Sử dụng các chức năng của Excel như định dạng có điều kiện, sắp xếp, lọc, kiểm soát nhập dữ liệu, định dạng bảng, in ấn ... để quản lý dữ liệu	x	x	x			x	x	x	x	
1.4.	Sử dụng biểu đồ để biểu diễn dữ liệu	x	x	x			x	x	x	x	
1.5.	Xây dựng các báo cáo nhiều chiều, báo cáo hợp nhất	x	x	x			x	x	x	x	
2.	Ứng dụng công cụ Excel để tổ chức, xử lý dữ liệu và xây dựng các báo cáo quản lý										
2.1.	Vận dụng lựa chọn cách tổ chức dữ liệu cho bài toán quản lý thực tế	x		x	x	x					x
2.2.	Ứng dụng các công cụ của Excel để xử lý dữ liệu trong bài toán thực tế	x		x	x	x					x
2.3.	Xây dựng báo cáo hỗ trợ ra quyết định phục vụ công tác quản lý trong bài toán thực tế	x		x	x	x					x
3.	Thể hiện tính chủ động, trung thực trong học tập và sáng tạo trong ứng dụng công cụ Excel										
3.1.	Thể hiện tính chủ động, trung thực khi tham gia các hoạt động tự học và các bài kiểm tra lý thuyết, thực hành			x	x	x	x	x		x	x
3.2.	Thể hiện sự sáng tạo để tổ chức, xử lý dữ liệu và tạo báo cáo hỗ trợ ra quyết định trong các nghiệp vụ quản lý bằng công cụ Excel			x							x

8. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY

Tài liệu chính:

- [1] Bài giảng điện tử trên trang Elearning của trường Đại học Thăng Long môn Ứng dụng Excel

Tài liệu tham khảo:

[2] <https://inda.vn/powerbi/xay-dung-bao-cao-tai-chinh-financial-dashboard/>

[3] <https://support.microsoft.com/en-us/office/excel-video-training-9bc05390-e94c-46af-a5b3-d7c22f6990bb>

9. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Lĩnh vực chuyên môn
1.	Đoàn Ngọc Đạt	ThS	Tin học văn phòng
2.	Phạm Thị Kim Hoa	ThS	Tin học văn phòng
3.	Trần Thị Huệ	ThS	Tin học văn phòng
4.	Nguyễn Mạnh Hùng	Cử nhân	Tin học văn phòng
5.	Đình Thu Khánh	ThS	Tin học văn phòng
6.	Đậu Hải Phong	TS	Tin học văn phòng

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

GV thực hiện theo đúng nội dung và kế hoạch giảng dạy trong đề cương chi tiết đã được duyệt.

PHỤ LỤC A: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)

Đánh giá Bài tập lớn

Tiêu chí	Trung bình < 6.5	Khá 6.5-7.9	Tốt 8-8.9	Xuất sắc 9-10
Mô tả nghiệp vụ và yêu cầu thông tin hỗ trợ ra quyết định (10%)	Làm theo đề bài có sẵn.	Còn chưa rõ ràng hoặc chưa phát hiện ra các ràng buộc dữ liệu.	Rõ ràng và phát hiện đủ các ràng buộc dữ liệu.	Như mô tả ở mục Tốt.
Tổ chức dữ liệu (20%)	Đúng nhưng có thể còn thiếu hoặc bố cục còn lộn xộn.	Đúng, đủ nhưng bố cục còn lộn xộn.	Đúng, đủ, bố cục gọn.	Như mô tả ở mục Tốt.
Xử lý dữ liệu (20%)	Đáp ứng 50% yêu cầu thông tin.	Đáp ứng 70% yêu cầu thông tin.	Đáp ứng 100% yêu cầu thông tin.	Như mô tả ở mục Tốt và cách xử lý ngắn gọn.

Tiêu chí	Trung bình < 6.5	Khá 6.5-7.9	Tốt 8-8.9	Xuất sắc 9-10
Tạo báo cáo (50%)	Bố cục lộn xộn, không căn chỉnh các đối tượng, màu sắc không sử dụng hiệu quả, đối tượng trang trí không phù hợp.	Bố cục không lộn xộn, màu sắc không sử dụng hiệu quả, chưa phân biệt đối tượng chính – phụ, chưa đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ. Điểm cộng cho kiểu biểu đồ mới thể hiện tốt thông tin yêu cầu.	Bố cục hợp lý, màu sắc hiệu quả, phân biệt đối tượng chính – phụ, đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ. Điểm cộng cho kiểu biểu đồ mới thể hiện tốt thông tin yêu cầu.	Như mô tả mục Tốt và sử dụng biểu đồ thể hiện tốt nghiệp vụ quản lý. Điểm cộng cho kiểu biểu đồ mới thể hiện tốt thông tin yêu cầu.

PHỤ LỤC B: MA TRẬN ĐỀ THI THỰC HÀNH

STT	Nội dung	Điểm
1.	Hàm VLOOKUP/ HLOOKUP đơn giản	1
2.	Kết hợp các hàm LOOKUP, LOGICAL, TEXT, DATE & TIME	1
3.	Tính toán sử dụng địa chỉ tương đối, tuyệt đối kết hợp các hàm ROUND, IF...	1
4.	Tính toán có nhiều điều kiện	1
5.	Kiểm soát nhập dữ liệu	1
6.	Định dạng có điều kiện	1
7.	Thiết lập trang in	1
8.	Báo cáo Pivot Table kết hợp Sparkline, biểu đồ, lọc dữ liệu, sắp xếp dữ liệu	2
9.	Báo cáo Consolidate kết hợp định dạng bảng	1
10.	Bảo vệ một vùng dữ liệu trong trang tính	1

TRƯỜNG KHOA

Danh

TS. Cao Kim Ánh

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Phu

Ths. Đinh Thu Khánh

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

5. Kinh tế vi mô -EC101

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1	Tên học phần	<i>Tiếng Việt:</i> Kinh tế học vi mô <i>Tiếng Anh:</i> Microeconomics
1.2	Mã học phần	EC204
1.3	Thuộc khối kiến thức	Cơ sở khối ngành
1.4	Tính chất của học phần	Bắt buộc
1.5	Khoa phụ trách	Kinh tế - Quản lý
1.6	Số tín chỉ	3
1.7	Điều kiện tiên quyết	Kinh tế học đại cương (EC101)
1.8	Thời lượng	36 lý thuyết + 18 giờ bài tập
1.9	Ngày ban hành	21/4/2022

2. YÊU CẦU ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Về trang thiết bị, lớp học cần được trang bị bảng phấn, máy tính, máy chiếu để thuyết giảng, sinh viên cần in sẵn các tài liệu như slide, bài tập và tài liệu đọc.

Về nội quy, mỗi tuần có 6 giờ học trực tiếp trên lớp. Yêu cầu:

- Sinh viên phải tham gia học ít nhất 70% số giờ học.
- Sinh viên đi học muộn quá 15 phút thì không được vào lớp học và được coi là nghỉ học buổi học đó.
- Sinh viên cần làm đủ 1 bài kiểm tra của học phần.
- Sinh viên bắt buộc phải tham gia làm các bài tập và tích cực thảo luận trên lớp.
- Khi vào lớp, sinh viên cần thực hiện nghiêm túc *Nội quy lớp học*.
- Bắt buộc làm bài thi cuối kỳ.

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Kinh tế học vi mô là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Học phần này cung cấp những kiến thức về các lý thuyết mô tả hành vi và cách thức ra quyết định của các thành viên trong một nền kinh tế (hộ gia đình, doanh nghiệp và chính phủ). Cụ thể, những mô hình lý thuyết trong học phần giúp trả lời các câu hỏi như: (i) các cá nhân, hộ

gia đình sẽ lựa chọn sử dụng các nguồn lực khan hiếm (thu nhập, thời gian) của mình như thế nào? (ii) Những loại chi phí nào phát sinh trong hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp? (iii) Với mục tiêu tối đa lợi nhuận thì các doanh nghiệp trên bốn loại thị trường (cạnh tranh hoàn hảo; độc quyền hoàn toàn; cạnh tranh độc quyền và độc quyền nhóm) đưa ra quyết định sản xuất như thế nào? (iv) Hành vi của các doanh nghiệp trên thị trường các yếu tố sản xuất (lao động, đất đai, tư bản) như thế nào? Những kiến thức của học phần này là cơ sở để sinh viên tiếp tục học các môn học chuyên ngành.

3.1 Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra
CO1: Hiểu được các khái niệm, thuật ngữ và lý thuyết cơ bản trong kinh tế học vi mô.	1.1. Hiểu được lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng.
	1.2. Hiểu được lý thuyết về chi phí sản xuất của các doanh nghiệp trong ngắn và dài hạn.
	1.3. Trình bày được những đặc điểm của các dạng cấu trúc thị trường (cạnh tranh hoàn hảo, cạnh tranh độc quyền, độc quyền và độc quyền nhóm).
	1.4. Hiểu được cách thức ra quyết định của các doanh nghiệp trên những cấu trúc thị trường khác nhau.
	1.5. Hiểu được hành vi của các doanh nghiệp trên các thị trường yếu tố sản xuất (ví dụ thị trường lao động).
CO2: Phát triển được kỹ năng sử dụng các công cụ toán học để phân tích và giải thích một số tình huống thực tế trên cơ sở các lý thuyết của kinh tế học vi mô.	2.1. Sử dụng được một số công cụ toán học cơ bản như đồ thị, hàm số để mô tả và giải thích về hành vi, các quyết định của người tiêu dùng và doanh nghiệp.
	2.2. Ứng dụng những lý thuyết của kinh tế học vi mô trong việc ra quyết định của bản thân trong công việc và đời sống thường nhật.
	2.3. Phát triển được khả năng tự học của bản thân.
CO3: Ham thích tìm hiểu các vấn đề về kinh tế học vi mô và các vấn đề kinh tế liên quan.	3.1. Sẵn sàng tìm hiểu thêm về các vấn đề mới, vấn đề thực tiễn gắn liền với nội dung môn học.
	3.2. Có thái độ chuyên cần, trung thực và chủ động trong học tập.

3.2 Chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT				
		1.1.1.	1.1.2.	1.2.1.	1.3.1.	2.2.2.
1.	Hiểu được các khái niệm, thuật ngữ và lý thuyết cơ bản trong kinh tế học vi mô.					
1.1.	Hiểu được lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng.		K2			

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT				
		1.1.1.	1.1.2.	1.2.1.	1.3.1.	2.2.2.
1.2.	Hiểu được lý thuyết về chi phí sản xuất của các doanh nghiệp trong ngắn và dài hạn.	K1			K1	
1.3.	Trình bày được những đặc điểm của các dạng cấu trúc thị trường (cạnh tranh hoàn hảo, cạnh tranh độc quyền, độc quyền và độc quyền nhóm).	K1			K1	
1.4.	Hiểu được cách thức ra quyết định của các doanh nghiệp trên những cấu trúc thị trường khác nhau.	K2	K1		K2	
1.5.	Hiểu được hành vi của các doanh nghiệp trên các thị trường yếu tố sản xuất (ví dụ thị trường lao động).	K1			K1	
2.	Phát triển được kỹ năng sử dụng các công cụ toán học để phân tích và giải thích một số tình huống thực tế trên cơ sở các lý thuyết của kinh tế học vi mô.					
2.1.	Sử dụng được một số công cụ toán học cơ bản như đồ thị, hàm số để mô tả và giải thích về hành vi, các quyết định của người tiêu dùng và doanh nghiệp.			S2		
2.2.	Ứng dụng những lý thuyết của kinh tế học vi mô trong việc ra quyết định của bản thân trong công việc và đời sống thường nhật.	S1	S1			
2.3.	Phát triển được khả năng tự học của bản thân.			S1		S2
3.	Ham thích tìm hiểu các vấn đề về kinh tế học vi mô và các vấn đề kinh tế liên quan.					
3.1.	Sẵn sàng tìm hiểu thêm về các vấn đề mới, vấn đề thực tiễn gắn liền với nội dung môn học.					A1
3.2.	Có thái độ chuyên cần, trung thực và chủ động trong học tập.					A1

K: Kiến thức 1 - Biết/Nhớ 2 - Hiểu 3 - Vận dụng 4 - Phân tích 5 - Tổng hợp 6 - Đánh giá
A: Thái độ 1 - Tiếp nhận 2 - Hồi đáp 3 - Đánh giá 4 - Tổ chức 5 - Tính cách
S: Kỹ năng 1 - Bất chước 2 - Thao tác được 3 - Thao tác chính xác 4 - Thao tác biến hóa 5 - Thao tác thuần thục

4. KẾ HOẠCH DẠY - HỌC

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
1	<i>Chương 1: Lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng</i> 1.1 Sự lựa chọn của người tiêu dùng	5	1	1.1_2 2.1_2 2.2_1 2.3_1 3.1_1 3.2_1	<i>GV:</i> Giới thiệu học phần (dề cương chi tiết, tài liệu học tập, đánh giá người học, lịch kiểm tra, hình thức thi cuối kỳ). Phổ biến nội quy lớp học. Thuyết giảng các nội dung về đường ngân sách; lý thuyết về sở thích với khái niệm độ thỏa dụng, độ thỏa dụng biên, đường bàng quan và các tính chất; nguyên tắc lựa chọn giỏ hàng tối ưu. Giao bài tập cho sinh viên về đường ngân sách, đường bàng quan và xác định giỏ hàng tối ưu. Chữa các bài tập đã giao. <i>SV:</i> Đọc giáo trình trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp. Làm bài tập và trắc nghiệm của chương 1.	Kiểm tra mức độ hiểu bài và tự học của sinh viên thông qua việc lên bảng làm bài tập và trắc nghiệm chương 1.	[1] Chương 4 [2] Chương 3 và 4 [3] Chương 8 [4] Chương 6
2	1.2 Các yếu tố tác động đến sự lựa chọn 1.3 Một số ứng dụng	4	2	1.1_3 2.1_2	<i>GV:</i> Tiếp tục thuyết giảng các nội dung lý thuyết trong chương 1: Các yếu tố tác động đến sự lựa chọn (khí thu nhập của người tiêu dùng và giá hàng	Thảo luận trên lớp về các ứng dụng của lý	[1] Chương 4

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
				2.2_1 2.3_2 3.1_1 3.2_1	<p>hóa thay đổi), thiết lập đường cầu; Áp dụng lý thuyết để phân tích một số ứng dụng.</p> <p>Giao bài tập cho sinh viên về sự thay đổi của giá hàng tối ưu.</p> <p>Chữa các bài tập đã giao.</p> <p>SV: Đọc giáo trình trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp.</p> <p>Tích cực thảo luận về các ứng dụng thực tế của lý thuyết.</p> <p>Hoàn thành các bài tập và trắc nghiệm được giao.</p>	<p>thuyết hành vi người tiêu dùng.</p> <p>Mini test bằng hình thức trắc nghiệm (thời gian 20 phút với 10 câu hỏi trắc nghiệm về đường ngân sách, đường bàng quan, giỏ hàng tối ưu).</p>	<p>[2] Chương 3 và 4</p> <p>[3] Chương 8</p> <p>[4] Chương 6</p>
3	<p>Chương 2: Chi phí sản xuất</p> <p>2.1 Sản xuất và chi phí</p> <p>2.2 Chi phí trong ngắn hạn</p> <p>2.3 Chi phí trong dài hạn</p>	4	2	1.2_2 2.1_2 2.3_2 3.2_2	<p>GV: Thuyết giảng các nội dung lý thuyết về sản xuất, hàm sản xuất, quy luật sản phẩm biên giảm dần, các khái niệm về chi phí trong ngắn và dài hạn.</p> <p>Giao bài tập cho SV về sản phẩm trung bình và sản phẩm biên; chi phí trong ngắn và dài hạn; xác định hàm sản xuất có tính kinh tế, phi kinh tế hay kinh tế không đổi theo quy mô.</p>	<p>Kiểm tra mức độ hiểu bài và tự học của sinh viên thông qua việc lên bảng làm bài tập và trắc nghiệm chương 2.</p>	<p>[1] Chương 6</p> <p>[2] Chương 6 và 7</p> <p>[3] Chương 10</p> <p>[4] Chương 8</p>

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
					<p>Chữa các bài tập đã giao.</p> <p>SV: Đọc giáo trình trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp.</p> <p>Hoàn thành các bài tập và trắc nghiệm được giao.</p>		
4	<p>Chương 3: Thị trường cạnh tranh hoàn hảo</p> <p>3.1 Đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn hảo</p> <p>3.2 Quyết định sản xuất của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo trong ngắn hạn.</p> <p>3.3 Quyết định sản xuất của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo trong dài hạn.</p>	4	2	<p>1.3_1</p> <p>1.4_2</p> <p>1.5_1</p> <p>2.1_2</p> <p>2.2_1</p> <p>2.3_2</p> <p>3.1_2</p> <p>3.2_2</p>	<p>GV: Thuyết giảng các nội dung về đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn hảo; hành vi của hãng cạnh tranh hoàn hảo trong ngắn hạn và dài hạn; xây dựng đường cung trong ngắn hạn và dài hạn của hãng cạnh tranh hoàn hảo.</p> <p>Giao bài tập cho SV về xác định mức sản lượng tối đa lợi nhuận; xác định điểm hòa vốn, điểm đóng cửa; Xác định khoảng giá hãng gia nhập và rời bỏ thị trường trong dài hạn; sản lượng cân bằng dài hạn; viết phương trình đường cung ngắn và dài hạn của hãng cạnh tranh hoàn hảo.</p> <p>Chữa các bài tập đã giao</p> <p>SV: Đọc giáo trình trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp.</p>	<p>Mini test bằng hình thức trắc nghiệm (thời gian 20 phút với 10 câu hỏi trắc nghiệm về điểm hòa vốn, điểm đóng cửa, trạng thái cân bằng dài hạn).</p> <p>Lên bảng làm các bài tập và trắc nghiệm chương 3.</p>	<p>[1] Chương 7</p> <p>[2] Chương 8</p> <p>[3] Chương 11</p>

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

7

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
					Hoàn thành các bài tập và trắc nghiệm của chương 3 đã được giao.		
5	Chương 4: Thị trường độc quyền 4.1 Đặc điểm và nguồn gốc của thị trường độc quyền 4.2 Quyết định sản xuất của doanh nghiệp độc quyền	3	3	1.3_1 1.4_2 2.1_2 2.3_2 3.1_2 3.2_2	GV: tiếp tục chữa các bài tập và trắc nghiệm của chương 3. Thuyết giảng các nội dung lý thuyết của chương 4 về đặc điểm và nguồn gốc hình thành thị trường độc quyền, mức sản lượng và giá bán tối đa lợi nhuận của hãng độc quyền. Giao các bài tập và trắc nghiệm của chương 4 về cách xác định sản lượng và giá bán tối ưu của hãng độc quyền. SV: Đọc giáo trình trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp. Hoàn thành các bài tập và trắc nghiệm của chương 4 đã được giao.	Kiểm tra mức độ hiểu bài và tự học của sinh viên thông qua việc lên bảng làm bài tập và trắc nghiệm chương 4.	[1] Chương 8 [2] Chương 10 và 11 [3] Chương 12
6	4.3 Chi phí xã hội của độc quyền 4.4 Kiểm soát độc quyền	4	2	1.4_2 2.1_2 2.3_2	GV: Tiếp tục thuyết giảng các nội dung lý thuyết trong chương 4 về khoản mất không do độc quyền;	Thảo luận trên lớp về các ví dụ	[1] Chương 8 [2] Chương 10 và 11

7 | 22

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

8

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
				3.1_2 3.2_2	<p>các chính sách công đối với độc quyền; hành vi phân biệt giá.</p> <p>Tiếp tục giao các bài tập và trắc nghiệm chương 4 về: xác định khoản mất không, sức mạnh thị trường; thịnh dư sản xuất và tiêu dùng; Xác định sản lượng và lợi nhuận khi hãng độc quyền thực hiện phân biệt giá hoàn hảo.</p> <p>Tiếp tục chữa các bài tập đã giao.</p> <p>Hệ thống nhanh các nội dung đã học từ chương 1 đến chương 4 và hướng dẫn SV ôn tập chuẩn bị làm bài kiểm tra quá trình.</p> <p><u>SV</u>: Đọc giáo trình trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp.</p> <p>Thảo luận các ví dụ thực tế về phân biệt giá.</p> <p>Hoàn thành các bài tập và trắc nghiệm của chương 4 đã được giao.</p>	<p>thực tế của hành vi phân biệt giá.</p> <p>Tiếp tục lên bảng làm bài tập và trắc nghiệm chương 4.</p>	[3] Chương 12
7	<i>Làm bài kiểm tra quá trình</i>	4	2	1.3_2 1.4_2	<p><u>GV</u>: Tổ chức cho sinh viên làm bài kiểm tra quá trình ở trên lớp.</p>	<p>Làm bài kiểm tra quá trình thời gian 50</p>	<p>[1] Chương 9</p> <p>[2] Chương 12</p>

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	<i>Chương 5: Cạnh tranh độc quyền và độc quyền nhóm</i> 5.1 Cạnh tranh độc quyền			2.1_2 2.3_2 3.1_2 3.2_2	Thuyết giảng nội dung lý thuyết về thị trường cạnh tranh độc quyền của chương 5. Giáo bài trắc nghiệm của phần cạnh tranh độc quyền cho SV. Chữa các bài trắc nghiệm đã giao. SV: Tham gia làm bài kiểm tra quá trình. Đọc giáo trình trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp. Hoàn thành câu hỏi trắc nghiệm về phần cạnh tranh độc quyền của chương 5.	phút bao gồm: (1) trắc nghiệm với 10 câu hỏi và (2) một bài tập tự luận (tổng hợp các kiến thức từ chương 1 đến chương 4).	[3] Chương 13
8	5.2 Độc quyền nhóm	4	2	1.3_2 1.4_2 2.1_2 2.3_2 3.1_2 3.2_2	GV: Tiếp tục thuyết giảng phần nội dung thứ hai của chương 5 là độc quyền nhóm: Đặc điểm của thị trường độc quyền nhóm; các mô hình Cournot; Stackelberg và mô hình cạnh tranh giá cá. Giáo bài tập và trắc nghiệm cho SV về sản lượng và giá bán trên thị trường theo cân bằng Cournot. Sản lượng và lợi nhuận của mỗi hãng theo mô hình Stackelberg hoặc theo mô hình cạnh tranh giá cá.	Kiểm tra mức độ hiểu bài và tự học của sinh viên thông qua việc lên bảng làm bài tập và trắc nghiệm của chương 5.	[1] Chương 10 [2] Chương 12 [3] Chương 13

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

10

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
					<p>Chữa các bài tập đã giao.</p> <p>SV: Đọc giáo trình trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp.</p> <p>Hoàn thành bài tập và các câu hỏi trắc nghiệm về phần đọc quyền nhóm của chương 5.</p>		
9	<p>Chương 6: Thị trường các nhân tố sản xuất.</p> <p>6.1 Cầu về lao động</p> <p>6.2 Cung về lao động</p> <p>6.3 Trạng thái cân bằng trên thị trường lao động</p> <p>6.4 Các nhân tố sản xuất khác: đất đai và tư bản</p>	4	2	<p>1.3_2</p> <p>1.5_2</p> <p>2.1_3</p> <p>2.2_2</p> <p>2.3_2</p> <p>3.1_2</p> <p>3.2_2</p>	<p>GV: Thuyết giảng các nội dung lý thuyết trong chương 6: cầu và cung về lao động; trạng thái cân bằng trên thị trường lao động. Khái quát hóa mô hình cung cầu về lao động cho các thị trường nhân tố sản xuất khác là đất đai và lao động.</p> <p>Giao các bài tập và câu hỏi trắc nghiệm của chương 6 về xác định trạng thái cân bằng trên thị trường lao động; xác định lượng lao động tối ưu của doanh nghiệp; xác định hàm cầu về lao động của doanh nghiệp cũng như hàm cầu về các nhân tố sản xuất khác là đất đai và tư bản.</p> <p>Chữa các bài tập đã giao.</p> <p>Hệ thống lại các kiến thức đã học và hướng dẫn SV về bài thi cuối kỳ.</p>	<p>Kiểm tra mức độ hiểu bài và tự học của sinh viên thông qua việc lên bảng làm bài tập và trắc nghiệm của chương 6.</p>	<p>[1] Chương 11</p> <p>[2] Chương 14</p>

10 | 22

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

11

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
					Tổng kết và công bố điểm quá trình <u>SV</u> : Đọc giáo trình trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp. Hoàn thành bài tập và các câu hỏi trắc nghiệm.		

CDR học phần có cấu trúc: STT của CDR học phần_n

Trong đó, n là mức độ theo Bloom:

Kiến thức	1 - Biễu/Nhớ	2 - Hiểu	3 - Vận dụng	4 - Phân tích	5 - Tổng hợp	6 - Đánh giá
Thái độ	1 - Tiếp nhận	2 - Hồi đáp	3 - Đánh giá	4 - Tổ chức	5 - Tính cách	
Kỹ năng	1 - Bất chức	2 - Thao tác được	3 - Thao tác chính xác	4 - Thao tác biến hóa	5 - Thao tác thuần thục	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

Học phần triển khai kết hợp nhiều phương pháp dạy học sau:

Phương pháp tự học: Người học tự học thông qua việc đọc tài liệu đọc, xem video bài giảng trên hệ thống Elearning và trả lời các câu hỏi tự luận, trắc nghiệm sau mỗi chương. Điều này giúp người học có kỹ năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức và chủ động học hỏi.

Phương pháp Thuyết trình: Giảng viên trình bày kiến thức mới, cập nhật những thông tin không có trong sách, tổng kết những kiến thức mà người học đã tiếp nhận một cách có hệ thống.

Phương pháp Bài tập: Giảng viên giao bài tập cho người học chuẩn bị trước khi đến lớp hoặc sau giờ học. Trong giờ bài tập, giảng viên có thể tổ chức thảo luận, chữa bài tập.

Phương pháp Thảo luận: Giảng viên tổ chức cuộc đối thoại giữa người học với người học hoặc giữa người học với giảng viên nhằm huy động trí tuệ của người học để đưa ra những giải pháp, kiến nghị hoặc những quan niệm mới để giải quyết một vấn đề. Thảo luận có thể giúp người học khai thác được nhiều khía cạnh của một vấn đề, giúp người học phát triển khả năng trao đổi, trình bày suy nghĩ và quan điểm một cách rõ ràng, phát triển năng lực phân tích, tổng hợp.

Các phương pháp dạy - học trên tạo điều kiện cho người học thành thạo các kỹ năng chuyên môn, đạt chuẩn đầu ra của học phần, rèn luyện khả năng học tập suốt đời, đồng thời giúp cho giảng viên tổ chức hoạt động trên lớp hiệu quả hơn.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Học phần sử dụng 04 phương pháp đánh giá kết quả học tập:

- **Chuyên cần và thái độ học tập** (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm);
- **Bài tập** (công cụ đánh giá: đáp án, trong quá trình học);
- **Trắc nghiệm + Tự luận** (công cụ đánh giá: đáp án; đối với 01 bài kiểm tra quá trình, thời gian 50 phút và 01 bài thi cuối kỳ, thời gian 90 phút).

Điểm quá trình = Điểm kiểm tra quá trình * 90% + Điểm chuyên cần, thái độ học tập * 10% + Điểm cộng (nếu có)

Điểm tổng kết = Điểm quá trình * 40% + Điểm thi * 60%.

7. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP PHÙ HỢP VỚI CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp dạy - học				Phương pháp đánh giá			
		Tự học	Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Chuyên cần và thái độ	Bài tập	Tự luận	Trắc nghiệm
1.	Hiểu được các khái niệm, thuật ngữ cơ bản trong kinh tế học vi mô.								
1.1.	Hiểu được lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng.	x	x	x	x	x	x	x	x
1.2.	Hiểu được lý thuyết về chi phí sản xuất của các doanh nghiệp trong ngắn và dài hạn.	x	x	x	x	x	x	x	x
1.3.	Trình bày được những đặc điểm của các dạng cấu trúc thị trường (cạnh tranh hoàn hảo, cạnh tranh độc quyền, độc quyền và độc quyền nhóm).	x	x		x	x	x	x	x
1.4.	Hiểu được cách thức ra quyết định của các doanh nghiệp trên những cấu trúc thị trường khác nhau.	x	x	x	x	x	x	x	x
1.5.	Hiểu được hành vi của các doanh nghiệp trên các thị trường yếu tố sản xuất (ví dụ thị trường lao động).	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Phát triển được kỹ năng sử dụng các công cụ toán học để phân tích và giải thích một số tình huống thực tế trên cơ sở các lý thuyết của kinh tế học vi mô.								
2.1.	Sử dụng được một số công cụ toán học cơ bản như đồ thị, hàm số để mô tả và giải thích về hành vi, các quyết định của người tiêu dùng và doanh nghiệp.	x	x	x		x	x	x	x
2.2.	Ứng dụng những lý thuyết của kinh tế học vi mô trong việc ra quyết định của bản thân trong công việc và đời sống thường nhật.	x	x		x	x		x	
2.3.	Phát triển được khả năng tự học của bản thân.	x		x	x	x	x	x	x

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp dạy - học				Phương pháp đánh giá			
		Tự học	Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Chuyên cần và thái độ	Bài tập	Tự luận	Trắc nghiệm
3.	Ham thích tìm hiểu các vấn đề về kinh tế học vi mô và các vấn đề kinh tế liên quan.								
3.1.	Sẵn sàng tìm hiểu thêm về các vấn đề mới, vấn đề thực tiễn gắn liền với nội dung môn học.	x	x		x	x			
3.2.	Có thái độ chuyên cần, trung thực và chủ động trong học tập.	x		x	x	x	x	x	x

8. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY

Tài liệu chính:

[1] Vũ Kim Dũng & Nguyễn Văn Công (2012), *Giáo trình kinh tế học – tập 1*, Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân.

Tài liệu tham khảo:

[2] Robert S.Pindyck & Daniel L.Rubinfeld (2015), *Kinh tế học vi mô*, Nhà xuất bản Kinh tế TP.Hồ Chí Minh.

[3] Michael Parkin (2017), *Microeconomics (13th edition)*, Pearson, University of Western Ontario.

[4] David Begg, Stanley Fischer & Rudiger Dornbusch (2011), *Kinh tế học vi mô*, Nhà xuất bản Thống Kê.

9. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Lĩnh vực chuyên môn
1.	Nguyễn Phương Mai	Thạc sĩ	Kinh tế học, Kinh tế phát triển
2.	Lê Thị Kim Chung	Tiến sĩ	Kinh tế học, Kinh tế quốc tế
3.	Vũ Đức Hiếu	Thạc sĩ	Kinh tế học, Kinh tế quốc tế

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Khoa Kinh tế - Quản lý và Bộ môn Kinh tế học có trách nhiệm phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể giảng viên tham gia giảng dạy thực hiện.

- Giảng viên có nhiệm vụ phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể người học vào tiết học đầu tiên của học phần.

- Giảng viên thực hiện theo đúng nội dung và kế hoạch giảng dạy trong đề cương chi tiết học phần đã được duyệt.

TRƯỞNG KHOA



GS.TS. Nguyễn Khắc Minh

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Trần Thị Thùy Linh

NGƯỜI BIÊN SOẠN



Ths. Vũ Đức Hiếu

PHỤ LỤC A: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)

Rubrics 1. Tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ học tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tham gia lớp học	Đi học đầy đủ số buổi theo yêu cầu	Vắng học nhỏ hơn 10% so với quy định (6 giờ/ 54 giờ)	Vắng học từ 10% đến nhỏ hơn 20% so với quy định (từ 7 đến 11 giờ/ 54 giờ)	Vắng học từ 25% đến nhỏ hơn 30% so với quy định (từ 14 đến 17 giờ/ 54 giờ)	Vắng học quá 30% số giờ theo quy định (18 giờ/ 54 giờ)	50%
Vào lớp học đúng giờ	Luôn đi học đúng giờ	Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút)	Vào lớp muộn 3-4 buổi	Vào lớp muộn 5-6 buổi	Vào lớp muộn > 6 buổi	20%
Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận, phát biểu, ...)	Tích cực tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (> 75% N) (N được tính 100% hoạt động)	Thường xuyên tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~75% N hoạt động)	Có tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~50% N hoạt động)	Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~25% N hoạt động)	Không tham gia các hoạt động trên lớp	15%
Thực hiện nhiệm vụ tự học (chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm bài tập về nhà, ...)	Làm trên 75% bài tập cá nhân.	Làm trên 50% đến 75% bài tập cá nhân.	Làm trên 25% đến 50% bài tập cá nhân.	Làm tối đa 25% bài tập cá nhân.	Không làm bài tập cá nhân.	15%

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

17

PHỤ LỤC B: MA TRẬN ĐỀ THI

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
1.	Phần I: Trắc nghiệm				
1.	<i>Lý thuyết về sự lựa chọn của người tiêu dùng</i>				
1.1	Đường ngân sách		1 câu 0,25 điểm 2,5%		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
1.2	Đường bàng quan		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
1.3	Giỏ hàng tối ưu	1 câu 0,25 điểm 2,5 %			1 câu 0,25 điểm 2,5 %
2.	<i>Chi phí sản xuất</i>				
2.1	Sản phẩm trung bình và sản phẩm biên	1 câu 0,25 điểm 2,5 %			1 câu 0,25 điểm 2,5 %

17 | 22

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

18

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
2.2	Chi phí trong ngắn hạn		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
2.3	Chi phí trong dài hạn		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
3.	Thị trường cạnh tranh hoàn hảo				
3.1	Đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn hảo	1 câu 0,25 điểm 2,5 %			1 câu 0,25 điểm 2,5 %
3.2	Quyết định sản xuất của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo trong ngắn hạn			1 câu 0,25 điểm 2,5 %	1 câu 0,25 điểm 2,5 %
3.3	Quyết định sản xuất của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo trong dài hạn			1 câu 0,25 điểm 2,5 %	1 câu 0,25 điểm 2,5 %
4.	Thị trường độc quyền				

18 | 22

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

19

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
4.1	Đặc điểm và nguồn gốc của thị trường độc quyền	1 câu 0,25 điểm 2,5 %			1 câu 0,25 điểm 2,5 %
4.2	Quyết định sản xuất của doanh nghiệp độc quyền			1 câu 0,25 điểm 2,5 %	1 câu 0,25 điểm 2,5 %
4.3	Chi phí xã hội của độc quyền	1 câu 0,25 điểm 2,5 %			1 câu 0,25 điểm 2,5 %
4.4	Phân biệt giá		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
5.	Cạnh tranh độc quyền				
5.1	Đặc điểm của thị trường cạnh tranh độc quyền	1 câu 0,25 điểm 2,5 %			1 câu 0,25 điểm 2,5 %

19 | 22

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

20

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
5.2	Trạng thái cân bằng dài hạn của hãng cạnh tranh độc quyền		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
6.	Độc quyền nhóm				
6.1	Đặc điểm của thị trường độc quyền nhóm	1 câu 0,25 điểm 2,5 %			1 câu 0,25 điểm 2,5 %
6.2	Các mô hình cho thị trường độc quyền nhóm		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
7.	Thị trường các nhân tố sản xuất				
7.1	Câu về lao động		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
7.2	Cung về lao động			1 câu 0,25 điểm 2,5 %	1 câu 0,25 điểm 2,5 %

20 | 22

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

21

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
		1 câu			1 câu
7.3	Các nhân tố sản xuất dài dai và tư bản	0,25 điểm 2,5 %			0,25 điểm 2,5 %
II.	Tự luận				
1.	<i>Bài tập 1 về lý thuyết sự lựa chọn của người tiêu dùng.</i>				
1.1	Lập phương trình đường ngân sách	1 câu 0,5 điểm 5%			1 câu 0,5 điểm 5%
1.2	Xác định giỏ hàng tối ưu		1 câu 1 điểm 10%		1 câu 1 điểm 10%
1.3	Xác định giỏ hàng tối ưu mới khi có sự thay đổi của thu nhập hoặc giá hàng hóa.			1 câu 1 điểm 10%	1 câu 1 điểm 10%
2.	<i>Bài tập 2 về hành vi của các doanh nghiệp trên các thị trường cạnh tranh hoàn hảo hoặc thị trường độc quyền.</i>				

21 | 22

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

22

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
2.1	Xác định sản lượng và lợi nhuận tối đa của doanh nghiệp		1 câu 1 điểm 10%		1 câu 1 điểm 10%
2.2	Xác định điểm đóng cửa, điểm hòa vốn của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo hoặc chi phí xã hội của doanh nghiệp độc quyền.		1 câu 0,5 điểm 5%		1 câu 0,5 điểm 5%
2.3	Xác định sản lượng và lợi nhuận của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn hảo khi bị đánh thuế hoặc xác định sản lượng và lợi nhuận của hãng độc quyền khi thực hiện phân biệt giá hoàn hảo.			1 câu 1 điểm 10%	1 câu 1 điểm 10%
	Tổng số câu Tổng số điểm Tỷ lệ %	9 câu 2,5 điểm 25%	11 câu 4,5 điểm 45%	6 câu 3 điểm 30%	26 câu 10,0 điểm 100%

22 | 22



Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

6. Kinh tế vĩ mô – EC205

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1	Tên học phần	<i>Tiếng Việt:</i> Kinh tế vĩ mô <i>Tiếng Anh:</i> Macro Economics
1.2	Mã học phần	EC205
1.3	Thuộc khối kiến thức	Cơ sở khối ngành
1.4	Tính chất của học phần	Bắt buộc
1.5	Khoa phụ trách	Kinh tế- quản lý
1.6	Số tín chỉ	3
1.7	Điều kiện tiên quyết	Tên học phần tiên quyết (mã HP)
1.8	Thời lượng giảng dạy trực tiếp	36 giờ lý thuyết + 18 giờ thực hành/ bài tập/ thảo luận
1.9	Thời lượng giảng dạy kết hợp E-Learning	Không có
1.10	Ngày ban hành	21/4/2022

2. YÊU CẦU CỦA HỌC PHẦN

Về trang thiết bị: lớp học cần được trang bị máy tính, máy chiếu để thuyết giảng, thuyết trình; sinh viên cần in sẵn các tài liệu như slide, bài tập và tài liệu đọc.

Về nội quy: mỗi tuần có 6 giờ học trực tiếp trên lớp được chia thành 2 buổi học.

+ Trên trang đào tạo trực tuyến của trường (<https://elearning.thanglong.edu>) có các bài giảng của môn Kinh tế vĩ mô dưới dạng các video của từng chương học. Đây là một trong những nguồn tài liệu quan trọng, hữu ích để sinh viên có thể tự học, tự chuẩn bị bài trước giờ lên lớp trực tiếp. Do vậy khuyến khích sinh viên nghe video bài giảng của mỗi chương học trên trang học trực tuyến trước buổi học trực tiếp.

+ Sinh viên phải tham gia học ít nhất 70% trong tổng số giờ.

+ Sinh viên đi học muộn quá 15 phút thì không được vào lớp học và được coi là nghỉ học buổi học đó.

+ Sinh viên cần làm đủ 1 bài kiểm tra của học phần.

+ Sinh viên bắt buộc phải tham gia làm các bài tập trên lớp.

+ Trong giờ học, sinh viên cần thực hiện nghiêm túc Nội quy lớp học.

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Kinh tế học vĩ mô là học phần nghiên cứu nền kinh tế tổng thể trong đó tập trung vào các biến số như giá cả, sản lượng, thu nhập, lãi suất, tỷ giá, cân cân thanh toán, đầu tư, chi tiêu của Chính phủ và thuế... Mỗi quan hệ giữa các biến số này được giải thích thông qua các mô hình kinh tế vĩ mô như mô hình giao điểm Keynes, mô hình tổng cung-tổng cầu (AS-AD), mô hình IS-LM trong nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể nắm được các vấn đề về biến động kinh tế trong ngắn hạn, chu kỳ kinh tế, các cú sốc phía cung- phía cầu và vai trò của chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ đối với việc bình ổn kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

3.1 Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra
CO1: Vận dụng một cách thành thạo các kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô đã học.	<p>1.1. Hiểu được các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản như: tiền tệ, mức giá chung, tổng sản lượng, tỷ giá hối đoái, lãi suất, đầu tư, chi tiêu, tiết kiệm</p> <p>1.2. Hiểu được các nội dung cơ bản của các mô hình kinh tế vĩ mô gồm mô hình thị trường tiền tệ, mô hình thị trường ngoại hối, mô hình giao điểm Keynes, mô hình tổng cung-tổng cầu, mô hình tổng cầu của nền kinh tế đóng và mở.</p> <p>1.3. Phân biệt được các mô hình kinh tế vĩ mô để mô tả các biến động kinh tế trong ngắn hạn gồm mô hình tổng cung-tổng cầu, mô hình tổng cầu trong nền kinh tế đóng và mở.</p> <p>1.4. Hiểu được nội dung, vai trò của các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ gồm chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ</p>
CO2: Vận dụng một cách chủ động, linh hoạt các kiến thức của kinh tế vĩ mô với thông tin kinh tế	<p>2.1. Giải thích được ý nghĩa của các biến số vĩ mô thông qua các chỉ số kinh tế vĩ mô thực của nền kinh tế</p> <p>2.2. Phân tích được các tình huống kinh tế đơn giản trong thực tế ảnh hưởng đến các biến số vĩ mô như mức giá chung, sản lượng, việc làm, lãi suất của nền kinh tế dựa trên các mô hình đã học</p> <p>2.3. Giải thích được cách thức tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô cơ bản gồm chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ mà chính phủ áp dụng với các tình huống kinh tế đơn giản trong thực tế.</p> <p>2.4. Phân tích được tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô cơ bản gồm chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ đối với các tình huống kinh tế đơn giản trong thực tế.</p>
CO3: Rèn luyện tính chủ động, trung thực trong học tập, quản lý hiệu quả thời gian, có trách nhiệm với các	<p>3.1. Hoàn thành một cách nghiêm túc các nhiệm vụ học tập được giao</p> <p>3.2. Thể hiện tư duy linh hoạt khi áp dụng các kiến thức kinh tế vĩ mô để giải quyết các tình huống kinh tế đơn giản trong thực tế. .</p>

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra
nhiệm vụ học tập được giao.	

3.2 Chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT			
		1.1.2.	1.3.1.	2.2.2.	2.2.3.
1.	Vận dụng một cách thành thạo các kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô đã học				
1.1.	Hiểu được các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản như: mức giá chung, tổng sản lượng, tỷ giá hối đoái, lãi suất, đầu tư, chi tiêu, tiết kiệm	K2			
1.2.	Hiểu được các nội dung cơ bản của các mô hình kinh tế vĩ mô gồm mô hình thị trường tiền tệ, mô hình thị trường ngoại hối, mô hình giao điểm Keynes, mô hình tổng cung-tổng cầu, mô hình tổng cầu của nền kinh tế đóng và mở	K2			
1.3.	Phân biệt được các mô hình kinh tế vĩ mô để mô tả các biến động kinh tế trong ngắn hạn gồm mô hình tổng cung-tổng cầu, mô hình tổng cầu trong nền kinh tế đóng và mở	K2			
1.4.	Hiểu được nội dung, vai trò của các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ gồm chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ	K2			
2.	Vận dụng một cách chủ động, linh hoạt các kiến thức của kinh tế vĩ mô với thông tin kinh tế				
2.1.	Giải thích được ý nghĩa của các biến số vĩ mô thông qua các chỉ số kinh tế vĩ mô thực của nền kinh tế.	K2	S2		
2.2.	Phân tích được các tình huống kinh tế đơn giản trong thực tế ảnh hưởng đến các biến số vĩ mô như mức giá chung, sản lượng, việc làm, lãi suất của nền kinh tế dựa trên các mô hình đã học.	K1	S1		
2.3.	Giải thích được cách thức tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô cơ bản gồm chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ mà chính phủ áp dụng với các tình huống kinh tế đơn giản trong thực tế.	K1	S2		
2.4.	Phân tích được tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô cơ bản gồm chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ đối với các tình huống kinh tế đơn giản trong thực tế.	K1	S1		
3.	Rèn luyện tính chủ động, trung thực trong học tập, quản lý hiệu quả thời gian, có trách nhiệm với các nhiệm vụ học tập được giao.				
3.1.	Hoàn thành một cách nghiêm túc các nhiệm vụ học tập được				S2

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

4

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT			
		1.1.2.	1.3.1.	2.2.2.	2.2.3.
	giao.				
3.2.	Thể hiện tư duy linh hoạt khi áp dụng các kiến thức kinh tế vĩ mô để giải quyết các tình huống kinh tế đơn giản trong thực tế.			S2	

Kiến thức 1 - Biết/Nhớ 2 - Hiểu 3 - Vận dụng 4 - Phân tích 5 - Tổng hợp 6 - Đánh giá
Thái độ 1 - Tiếp nhận 2 - Hỏi đáp 3 - Đánh giá 4 - Tổ chức 5 - Tính cách
Kỹ năng 1 - Bất chước 2 - Thao tác được 3 - Thao tác chính xác 4 - Thao tác biến hóa 5 - Thao tác thuần thục

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

4. KẾ HOẠCH DẠY - HỌC

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
1	<p><i>Chương 1: Tiền tệ và thị trường tiền tệ</i></p> <p>1.1. Khái niệm và chức năng của tiền tệ</p> <p>1.2. Quá trình tạo tiền của hệ thống ngân hàng thương mại</p> <p>1.3. Các biện pháp kiểm soát cung ứng tiền tệ của ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ</p>	4	2	<p>1.1_2</p> <p>1.2_1</p> <p>2.1_1</p> <p>3.1_1</p>	<p><u>GV</u>: Giới thiệu học phần (đề cương chi tiết, tài liệu học tập, đánh giá người học, lịch kiểm tra, hình thức thi cuối kỳ).</p> <p>Phổ biến nội quy lớp học.</p> <p>Thuyết giảng các nội dung chính về lý thuyết trong chương 1; mục 1.1; 1.2; 1.3</p> <p>Giao bài tập cho SV về Các bài tập về cung tiền (MS), cơ sở tiền (MB), số nhân tiền (m_M), khi ngân hàng trung ương thực hiện các công cụ kiểm soát cung tiền thì MS, MB, m_M thay đổi như thế nào.</p> <p><u>SV</u>: Đọc trước nội dung của chương 1 trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp. Hoàn thành các phần bài tập được giao của</p>		<p>[3] bài 8</p> <p>[4] chương 1</p>

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

7

					gia học trực tiếp trên lớp.		
3	<p>Chương 2 (tiếp) 2.3. Các cơ chế tỷ giá 2.4. Cân cân thanh toán</p> <p>Chương 3: Sở nhân chi tiêu và lý thuyết của Keynes 3.1. Tổng chi tiêu dự kiến</p>	4	2	<p>GV: Giải đáp thắc mắc của sinh viên về các phần lý thuyết, bài tập đã đưa ra của chương 2.</p> <p>Tiếp tục thuyết giảng các nội dung chính về lý thuyết trong chương 2: mục 1.4; 1.5</p> <p>1.1_2 1.2_1 2.1_1 2.2_1 2.3_1 3.1_1</p> <p>Thuyết giảng nội dung chính về lý thuyết trong chương 3: mục 3.1.</p> <p>Giao phần bài tập liên quan đến chỉ tiêu dự kiến của hộ gia đình (C), chỉ tiêu dự kiến của doanh nghiệp (I), chỉ tiêu dự kiến của chính phủ (G)</p> <p>SV: Hoàn thành các phần bài tập của chương 2 mà GV</p>	<p>Kiểm tra đánh giá phần tự học của sinh viên qua các câu hỏi từ tài liệu đọc phần bài tập mà GV đưa ra.</p>	<p>[3] bài 10, 11 [4] chương 2</p>	

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

8

					<p>đã đưa ra</p> <p>Đọc trước nội dung của chương 3 trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp</p>		
4	<p>Chương 3 (tiếp)</p> <p>3.2. Mô hình giao điểm Keynes và trạng thái cân bằng</p>	4	2	<p>GV: Giải đáp thắc mắc của sinh viên về các phần lý thuyết, bài tập đã đưa ra của chương 2.</p> <p>Tiếp tục thuyết giảng nội dung chính về lý thuyết trong chương 3: mục 3.2</p> <p>1.1_2 1.2_1 1.4_1 2.1_1 2.2_1 2.3_1 3.1_1</p> <p>Giao bài tập xây dựng hàm tiêu dùng dự kiến (C), hàm tổng chi tiêu dự kiến (AE), xác định các trạng thái của mô hình giao điểm Keynes, các bài tập sử dụng số nhân chi tiêu (m) và số nhân thuế (m_T) để mô tả tác động của các biến chi tiêu và thuế đến tổng sản lượng như thế nào? Các tình huống về việc sử dụng mô hình giao điểm Keynes để phân tích ảnh hưởng của chính sách tài khóa.</p>	<p>Kiểm tra đánh giá phần tự học của sinh viên qua các câu hỏi từ tài liệu đọc phần bài tập mà GV đưa ra.</p>	<p>[3] bài 10, 11</p> <p>[4] chương 3</p>	

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

9

					<p>SV: Hoàn thành các phần bài tập của chương 3 mà GV đã đưa ra.</p>		
5	<p>Chương 4: Tổng cung và tổng cầu 4.1. Đặc điểm của các biến động kinh tế 4.2. Mô hình giải thích các biến động kinh tế 4.3. Tổng cung</p>	4	2	<p>1.1_2 1.2_2 2.1_2 2.2_1 3.1_1</p> <p>GV: Giải đáp thắc mắc của sinh viên về các phần lý thuyết, bài tập đã đưa ra của chương 3. Thuyết giảng nội dung chính về lý thuyết trong chương 4: mục 4.1, 4.2, 4.3. Đưa ra các tình huống thực tế ảnh hưởng đến tổng cung để sinh viên phân tích dựa vào lý thuyết tổng cung đã học.</p> <p>SV: Hoàn thành nội dung chương 3 Đọc trước nội dung của chương 4 trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp. Cùng thảo luận và hoàn thành về các tình huống tình huống thực tế ảnh</p>	<p>Kiểm tra đánh giá phần tự học của sinh viên qua các câu hỏi từ tài liệu đọc phần bài tập mà GV đưa ra.</p>	<p>[2] chương 8 [3] bài 12 [4] chương 4</p>	

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

10

					hướng đến tổng cung dựa vào lý thuyết tổng cung đã học mà GV đã đưa ra trong bài học tuần 5		
6	<p><i>Chương 4: Tổng cung và tổng cầu (tiếp)</i></p> <p>4.4. Tổng cầu</p> <p>4.5. Cân bằng tổng cung và tổng cầu</p>	4	2	<p><u>GV:</u></p> <p>Tiếp tục thuyết giảng nội dung chính về lý thuyết trong chương 4: mục 4.4, 4.5</p> <p>1.1_2 1.2_2 1.3_1 1.4_1 2.1_2 2.2_1 2.3_2 2.4_1 3.1_1</p> <p>Đưa ra các tình huống thực tế ảnh hưởng đến tổng cầu để sinh viên phân tích dựa vào lý thuyết tổng cung đã học.</p> <p>Giao bài tập cho sinh viên Sử dụng mô hình tổng cung- tổng cầu để mô tả các biến động kinh tế xảy ra ở trong ngắn hạn sẽ tác động đến các biến số như thu nhập, sản lượng, việc làm của nền kinh tế như thế nào</p>	<p>Kiểm tra đánh giá phần tự học của sinh viên qua các câu hỏi từ tài liệu đọc phần bài tập mà GV đưa ra.</p>	<p>[2] chương 8</p> <p>[3] bài 12</p> <p>[4] chương 4</p>	

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

				<p>SV: Đọc trước nội dung còn lại của chương 4 trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp.</p> <p>Cùng thảo luận và hoàn thành về các tình huống tình huống thực tế ảnh hưởng đến tổng cầu</p>		
7	<p>Chương 5: Chính sách vĩ mô trong nền kinh tế đóng 5.1. Mô hình IS-LM trong nền kinh tế đóng 5.2 Chính sách tài khóa trong nền kinh tế đóng</p>	4	2	<p>GV: Giải đáp thắc mắc của sinh viên về các phần lý thuyết, tình huống đã đưa ra của chương 4</p> <p>Thuyết giảng nội dung chính về lý thuyết trong chương 5: mục 5.1, 5.2</p> <p>1.1_2 1.2_2 2.1_2 2.2_2 3.1_1</p> <p>SV: Hoàn thành nội dung của chương 4 Đọc trước nội dung của</p>	<p>Kiểm tra đánh giá phần tự học của sinh viên qua các câu hỏi từ tài liệu đọc phần bài tập mà GV đưa ra</p>	<p>[2] chương 9 [3] bài 14 [4] chương 5</p>

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

12

				<p>chương 5 trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp.</p> <p>Cùng thảo luận, hoàn thành về các tình huống GV đã đưa ra trong bài học tuần 7</p> <p>Tham gia làm bài kiểm tra quá trình giữa kỳ.</p>		
8	<p><i>Chương 5: tiếp</i></p> <p>5.3 Chính sách tiền tệ trong nền kinh tế đóng</p> <p>5.4 Kết hợp chính sách trong nền kinh tế đóng</p>	4	2	<p>GV: Giải đáp thắc mắc của sinh viên về các phần lý thuyết, tình huống đã đưa ra của chương 4</p> <p>1.1_2 Tiếp tục thuyết giảng nội dung chính về lý thuyết trong chương 5: mục 5.3, 5.4</p> <p>1.2_2</p> <p>1.3_1</p> <p>1.4_2 Đưa ra các tình huống thực tế về tác động của chính sách tiền tệ đến nền kinh tế thông qua mô hình IS-LM;</p> <p>2.1_2</p> <p>2.2_1 kết hợp chính sách tài khóa-tiền tệ trong mô hình IS-LM</p> <p>2.3_2</p> <p>2.4_1</p> <p>3.1_1</p> <p>SV:</p> <p>Đọc trước nội dung còn lại của chương 5 trước khi tham gia học trực tiếp trên</p>	<p>Kiểm tra đánh giá phần tự học của sinh viên qua các câu hỏi từ tài liệu đọc phần bài tập mà GV đưa ra</p>	<p>[2] chương 9</p> <p>[3] bài 14</p> <p>[4] chương 5</p>

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

13

				lớp. Hoàn thành về các tình huống tình huống thực tế của chương 5 mà GV đã đưa ra trong bài học tuần 7 Cùng thảo luận, hoàn thành về tình huống tình trong bài học tuần 8.		
9	<p>Chương 6: Chính sách vĩ mô trong nền kinh tế mở</p> <p>6.1. Mô hình Mundell – Fleming</p> <p>6.2. Chính sách vĩ mô trong nền kinh tế nhỏ, mở cửa, tỷ giá thả nổi.</p> <p>6.3. Chính sách vĩ mô trong nền kinh tế nhỏ, mở cửa, tỷ giá cố định</p>	4	2	<p>GV; Giải đáp thắc mắc của sinh viên về các phần lý thuyết, tình huống đã đưa ra của chương 5</p> <p>1.1_2 Thuyết giảng nội dung chính về lý thuyết trong chương 6.</p> <p>1.2_2</p> <p>1.3_1 Đưa ra các tình huống thực tế ảnh hưởng đến các biến số kinh tế vĩ mô bằng mô hình Mundell-Fleming; tác động của chính sách tài khóa, tiền tệ đến nền kinh tế thông qua mô hình mô hình Mundell-Fleming.</p> <p>1.4_2</p> <p>2.1_2</p> <p>2.2_1</p> <p>2.3_2</p> <p>2.4_1</p> <p>3.1_1</p> <p>Hệ thống lại các kiến thức đã học và hướng dẫn SV về bài thi cuối kỳ</p>	Kiểm tra đánh giá phần tự học của sinh viên qua các câu hỏi từ tài liệu đọc phần bài tập mà GV đưa ra	<p>[2] chương 9</p> <p>[3] bài 14</p> <p>[4] chương 6</p>

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

14

					Tổng kết và công bố điểm quá trình SV: Hoàn thành các nội dung của chương 5. Đọc trước nội dung còn lại của chương 6 trước khi tham gia học trực tiếp trên lớp.		
--	--	--	--	--	---	--	--

CDR học phần có cấu trúc: STT của CDR học phần_n

Trong đó, n là mức độ theo Bloom:

Kiến thức	1 - Biết/Nhớ	2 - Hiểu	3 - Vận dụng	4 - Phân tích	5 - Tổng hợp	6 - Đánh giá
Thái độ	1 - Tiếp nhận	2 - Hồi đáp	3 - Đánh giá	4 - Tổ chức	5 - Tính cách	
Kỹ năng	1 - Bất chước	2 - Thao tác được	3 - Thao tác chính xác	4 - Thao tác biến hóa	5 - Thao tác thuần thục	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

Học phần triển khai kết hợp nhiều phương pháp dạy học sau:

Phương pháp tự học: Người học tự học thông qua việc đọc tài liệu đọc, xem video bài giảng trên hệ thống Elearning và trả lời các câu hỏi tự luận, trắc nghiệm sau mỗi chương. Điều này giúp người học có kỹ năng tự nghiên cứu, khám phá tri thức và chủ động học hỏi.

Phương pháp Thuyết trình: Giảng viên trình bày kiến thức mới, cập nhật những thông tin không có trong sách, tổng kết những kiến thức mà người học đã tiếp nhận một cách có hệ thống.

Phương pháp Bài tập: Giảng viên giao bài tập cho người học chuẩn bị trước khi đến lớp hoặc sau giờ học. Trong giờ bài tập, giảng viên có thể tổ chức thảo luận, chữa bài tập.

Phương pháp Thảo luận: Giảng viên tổ chức cuộc đối thoại giữa người học với người học hoặc giữa người học với giảng viên nhằm huy động trí tuệ của người học để đưa ra những giải pháp, kiến nghị hoặc những quan niệm mới để giải quyết một vấn đề. Thảo luận có thể giúp người học khai thác được nhiều khía cạnh của một vấn đề, giúp người học phát triển khả năng trao đổi, trình bày suy nghĩ và quan điểm một cách rõ ràng, phát triển năng lực phân tích, tổng hợp.

Các phương pháp dạy - học trên tạo điều kiện cho người học thành thạo các kỹ năng chuyên môn, đạt chuẩn đầu ra của học phần, rèn luyện khả năng học tập suốt đời, đồng thời giúp cho giảng viên tổ chức hoạt động trên lớp hiệu quả hơn.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Học phần sử dụng 03 phương pháp đánh giá kết quả học tập:

- **Chuyên cần và thái độ học tập** (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm);

- **Bài tập** (công cụ đánh giá: đáp án, trong quá trình học);

- **Trắc nghiệm +Tự luận** (công cụ đánh giá: đáp án; đối với 01 bài kiểm tra quá trình, thời gian 50 phút và 01 bài thi cuối kỳ, thời gian 90 phút).

Điểm quá trình = Điểm kiểm tra quá trình * 60% + Điểm chuyên cần, thái độ học tập * 40% +Điểm cộng (nếu có)

Điểm tổng kết = Điểm quá trình * 40% + Điểm thi * 60%.

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp dạy - học					Phương pháp đánh giá		
		Phương pháp tự học	Phương pháp Thuyết trình	Phương pháp Bài tập	Phương pháp Thảo luận	Phương pháp Chuyên cần và thái độ học tập	Bài tập	Trắc nghiệm	Tự luận
	giản trong thực tế.								
2.4.	Phân tích được tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô cơ bản gồm chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ đối với các tình huống kinh tế đơn giản trong thực tế	x	x	x	x	x	x		x
3.	Rèn luyện tính chủ động, trung thực trong học tập, quản lý hiệu quả thời gian, có trách nhiệm với các nhiệm vụ học tập được giao								
3.1.	Hoàn thành một cách nghiêm túc các nhiệm vụ học tập được giao.	x	x	x		x	x	x	x
3.2.	Thể hiện tư duy linh hoạt khi áp dụng các kiến thức kinh tế vĩ mô để giải quyết các tình huống kinh tế đơn giản trong thực tế.	x			x	x		x	x

8. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY

Tài liệu chính:

[1] N.Gregory Mankiw (1999), “*Kinh tế vĩ mô*”, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội

Tài liệu tham khảo:

[2] Nguyễn Văn Công (2008), “*Giáo trình nguyên lý kinh tế vĩ mô*”, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội

[3] Nguyễn Văn Ngọc (2011), “*Bài giảng Nguyên lý kinh tế vĩ mô*”, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân

[4] Tập thể giảng viên Bộ môn Kinh tế học, “*Tập bài giảng Kinh tế vĩ mô*”, Khoa Kinh tế-Quản lý biên soạn (lưu hành nội bộ)

9. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Lĩnh vực chuyên môn
1.	Trần Thị Thùy Linh	Tiến sỹ	Kinh tế học, Kinh tế quốc tế
2.	Nguyễn Phương Mai	Thạc sỹ	Kinh tế học, Kinh tế phát triển
3.	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thạc sỹ	Kinh tế học, Kinh tế quốc tế
4.	Lê Việt Đức	Tiến sỹ	Kinh tế học, Kinh tế phát triển

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

Khoa Kinh tế - Quản lý và Bộ môn Kinh tế học có trách nhiệm phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể giảng viên tham gia giảng dạy thực hiện.

- Giảng viên có nhiệm vụ phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể người học vào tiết học đầu tiên của học phần.

- Giảng viên thực hiện theo đúng nội dung và kế hoạch giảng dạy trong đề cương chi tiết học phần đã được duyệt.

TRƯỞNG KHOA



GS.TS. Nguyễn Khắc Minh

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Trần Thị Thùy Linh

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thị Thanh Thảo

PHỤ LỤC A: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)

Rubrics 1. Tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ học tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tham gia lớp học	Đi học đầy đủ số buổi theo yêu cầu	Vắng học hơn 10% so với quy định (5 tiết/ 50 tiết)	Vắng học từ 10% đến hơn 20% so với quy định (10 tiết/ 50 tiết)	Vắng học từ 25% đến hơn 30% so với quy định (12 tiết/ 50 tiết)	Vắng học quá 30% số giờ theo quy định (15 tiết/ 50 tiết)	50%
Vào lớp học đúng giờ	Luôn đi học đúng giờ	Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút)	Vào lớp muộn 3-4 buổi	Vào lớp muộn 5-6 buổi	Vào lớp muộn >6 buổi	20%
Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo, ...)	Tích cực tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (> 75% N) (N được tính 100% hoạt động)	Thường xuyên tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~75% N hoạt động)	Có tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~50% N hoạt động)	Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~25% N hoạt động)	Không tham gia các hoạt động trên lớp	15%
Thực hiện nhiệm vụ tự học (chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm bài tập về nhà, ...)	Làm trên 75% bài tập cá nhân.	Làm trên 50% đến 75% bài tập cá nhân.	Làm trên 25% đến 50% bài tập cá nhân.	Làm tối đa 25% bài tập cá nhân.	Không làm bài tập cá nhân.	15%

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

PHỤ LỤC B: MA TRẬN ĐỀ THI

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
I.	Phần I: Trắc nghiệm				20 câu 5 điểm 50%
1.	Tiền tệ và thị trường tiền tệ				
1.1	Khái niệm và chức năng của tiền tệ				1 câu 0,25 điểm 2,5 %
1.2	Quá trình tạo tiền của hệ thống ngân hàng thương mại		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
1.3	Các biện pháp kiểm soát cung ứng tiền tệ của ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ		1 câu 0,25 điểm 2,5%		
1.4	Lý thuyết ưa thích thanh khoản và cầu tiền				
1.5	Cân bằng thị trường tiền tệ			1 câu	1 câu

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

21

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
				0,25 điểm 2,5 %	0,25 điểm 2,5 %
2.	Tỷ giá hối đoái và cân cán thanh toán				
2.1	Tỷ giá hối đoái		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
2.2	Thị trường ngoại hối		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
2.3	Các cơ chế tỷ giá	1 câu 0,25 điểm 2,5 %			1 câu 0,25 điểm 2,5
2.4	Cán cân thanh toán				
3.	Sở nhân chi tiêu và lý thuyết của Keynes				
3.1	Tổng chi tiêu dự kiến	1 câu 0,25 điểm 2,5 %	1 câu 0,25 điểm 2,5 %		2 câu 0,5 điểm 5 %

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

22

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
3.2	Mô hình giao điểm Keynes và trạng thái cân bằng		1 câu 0,25 điểm 2,5 %	1 câu 0,25 điểm 2,5 %	2 câu 0,5 điểm 5 %
4.	Tổng cung và tổng cầu				
4.1	Đặc điểm của các biến động kinh tế	1 câu 0,25 điểm 2,5 %			1 câu 0,25 điểm 2,5 %
4.2	Mô hình giải thích các biến động kinh tế				1 câu 0,25 điểm 2,5 %
4.3	Tổng cung		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
4.4	Tổng cầu		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
4.5	Cân bằng tổng cung và tổng cầu			1 câu 0,25 điểm	2 câu 0,5 điểm

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

23

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
				2,5 %	5 %
5.	<i>Chính sách vĩ mô trong nền kinh tế đóng</i>				
5.1	Mô hình IS-LM trong nền kinh tế đóng		2 câu 0,25 điểm 2,5 %		2 câu 0,5 điểm 5 %
5.2	Chính sách tài khóa trong nền kinh tế đóng			1 câu 0,25 điểm 2,5 %	1 câu 0,25 điểm 2,5 %
5.3	Chính sách tiền tệ trong nền kinh tế đóng			1 câu 0,25 điểm 2,5 %	1 câu 0,25 điểm 2,5 %
5.4	Kết hợp chính sách trong nền kinh tế đóng				
6.	<i>Chính sách vĩ mô trong nền kinh tế mở</i>				
6.1	Mô hình Mundell – Fleming				
6.2	Chính sách vĩ mô trong nền kinh tế mở, mở cửa, tỷ giá thả nổi		1 câu 0,25 điểm		1 câu 0,25 điểm

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

24

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
			2,5 %		2,5 %
6.3.	Chính sách vĩ mô trong nền kinh tế nhỏ, mở cửa, tỷ giá cố định		1 câu 0,25 điểm 2,5 %		1 câu 0,25 điểm 2,5 %
II.	Tự luận				
<i>1.</i>	<i>Câu hỏi thảo luận</i>				<i>1 câu 2,5 điểm 25%</i>
1.1	Sử dụng mô hình Thị trường tiền tệ/AE /AD-AS/IS-LM/Mundell-Fleming phân tích các tình huống thực tế			1 câu 1,5 điểm 15%	1 câu 1,5 điểm 15%
1.2	Vẽ đồ thị			1 câu 1 điểm 10%	1 câu 1 điểm 10%
<i>2.</i>	<i>Bài tập tính toán</i>				<i>1 câu 2,5 điểm 25%</i>
2.1	Viết phương trình đường IS-LM		1 câu		1 câu

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

25

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
			1 điểm 10%		1 điểm 10%
2.2	Xác định mức thu nhập và lãi suất cân bằng		1 câu 0,5 điểm 5%		1 câu 0,5 điểm 5%
2.3	Để đạt mức thu nhập Y_1 cho trước thì cần thay đổi chỉ tiêu của chính phủ (G_1) như thế nào?			1 câu 0,5 điểm 5%	1 câu 0,5 điểm 5%
2.4	Để đạt mức thu nhập Y_2 cho trước thì cần thay đổi cung tiền (MS_2) như thế nào?			1 câu 0,5 điểm 5%	1 câu 0,5 điểm 5%
	Tổng số câu Tổng số điểm Tỷ lệ %	4 câu 1,0 điểm 10%	13 câu 4,25 điểm 42,5%	9 câu 4,75 điểm 47,5%	25 câu 10,0 điểm 100%

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

7. Các phương pháp phân tích định lượng trong kinh tế - MA231

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1	Tên học phần	<i>Tiếng Việt:</i> Các phương pháp phân tích định lượng trong kinh tế <i>Tiếng Anh:</i> The methods of quantitative analysis in economics
1.2	Mã học phần	EC310
1.3	Thuộc khối kiến thức	Chuyên ngành
1.4	Tính chất của học phần	Bắt buộc
1.5	Khoa phụ trách	Khoa Kinh tế - Quản lý
1.6	Số tín chỉ	03
1.7	Điều kiện tiên quyết	Xác suất thống kê ứng dụng (MA231)
1.8	Thời lượng giảng dạy trực tiếp	60 giờ (16 giờ lý thuyết + 44 giờ thực hành, bài tập và thảo luận)
1.9	Thời lượng giảng dạy kết hợp E-Learning	
1.10	Ngày ban hành	21/4/2022



2. YÊU CẦU CỦA HỌC PHẦN

Về kiến thức, học phần yêu cầu sinh viên được trang bị trước những kiến thức kiến thức cơ bản về thống kê và ứng dụng của những kiến thức này trong kinh tế xã hội, tiếp cận và sử dụng phần mềm thống kê (đặc biệt là phần mềm thống kê mã nguồn mở R) để mô tả và phân tích dữ liệu, từ đó đưa ra những dự báo cũng như các quyết định về một số vấn đề trong thực tế kinh tế, xã hội.

Về trang bị, lớp học cần được học tại phòng học có máy tính, máy chiếu để giảng viên thuyết giảng. Ngoài ra, máy tính có kết nối mạng internet để giảng viên hướng dẫn sinh viên lấy dữ liệu thống kê thực tế; sinh viên cần in sẵn các tài liệu để phục vụ việc học tập.

Về nội quy, sinh viên nghiêm túc thực hiện Nội quy lớp học và:

- Theo dõi và thực hiện các thông báo hướng dẫn học tập của giảng viên trong MS Team của lớp (nếu có);

- Phải tham gia học ít nhất 70% số giờ quy định;
- Đi học muộn quá 15 phút thì không được vào lớp và được coi là nghỉ buổi học đó;
- Mở tài khoản trên phần mềm chứng khoán ảo, xây dựng danh mục đầu tư và thực hiện đầu tư trên thị trường chứng khoán ảo;
- Bắt buộc phải tham gia nhóm để làm các bài tập trên lớp và làm bài thi cuối kỳ;
- Hoàn thành bài tập giảng viên giao trước khi đến lớp;
- Làm đầy đủ 01 bài kiểm tra của học phần;
- Bắt buộc làm bài thi cuối kỳ.

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Mục tiêu của học phần “Các phương pháp phân tích định lượng trong kinh tế” giúp người học có thể sử dụng các phương pháp phân tích định lượng để lập mô hình, ước lượng, suy luận và dự báo các vấn đề kinh tế trong thực tế. Thêm vào đó, người học có thể đánh giá các kết quả đã được ước lượng trong thực tế. Đồng thời, người học cũng có thể hiểu rõ và ứng dụng phân tích nhân tố khám phá EFA để thực hiện các phân tích định lượng trong kinh tế. Để đạt được mục tiêu này, học phần cung cấp các nội dung về xác suất thống kê, phân tích hồi quy đơn, phân tích hồi quy bội và phân tích nhân tố khám phá với sự hỗ trợ của phần mềm STATA 14.

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra
CO1: <i>Vận dụng</i> kiến thức toán học để phân tích và giải quyết các vấn đề trong kinh tế	1.1. Hiểu và ứng dụng được các kiến thức về xác suất thống kê.
	1.2. Ứng dụng được phân tích hồi quy đơn để thiết lập mô hình, ước lượng, suy luận và dự báo các vấn đề kinh tế trong thực tế.
	1.3. Ứng dụng được phân tích hồi quy đơn để thiết lập mô hình, ước lượng, suy luận và dự báo các vấn đề kinh tế trong thực tế.
	1.4. Ứng dụng được phân tích nhân tố khám phá (EFA) để phân tích các vấn đề kinh tế trong thực tế.
CO2: <i>Thể hiện</i> kỹ năng, phẩm chất cá nhân	2.1. Phát triển kỹ năng thu thập, xử lý thông tin để xây dựng mô hình và phân tích các vấn đề kinh tế
	2.2. Vận dụng các chiến lược học tập phù hợp để tích lũy kiến thức như tìm hiểu tài liệu, phân tích tài liệu, quản lý thời gian...
CO3: <i>Thể hiện</i> kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng số và giao tiếp	3.1. Ứng dụng thành thạo Excel trong thu thập dữ liệu để xây dựng mô hình phục vụ cho phân tích hồi quy, phân tích nhân tố khám phá
	3.2. Ứng dụng thành thạo phần mềm STATA 14 để phân tích hồi quy và phân tích nhân tố khám phá

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra
	3.3. Hoạt động hiệu quả với tư cách là thành viên hoặc trưởng nhóm khi tham gia vào các hoạt động nhóm.
	3.4. Trình bày các vấn đề liên quan đến phân tích định lượng thuyết phục.

Chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT								
		1.	1.	2.	2.	3.	3.	3.	3.	3.
		1	1	2	3	1	2	1	1	2
1.	Vận dụng kiến thức toán học để phân tích và giải quyết các vấn đề trong kinh tế									
1.1.	Hiểu và ứng dụng được các kiến thức về xác suất thống kê.	2								
1.2.	Ứng dụng được phân tích hồi quy đơn để thiết lập mô hình, ước lượng, suy luận và dự báo các vấn đề kinh tế trong thực tế.	3	3							
1.3.	Ứng dụng được phân tích hồi quy đơn để thiết lập mô hình, ước lượng, suy luận và dự báo các vấn đề kinh tế trong thực tế.	3	3							
1.4	Ứng dụng được phân tích nhân tố khám phá (EFA) để phân tích các vấn đề kinh tế trong thực tế .	3	3							
2.	Thể hiện kỹ năng, phẩm chất cá nhân.									
2.1.	Phát triển kỹ năng thu thập, xử lý thông tin để xây dựng mô hình và phân tích các vấn đề kinh tế			3						
2.2.	Vận dụng các chiến lược học tập phù hợp để tích lũy kiến thức như tìm hiểu tài liệu, phân tích tài liệu, quản lý thời gian...				3					
3.	Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng số và giao tiếp									
3.1.	Ứng dụng thành thạo Excel trong thu thập dữ liệu để xây dựng mô hình phục vụ cho phân tích hồi quy, phân tích nhân tố khám phá								3	3
3.2.	Ứng dụng thành thạo phần mềm STATA 14 để phân tích hồi quy và phân tích nhân tố khám phá								3	
3.3.	Hoạt động hiệu quả với tư cách là thành viên hoặc trưởng nhóm khi tham gia vào các hoạt động nhóm.					3	3			

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

4

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra CTDĐT								
		1.	1.	2.	2.	3.	3.	3.	3.	3.
		2.	3.	2.	2.	1.	1.	2.	3.	3.
3.4	Trình bày các vấn đề liên quan đến phân tích định lượng thuyết phục.	1	1	2	3	1	2	1	1	2

K: Kiến thức 1 - Biết/Nhớ 2 - Hiểu 3 - Vận dụng 4 - Phân tích 5 - Tổng hợp 6 - Đánh giá
 A: Thái độ 1 - Tiếp nhận 2 - Hỏi đáp 3 - Đánh giá 4 - Tổ chức 5 - Tính cách
 S: Kỹ năng 1 - Bắt chước 2 - Thao tác được 3 - Thao tác chính xác 4 - Thao tác biến hóa 5 - Thao tác thuần thục

4. KẾ HOẠCH DẠY - HỌC

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
1	<p>Chương 1: Tổng quan về xác suất và thống kê</p> <p>1.1. Cơ sở xác suất đối với suy luận thống kê</p> <p>1.2. Các ước lượng</p> <p>1.3. Kiểm định giả thuyết</p> <p>1.4. Các phương pháp chọn mẫu</p> <p>1.5. Sơ lược về lý thuyết bảng hỏi</p>	2	5	1.1_2 2.1_2 2.2_2 3.2_2	<p>GV:</p> <p>(1) Giới thiệu học phần (để cương chi tiết, tài liệu học tập, đánh giá người học, lịch kiểm tra, hình thức thi cuối kỳ).</p> <p>(2) Phổ biến nội quy lớp học.</p> <p>(3) Giới thiệu về phần mềm Stata 14.</p> <p>(4) Thuyết trình các nội dung lý thuyết.</p> <p>(5) Đưa ra các câu hỏi liên quan về cơ sở xác suất, ước lượng, kiểm định giả thuyết, phương pháp chọn mẫu và bảng hỏi</p> <p>(6) Thực hành các lệnh trên stata 14</p> <p>(7) Giao nhiệm vụ cho SV.</p> <p>SV:</p> <p>(1) Thành lập nhóm.</p> <p>(2) Tự học (nghiên cứu tài liệu).</p> <p>(3) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm.</p> <p>(4) Trả lời các câu hỏi liên quan về cơ sở xác suất, ước lượng, kiểm định giả thuyết, phương pháp chọn mẫu và bảng hỏi.</p> <p>(5) Thực hành trên stata 14.</p>	<p>(1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.</p> <p>(2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua elearning hoặc Quizzes.</p> <p>(3) Thực hành các lệnh trên stata 14.</p>	<p>[1] -Chương 1 [2] [3] [4] [5]</p>
2	<p>Chương 2: Phân tích hồi quy đơn</p> <p>2.1. Các bước thực hiện phân tích hồi quy</p>	2	5	1.2_3 2.1_3 2.2_3 3.1_3	<p>GV:</p> <p>(1) Thuyết trình các nội dung lý thuyết về các bước thực hiện phân tích hồi quy, mô hình hồi quy, phương pháp bình phương bé nhất</p> <p>(2) Đưa ra các câu hỏi liên quan về mô hình hồi quy, phương pháp bình phương bé nhất</p>	<p>(1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.</p> <p>(2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua elearning hoặc Quizzes.</p>	<p>[1] -Chương 1 [2] [3] [4] [5]</p>

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	2.2. Mô hình hồi quy 2.3. Phương pháp bình phương bé nhất (OLS)			3.2_3	(3) Đưa ra tình huống trong thực tế để ứng dụng các bước phân tích hồi quy và xây dựng mô hình hồi quy. (4) Thực hành các lệnh trên Stata 14 (5) Hướng dẫn sinh viên thu thập dữ liệu kinh tế thực tế và xử lý dữ liệu trên excel (6) Giao nhiệm vụ cho SV. SV: (1) Tự học (nghiên cứu tài liệu) (2) Trả lời các câu hỏi liên quan mô hình hồi quy, phương pháp bình phương bé nhất. (3) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm. (4) Thực hành trên stata 14.	(3) Thực hành các lệnh trên stata 14.	
3	Chương 2: Phân tích hồi quy đơn 2.4. Kiểm định giả thuyết	2	5	1.2_3 2.1_3 2.2_3 3.1_3 3.2_3	GV (1) Thuyết trình các nội dung lý thuyết về kiểm định giả thuyết thống kê. (2) Đưa ra các câu hỏi liên quan về giả thuyết thống kê. (3) Đưa ra tình huống để xây dựng và kiểm định các giả thuyết thống kê trong thực tế. (4) Thực hành các lệnh trên stata 14 (5) Giao nhiệm vụ cho SV. SV: (1) Tự học (nghiên cứu tài liệu) (2) Trả lời các câu hỏi liên quan về giả thuyết thống kê. (3) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm. (4) Thực hành trên stata 14.	(1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên. (2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua elearning hoặc Quizzes. (3) Thực hành các lệnh trên stata 14.	[1]-Chương 1 [2][3] [4] [5]
4	Chương 3: Phân tích hồi quy đa biến (hồi quy bội)	2	5	1.3_3	GV: (1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.	(1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.	[1]-Chương 1 [2][3] [4] [5]

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
3.1. 3.2.	3.1. Mô hình lý thuyết 3.2. Dạng hàm và giải thích ý nghĩa hệ số hồi quy			2.1_3 2.2_3 3.1_3 3.2_3	(1) Thuyết trình các nội dung lý thuyết mô hình hồi quy đa biến, các dạng hàm, ý nghĩa của các hệ số ước lượng. (2) Đưa ra các câu hỏi liên quan như về mô hình hồi quy tổng thể, mô hình hồi quy mẫu, phương trình hồi quy tổng thể, phương trình hồi quy mẫu, ý nghĩa của các hệ số R^2 , R^2 điều chỉnh, ý nghĩa của các hệ số hồi quy (3) Đưa ra tình huống phân tích hồi quy một vấn đề kinh tế trong thực tế. (4) Hướng dẫn sinh viên lấy dữ liệu kinh tế thực tế và xử lý dữ liệu trên excel (5) Thực hành stata 14. (6) Giao nhiệm vụ cho SV. SV: (1) Tự học (nghiên cứu tài liệu). (2) Trả lời các câu hỏi liên quan về mô hình hồi quy tổng thể, mô hình hồi quy mẫu, phương trình hồi quy tổng thể, phương trình hồi quy mẫu, ý nghĩa của các hệ số R^2 , R^2 điều chỉnh, ý nghĩa của các hệ số hồi quy. (3) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm. (4) Thực hành trên stata 14.	(2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua elearning hoặc Quizzes. (3) Thực hành trên stata 14	
5	Trình bày bài tập nhóm Sinh viên thuyết trình bài tập nhóm và nộp báo cáo		7	3.3_3 3.4_3	GV (1) Nghe sinh viên thuyết trình (2) Đặt câu hỏi và nhận xét SV (1) Thuyết trình (2) Trả lời các câu hỏi theo nhóm	Đánh giá thuyết trình thông qua các rubric.	

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
6	<p>Chương 3: Phân tích hồi quy đa biến (hồi quy bội)</p> <p>3.3. Tự tương quan, phương sai sai số thay đổi và đa cộng tuyến</p>	2	5	1.3_3 2.1_3 2.2_3 3.1_3 3.2_3	<p>GV:</p> <p>(1) Thuyết trình các nội dung lý thuyết tự tương quan, phương sai sai số thay đổi và đa cộng tuyến.</p> <p>(2) Đưa ra các câu hỏi liên quan đến hậu quả khi xuất hiện hiện tượng tự tương quan, phương sai sai số thay đổi và đa cộng tuyến và cách khắc phục các khuyết tật.</p> <p>(3) Đưa ra tình huống kinh tế thực tế có các hiện tượng tự tương quan, phương sai sai số thay đổi và đa cộng tuyến.</p> <p>(4) Thực hành trên stata14.</p> <p>(5) Giao nhiệm vụ cho SV.</p> <p>SV:</p> <p>(1) Tự học (nghiên cứu tài liệu).</p> <p>(2) Trả lời các câu hỏi liên quan đến hậu quả khi xuất hiện hiện tượng tự tương quan, phương sai sai số thay đổi và đa cộng tuyến và cách khắc phục các khuyết tật.</p> <p>(3) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm.</p> <p>(4) Thực hành trên stata 14</p>	<p>(1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.</p> <p>(2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua elearning hoặc Quizzes.</p> <p>(3) Thực hành trên stata 14</p>	[1]-Chương 1 [2][3][4][5]
7	<p>Chương 4: Phân tích nhân tố</p> <p>4.1. Cơ mẫu khi áp dụng phân tích nhân tố EFA</p> <p>4.2. Phân tích nhân tố EFA</p> <p>4.2.1 Kiểm định về độ tin cậy của dữ liệu</p>	2	5	1.4_3 2.1_3 2.2_3 3.1_3 3.2_3	<p>GV:</p> <p>(1) Thuyết trình các nội dung lý thuyết về phân tích nhân tố khám phá, cách xác định cỡ mẫu và kiểm định độ tin cậy.</p> <p>(2) Đưa ra các câu hỏi liên quan đến xác định cỡ mẫu trong từng trường hợp, quy trình phân tích nhân tố khám phá.</p> <p>(3) Đưa ra tình huống về phân tích nhân tố khám phá trong các tình huống kinh tế.</p> <p>(4) Hướng dẫn sinh viên thu thập dữ liệu từ bảng hỏi, nhập dữ liệu và xử lý dữ liệu trên excel</p> <p>(5) Thực hành stata 14.</p>	<p>(1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.</p> <p>(2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua elearning hoặc Quizzes.</p> <p>(3) Thực hành trên stata 14.</p>	[1]-Chương 1 [2][3][4][5]

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
					(6) Giao nhiệm vụ cho SV. SV: (1) Tự học (nghiên cứu tài liệu) (2) Trả lời các câu hỏi liên quan đến xác định cỡ mẫu trong từng trường hợp, quy trình phân tích nhân tố khám phá. (3) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm. (4) Thực hành trên stata 14.		
8	Chương 4: Phân tích nhân tố Kiểm tra quá trình 4.2. Phân tích nhân tố EFA 4.2.2 Tiêu chuẩn chọn số nhân tố 4.2.3 Phương pháp chiếu/xoay các nhân tố 4.2.4 Giá trị các nhân tố 4.2.4 Phân tích hồi quy với các biến nhân tố	2	5 1.4_3 2.1_3 2.2_3 3.1_3 3.2_3		GV: (1) Giao để kiểm tra quá trình 90 phút gồm bài thi trên máy và bài thi trên giấy. (2) Thuyết trình các nội dung lý thuyết về tiêu chuẩn chọn số nhân tố, phương pháp xoay/chiều các nhân tố. (3) Đưa ra các câu hỏi liên quan đến tiêu chuẩn chọn số nhân tố, ưu và nhược điểm của các phương pháp chiếu xoay nhân tố. (4) Thực hành trên stata 14. (5) Giao nhiệm vụ cho SV. SV: (1) Tự học (nghiên cứu tài liệu). (2) Trả lời các câu hỏi liên quan đến tiêu chuẩn chọn số nhân tố, ưu và nhược điểm của các phương pháp chiếu xoay nhân tố. (3) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm. (4) Thực hành trên stata 14.	(1) Kiểm tra tự luận và thực hành. (2) Trả lời các câu hỏi của giảng viên. (3) Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua elearning hoặc Quizzes. (4) Thực hành trên stata 14	[1] -Chương 1 [2] [3] [4] [5]
9	Chương 4: Phân tích nhân tố 4.2. Phân tích nhân tố EFA	2	4 1.4_3 2.1_3		GV: (1) Thuyết trình các nội dung lý thuyết về giá trị các nhân tố, phân tích hồi quy với các biến nhân tố.	(1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên. (2) Thực hành trên stata.	

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	<p>4.2.4 Giá trị các nhân tố</p> <p>4.2.4 Phân tích hồi quy với các biến nhân tố</p> <p>Thuyết trình nhóm về phân tích nhân tố và nộp báo cáo</p>			<p>2.2_3</p> <p>3.1_3</p> <p>3.2_3</p> <p>3.3_3</p> <p>3.4_3</p>	<p>(2) Đưa ra các câu hỏi liên quan đến giá trị các nhân tố, ý nghĩa của phân tích hồi quy.</p> <p>(3) Thực hành trên stata 14</p> <p>(4) Nghe sinh viên thuyết trình nhóm và nhận xét.</p> <p>(5) Giao nhiệm vụ cho SV.</p> <p>SV:</p> <p>(1) Tự học (nghiên cứu tài liệu).</p> <p>(2) Trả lời các câu hỏi liên quan đến giá trị các nhân tố, ý nghĩa của phân tích hồi quy.</p> <p>(3) Thực hành trên stata.</p> <p>(4) Thuyết trình nhóm</p>	<p>(3) Thuyết trình nhóm</p>	

CDR học phần có cấu trúc: STT của CDR học phần_n

Trong đó, n là mức độ theo Bloom:

Kiến thức	1 - Biếu/Nhớ	2 - Hiểu	3 - Vận dụng	4 - Phân tích	5 - Tổng hợp	6 - Đánh giá
Thái độ	1 - Tiếp nhận	2 - Hồi đáp	3 - Đánh giá	4 - Tổ chức	5 - Tinh cách	
Kỹ năng	1 - Bất chước	2 - Thao tác được	3 - Thao tác chính xác	4 - Thao tác biến hóa	5 - Thao tác thuần thục	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

Học phần sử dụng kết hợp 7 phương pháp dạy học sau.

Phương pháp 1 (Phương pháp Thuyết trình): GV thuyết trình các nội dung lý thuyết trong môn Các phương pháp phân tích định lượng trong kinh tế giúp sinh viên nắm bắt và hiểu rõ các vấn đề lý thuyết chuyên sâu dễ dàng hơn

Phương pháp 2 (Phương pháp Vấn đáp): Kết hợp với phương pháp thuyết trình GV sử dụng các hệ thống câu hỏi liên quan đến hồi quy lĩnh vực trong kinh tế, giúp SV tự rút ra được những kết luận, những vấn đề liên quan trực tiếp đến lý thuyết và ứng dụng lý thuyết định lượng trong kinh tế.

Phương pháp 3 (Phương pháp Tự học): GV giao trước các nội dung cần đọc và tìm hiểu trước khi SV đến lớp, tổng hợp các nội dung kiến thức lý thuyết chuyên sâu và các kiến thức thực tế về kinh tế. Tự học giúp SV rèn luyện kỹ năng tìm kiếm thông tin, tra cứu tài liệu liên quan đến các lĩnh vực trong kinh tế như các thông tin tài chính của doanh nghiệp, các thông tin giao dịch, thông tin về kinh tế, thị trường ...; rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp và tổng quát hóa các kiến thức liên quan đến các tình huống trong kinh tế trên cơ sở đó có thể phân tích và ra các quyết định đầu tư; rèn luyện đức tính kiên trì, tư duy phê phán và ý chí phấn đấu; bồi dưỡng hứng thú học tập, say mê nghiên cứu khoa học và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Phương pháp 4 (Phương pháp Thảo luận) GV đưa ra các vấn đề thực tế liên quan đến Các phương pháp phân tích định lượng trong kinh tế và tổ chức cuộc đối thoại giữa người học với người học hoặc giữa người học với giảng viên. Thảo luận có thể giúp người học khai thác được nhiều khía cạnh của một vấn đề, giúp người học phát triển khả năng trao đổi, trình bày suy nghĩ và quan điểm một cách rõ ràng, phát triển năng lực phân tích, tổng hợp.

Phương pháp 5 (Phương pháp Làm việc nhóm): GV tổ chức người học thành các nhóm nhỏ (5-7 người); mỗi thành viên trong nhóm vừa có trách nhiệm tự học tập vừa có trách nhiệm chia sẻ, giúp đỡ các thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giảng viên đã giao.

Phương pháp 6 (Phương pháp Tình huống): GV cung cấp cho người học tình huống dạy học như phân tích hồi quy các tình huống kinh tế như mối quan hệ giữa tăng trưởng GDP và lạm phát, trình độ học vấn và thu nhập ... , người học tìm hiểu, phân tích và hành động trong tình huống đã cho. Phương pháp này giúp NH tăng tính thực tiễn ứng dụng về Các phương pháp phân tích định lượng trong kinh tế, giảm thiểu rủi ro cho người học trong thực tiễn nghề nghiệp liên quan đến các hoạt động kinh tế; nâng cao tính chủ động, sáng tạo, hứng thú học tập của người học. Ngoài ra, dạy học bằng phương pháp nghiên cứu tình huống cũng tạo cơ hội cho người học phát triển toàn diện các kỹ năng như: kỹ năng phân tích để xác định và giải quyết vấn đề, kỹ năng xây dựng và viết tình huống, kỹ năng thu thập

và xử lý thông tin, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, kỹ năng trình bày vấn đề/quan điểm trước tập thể, kỹ năng tranh luận và bảo vệ ý kiến.

Phương pháp 7 (Phương pháp Thực hành): GV thực hành, làm mẫu trên phần mềm STATA và SV sẽ thực hành cùng GV. Địa điểm thực hành là Phòng máy.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Học phần sử dụng 06 phương pháp đánh giá kết quả học tập:

- Chuyên cần (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm);
- Trắc nghiệm (công cụ: E-Learning hoặc Quizzes, đáp án, trong quá trình học);
- Thực hành trên máy (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm);
- Báo cáo tiểu luận nhóm (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm);
- Tự luận kết hợp thực hành: kiểm tra quá trình và thi kết thúc học phần (công cụ đánh giá: đáp án; thời gian: 90 phút).

Điểm quá trình = Điểm kiểm tra đánh giá*50% + Điểm chuyên cần*20%
+ 30%*Đánh giá nhóm

Trong đó, Điểm kiểm tra đánh giá gồm 40% bài tập trên giấy và 60% bài tập thực hành trên excel.

Điểm tổng kết = Điểm quá trình * 30% + Điểm thi * 70%.

Thi kết thúc học phần là bài thi trên máy kết hợp với bài thi trên giấy, thời gian 90 phút.

7. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP PHÙ HỢP VỚI CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp dạy - học						Phương pháp đánh giá					
		Phương pháp Thuyết trình	Phương pháp Vấn đáp	Phương pháp Tự học	Phương pháp Thảo luận	Phương pháp làm việc nhóm	Phương pháp Tình huống	Phương pháp Thực hành	Chiến vấn case	Tác nghiên cứu	Tự luận	Thực hành	Báo cáo tiểu luận nhóm
1.	Vận dụng kiến thức toán học để phân tích và giải quyết các vấn đề trong kinh tế												
1.1.	Hiểu và ứng dụng được các kiến thức về xác suất thống kê.	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
1.2.	Ứng dụng được phân tích hồi quy đơn để thiết lập mô hình, ước lượng, suy luận và dự báo các vấn đề kinh tế trong thực tế.	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
1.3.	Ứng dụng được phân tích hồi quy đơn để thiết lập mô hình, ước lượng, suy luận và dự báo các vấn đề kinh tế trong thực tế.	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
1.4.	Ứng dụng được phân tích nhân tố khám phá (EFA) để phân tích các vấn đề kinh tế trong thực tế.	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
2.	Thể hiện kỹ năng, phẩm chất cá nhân.												
2.1.	2.1. Phát triển kỹ năng thu thập, xử lý thông tin để xây dựng mô hình và phân tích các vấn đề kinh tế					x	x	x		x	x	x	x
2.2.	2.2. Vận dụng các chiến lược học tập phù hợp để tích lũy kiến thức như tìm hiểu tài liệu, phân tích tài liệu, quản lý thời gian...		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
3.	Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng số và giao tiếp												
3.1.	Ứng dụng thành thạo Excel trong thu thập dữ liệu để xây dựng mô hình phục vụ cho phân tích hồi quy, phân tích nhân tố khám phá					x	x	x		x	x	x	
3.2.	Ứng dụng thành thạo phần mềm STATA 14 để phân tích hồi quy và phân tích nhân tố khám phá					x	x	x		x	x	x	

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp dạy - học						Phương pháp đánh giá					
		Phương pháp Thuyết trình	Phương pháp Vấn đáp	Phương pháp Tự học	Phương pháp Thảo luận	Phương pháp làm việc nhóm	Phương pháp Tình huống	Phương pháp Thực hành	Chuyên cần	Tác nghiệm	Tự luận	Thực hành	Báo cáo tiểu luận nhóm
3.2.	Ứng dụng thành thạo phần mềm STATA 14 để phân tích hồi quy và phân tích nhân tố khám phá					X		X	X		X	X	X
3.3.	Hoạt động hiệu quả với tư cách là thành viên hoặc trưởng nhóm khi tham gia vào các hoạt động nhóm.					X							X
3.4	Trình bày các vấn đề liên quan đến phân tích định lượng thuyết phục.				X	X							X

8. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY

Tài liệu chính:

[1] Chu Thị Thu Thủy, Nguyễn Thị Tuyết, Nguyễn Thị Thu Trang và Nguyễn Thị Hà Thu (2019), tập bài giảng môn Đầu tư tài chính

Tài liệu tham khảo:

[2] R.Carter Hill, William E. Griffiths, Guay C. Lim [2011], Principle of econometrics, John Wiley & Sons, Inc.

[3] Lee C. Adkins & R.Carter Hill [2011], Using Stata For Principles of Econometrics, John Wiley & Sons, Inc.

[4] <https://finance.vietstock.vn>

[5] <https://www.cophieu68.vn>

9. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Lĩnh vực chuyên môn
1.	Chu Thị Thu Thủy	TS	Tài chính - Ngân hàng; Kế toán - Kiểm toán
2.	Nguyễn Thị Thu Trang	ThS	Tài chính - Ngân hàng
3.	Nguyễn Thị Tuyết	ThS	Tài chính - Ngân hàng, Kinh tế
4.	Nguyễn Thị Hà Thu	ThS	Tài chính - Ngân hàng

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

Khoa Kinh tế - Quản lý có trách nhiệm phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể giảng viên tham gia giảng dạy thực hiện.

Giảng viên có nhiệm vụ:

- Phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể người học vào tiết học đầu tiên của học phần;
- Thực hiện theo đúng nội dung và kế hoạch giảng dạy trong đề cương chi tiết đã được duyệt;
- Thiết lập MS team của lớp giảng dạy nhằm cung cấp tài liệu, giải đáp thắc mắc của sinh viên;
- Lập kế hoạch tổ chức hoạt động trên lớp trước buổi học; chủ động tổ chức, điều phối các hoạt động để sinh viên tự học và hỗ trợ nhau trong quá trình học;
- Luôn tạo mọi cơ hội để SV cải thiện trình độ, cải thiện điểm.

TRƯỞNG KHOA



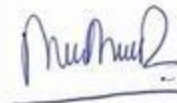
GS.TS. Nguyễn Khắc Minh

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Trần Thị Thùy Linh

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Chu Thị Thu Thủy

PHỤ LỤC A: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)

Phụ lục 1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
		10-8,5	8,4-7	6,9-5	4,9-0	
Mức độ tham dự theo TKB	50%	Tham dự >90% số buổi	Tham dự >80% đến 90% số buổi	Tham dự >=70% đến 80% số buổi	Tham dự <70% số buổi	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu trả lời nhiều câu hỏi, bài tập	Có đặt, trả lời > 2 câu hỏi, bài tập	Có đặt trả lời ít nhất 1 câu hỏi, bài tập	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

Phụ lục 2. Rubric đánh giá nhóm

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Điểm
		10-8,5	8,4-7	6,9-5	4,9-0	
Hình thức báo cáo	10%	Đẹp, rõ, không lỗi chính tả	-----	-----	Đơn điệu, nhiều lỗi chính tả	
Kỹ năng trình bày	10%	Nói rõ, tự tin, thuyết phục giao lưu người nghe	-----	-----	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe	
Nội dung báo cáo	40%	Đáp ứng 80%- 100% yêu cầu	Đáp ứng 70%- <80% yêu cầu	Đáp ứng 50%- <70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	
Trả lời câu hỏi	20%	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi	Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi	Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi	
Tham gia thực hiện	20%	>80- 100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	60% đến <80% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	>40% đến < 60% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	< 40% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	

Phụ lục 3. Rubric đánh giá bài kiểm tra quá trình thực hành trên máy tính

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
		10-8,5	8,4-7	6,9-5	4,9-0	
Yêu cầu 1: Nhập dữ liệu phân tích hồi quy đơn, ước lượng mô hình hồi quy đơn	25%	Làm thành thạo các thao tác, sản phẩm đáp ứng tất cả yêu cầu, đúng thời gian	Làm đúng các thao tác, sản phẩm đáp ứng hầu hết yêu cầu, đúng thời gian.	Làm đạt yêu cầu cơ bản của các thao tác, sản phẩm cơ bản đáp ứng yêu cầu, chưa đảm bảo yêu cầu thời gian	Làm chưa đạt yêu cầu cơ bản của các thao tác, sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu, chưa đảm bảo thời gian	
Yêu cầu 2: Kiểm định các giả thuyết thống kê của mô hình hồi quy đơn	25%					
Yêu cầu 3: Nhập dữ liệu và phân tích hồi quy bội	25%					
Yêu cầu 4: Kiểm định các giả thuyết thống kê của mô hình hồi quy bội	25%					

PHỤ LỤC B: MA TRẬN ĐỀ THI

Hình thức thi: Bài thi trên giấy và thực hành trên máy tính. Nộp bài thi trên hệ thống. Giảng viên chấm điểm cả bài thi trên giấy và trên máy.

Thời gian: 90 phút (gồm cả thời gian nộp bài)

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Vận dụng mức cao	Tổng
1.	Chương 1- Tổng về xác suất thống kê		2 câu 1,0 điểm 10%			2 câu 1,0 điểm 10%
1.1.	Cơ sở xác suất thống kê, ước lượng kiểm định giả thuyết, xây dựng bảng hỏi		2 câu 0,5 điểm 5%			1 câu 0,5 điểm 5%
2.	Chương 2- Phân tích hồi quy đơn		1 câu 0,5 điểm 5%	4 câu 2,0 điểm 20%		5 câu 2,5 điểm 25%
2.1.	Ước lượng mô hình hồi quy			1 câu 0,5 điểm 5%		1 câu 0,5 điểm 5%
2.2.	Giải thích ý nghĩa của các hệ số ước lượng		1 câu 0,5 điểm 5%	1 câu 0,5 điểm 5%		1 câu 0,5 điểm 5%
2.3.	Kiểm định giả thuyết thống kê, dự báo, ước lượng khoảng			2 câu 1 điểm 10%		2 câu 1 điểm 10%
3	Chương 3 – Phân tích hồi quy bội		1 câu 0,5 điểm 5%	3 câu 1,5 điểm 15%	2 câu 2 điểm 20%	6 câu 4 điểm 40%
3.1	Ước lượng mô hình hồi quy bội			1 câu 0,5 điểm 5%		1 câu 0,5 điểm 5%
3.2	Giải thích ý nghĩa của các hệ số ước lượng		1 câu 0,5 điểm 5%	1 câu 0,5 điểm 5%		2 câu 1 điểm 10%
3.3	Kiểm định giả thuyết thống kê, dự báo ước lượng			1 câu 0,5 điểm 5%		1 câu 1 điểm 10%
3.4	Kiểm định khuyết tật của mô hình và khắc phục khuyết tật mô hình			1 câu 0,5 điểm 5%	1 câu 1,0 điểm 10%	2 câu 1,5 điểm 15%
3.5	Lựa chọn mô hình phù hợp				1 câu 1 điểm 10%	1 câu 1 điểm 10%

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

19

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Vận dụng mức cao	Tổng
4	Phân tích nhân tố khám phá		1 câu 0,5 điểm 5%	2 câu 2 điểm 20%		3 câu 2,5 điểm 25%
4.1	Lựa chọn nhân tố		1 câu 0,5 điểm 5%	1 câu 1,0 điểm 10%		2 câu 1,5 điểm 15%
4.2	Phân tích hồi quy			1 câu 1,0 điểm 10%		1 câu 1,0 điểm 10%
	Tổng số câu Tổng số điểm Tỷ lệ %	0 0 0 %	5 câu 2,5 điểm 25 %	9 câu 5,5 điểm 55%	2 câu 5 điểm 20 %	16 câu 10 điểm 100%



Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

8. Tài chính tiền tệ cơ bản – FN201

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1	Tên học phần	<i>Tiếng Việt:</i> Tài chính tiền tệ căn bản <i>Tiếng Anh:</i> Monetary and financial Basic
1.2	Mã học phần	FN201
1.3	Thuộc khối kiến thức	Chuyên ngành
1.4	Tính chất của học phần	Bắt buộc
1.5	Khoa phụ trách	Khoa Kinh tế - Quản lý
1.6	Số tín chỉ	03
1.7	Điều kiện tiên quyết	Quản trị học đại cương (BA102)
1.8	Thời lượng giảng dạy trực tiếp	45 giờ (30 giờ lý thuyết + 15 giờ thực hành, bài tập và thảo luận)
1.9	Thời lượng giảng dạy kết hợp E-Learning	
1.10	Ngày ban hành	21/4/2022

2. YÊU CẦU CỦA HỌC PHẦN

Về kiến thức, học phần yêu cầu sinh viên được trang bị trước những kiến thức chung về thị trường tài chính, tài chính công, tài chính quốc tế, cung cầu tiền tệ và chính sách tiền tệ và kiến thức về các nội dung quan trọng như: hoạt động thu, chi ngân sách nhà nước, cơ chế tác động của chính sách tài khoá đến nền kinh tế; các nội dung cơ bản của thị trường tài chính như: các chủ thể tham gia thị trường, hàng hoá giao dịch trên thị trường, cơ chế giao dịch của các công cụ tài chính và hoạt động giám sát của nhà nước đối với thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán, thị trường ngoại hối và thị trường phái sinh.

Về trang thiết bị, lớp học cần được thực hiện tại các phòng học của Trường Đại học Thăng Long có máy tính, máy chiếu để giảng viên thuyết giảng và hướng dẫn sinh viên học tập, được trang bị máy tính có kết nối mạng internet; sinh viên cần in sẵn các tài liệu để phục vụ việc học tập.

Về nội quy, sinh viên nghiêm túc thực hiện Nội quy lớp học và:

- Theo dõi và thực hiện các thông báo hướng dẫn học tập của giảng viên trong MS Team của lớp (nếu có);

- Phải tham gia học ít nhất 70% số giờ quy định;
- Đi học muộn quá 15 phút thì không được vào lớp và được coi là nghỉ buổi học đó;
- Bắt buộc phải tham gia nhóm để làm các bài tập trên lớp và làm bài thi cuối kỳ;
- Hoàn thành bài tập giảng viên giao trước khi đến lớp;
- Làm đầy đủ 01 bài kiểm tra của học phần;
- Bắt buộc làm bài thi cuối kỳ.

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần “Tài chính tiền tệ căn bản” là một trong những học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở khối ngành. Học phần giúp người học có thể hiểu, phân tích những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính - tiền tệ như: tổng quan về tài chính – tiền tệ, hệ thống tài chính; những vấn đề cơ bản về tín dụng, ngân hàng và thị trường tài chính; Các lý luận về lãi suất và chính sách tiền tệ... Đây là những kiến thức cần thiết và quan trọng làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu các vấn đề về kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng.

3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra
CO1: <i>Vận dụng</i> lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính tiền tệ trong các hoạt động thực tế.	1.1. Hiểu và phân tích được các lý thuyết trong lĩnh vực tài chính tiền tệ . 1.2. Vận dụng kiến thức về tài chính, tiền tệ để phân tích các biến động kinh tế thuộc lĩnh vực tài chính – tiền tệ. 1.3. Ứng dụng các lý thuyết để phân tích đánh giá và phán đoán chiều hướng biến động của các biến số kinh tế vĩ mô quan trọng như lãi suất, GDP, lạm phát.
CO2: <i>Thể hiện</i> kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp.	2.1. Phát triển kỹ năng thu thập, xử lý thông tin và dữ liệu kinh tế liên quan đến lĩnh vực tài chính tiền tệ. Sử dụng khung lý thuyết đã học để phân tích chiều hướng biến động của các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô, xác định cơ chế tác động của chính sách tiền tệ đến các ngành nghề kinh doanh thuộc lĩnh vực tài chính tiền tệ. 2.2. Vận dụng các chiến lược học tập phù hợp để tích lũy kiến thức và định hướng phát triển nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực tài chính tiền tệ như tìm hiểu tài liệu, phân tích tài liệu, quản lý thời gian...
CO3: <i>Thể hiện</i> kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng số và giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến tài chính tiền tệ.	3.1. Ứng dụng thành thạo các phần mềm office như word, excel để tính toán, viết báo cáo. 3.2. Hoạt động hiệu quả với tư cách là thành viên hoặc trưởng nhóm khi tham gia vào các hoạt động nhóm. 3.3. Trình bày các vấn đề liên quan đến các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính tiền tệ một cách thuyết phục.

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra CTDT													
		1.3.2	2.1.1	2.1.2	2.2.1	2.2.2	2.2.3	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.3.1	3.3.2	4.1.1	4.1.2	4.2.3
3.	Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng số và giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến tài chính tiền tệ.														
3.1.	Ứng dụng thành thạo các phần mềm office như word, excel để tính toán, viết báo cáo.									4	4				
3.2.	Hoạt động hiệu quả với tư cách là thành viên hoặc trưởng nhóm khi tham gia vào các hoạt động nhóm.									4	4				
3.3.	Trình bày các vấn đề liên quan đến các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính tiền tệ một cách thuyết phục.						4	4							

K: Kiến thức 1 - Biếu/Nhớ 2 - Hiểu 3 - Vận dụng 4 - Phân tích 5 - Tổng hợp 6 - Đánh giá

A: Thái độ 1 - Tiếp nhận 2 - Hồi đáp 3 - Định giá 4 - Tô chức 5 - Tinh cách

S: Kỹ năng 1 - Bất chước 2 - Thao tác được 3 - Thao tác chính xác 4 - Thao tác biến hóa 5 - Thao tác thuần thục

4. KẾ HOẠCH DẠY - HỌC

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
1	<p>Chương 1: Đại cương về tài chính tiền tệ</p> <p>1.1. Khái niệm và bản chất của tiền tệ</p> <p>1.2. Chức năng của tiền tệ</p> <p>1.3. Sự phát triển các hình thái tiền tệ</p> <p>1.4. Khỏi tiền tệ</p> <p>1.5. Chế độ tiền tệ</p>	5		<p>GV:</p> <p>1.1_2 2.1_3 2.2_3 3.1_3</p>	<p>(1) Giới thiệu học phần (dễ cương chi tiết, tài liệu học tập, đánh giá người học, lịch kiểm tra, hình thức thi cuối kỳ).</p> <p>(2) Phổ biến nội quy lớp học.</p> <p>(3) Thuyết trình các nội dung lý thuyết về tiền tệ.</p> <p>(4) Đưa ra các câu hỏi liên quan về lịch sử tiền tệ, chức năng tiền tệ, các khối tiền tệ, chế độ tiền tệ.</p> <p>(5) Giao nhiệm vụ cho SV.</p> <p>SV:</p> <p>(1) Thành lập nhóm.</p> <p>(2) Tự học (nghiên cứu tài liệu).</p> <p>(3) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm.</p> <p>(4) Trả lời các câu hỏi liên quan</p>	<p>(1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.</p> <p>(2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua elearning hoặc Quizzes.</p>	<p>[1]- Chương 1</p> <p>[4]- Chương 1</p>
2	<p>Chương 1: Đại cương về tài chính tiền tệ</p> <p>1.6. Bản chất của tài chính</p> <p>1.7. Chức năng của tài chính</p> <p>Chương 2: Tổng quan về hệ thống tài chính</p> <p>2.1. Khái niệm hệ thống tài chính</p>	4	1	<p>GV:</p> <p>1.2_3 2.1_3 2.2_3 3.1_4 2.3_3</p>	<p>(1) Thuyết trình các nội dung lý thuyết về tài chính, hệ thống tài chính.</p> <p>(2) Đưa ra các câu hỏi liên quan về mối liên quan về tài chính doanh nghiệp, ngân sách nhà nước.</p> <p>(3) Giao nhiệm vụ cho SV.</p> <p>(4) Chữa bài tập cho SV.</p> <p>SV:</p> <p>(1) Tự học (nghiên cứu tài liệu)</p>	<p>(1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.</p> <p>(2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua elearning hoặc Quizzes.</p>	<p>[1]- Chương 1</p> <p>[1]- Chương 2</p> <p>[4]- Chương 2</p>

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	2.2. Cấu trúc của hệ thống tài chính				(2) Trả lời các câu hỏi liên quan trái phiếu như định giá, lợi tức và rủi ro. (3) Làm bài tập tự luận và trắc nghiệm.		
3	Chương 2: Tổng quan về hệ thống tài chính 2.3. Chính sách tài chính quốc gia Chương 3: Thị trường tài chính 3.1. Khái niệm thị trường tài chính 3.2 Chức năng của thị trường tài chính 3.3 Chủ thể của thị trường tài chính	3	2	<u>GV</u> (1)Thuyết trình các nội dung lý thuyết về thị trường tài chính. (2)Đưa ra các câu hỏi liên quan về khái niệm, chức năng và các chủ thể của thị trường tài chính. (3)Giao nhiệm vụ cho SV. (4) Đánh giá và nhận xét bài làm của SV. <u>SV:</u> 1.2_4 2.1_3 2.2_3 3.1_4 2.3_3	(1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên (2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua elearning hoặc Quizzes (3) Làm bài tập liên hệ thực tế. (4) Đánh giá thuyết trình thông qua các rubic	[1]- Chương 2 và Chương 3 [4]- Chương 2 và Chương 3	
4	Chương 3: Thị trường tài chính 3.4. Cấu trúc của thị trường tài chính 3.5. Các công cụ của thị trường tài chính	3	2	<u>GV</u> (1)Thuyết trình các nội dung lý thuyết. (2)Đưa ra các câu hỏi liên quan đến phân loại thị trường tài chính, các công cụ giao dịch trên thị trường tài chính. (3)Giao nhiệm vụ cho SV.	(1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên (2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua	[1]- Chương 3 [4]- Chương 5	

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	3.6. Điều hành thị trường tài chính 3.7. Quốc tế hóa các thị trường tài chính			3.1_4 3.2_4	(4) Đánh giá và nhận xét bài làm của SV. SV: (1) Tự học (nghiên cứu tài liệu) (2) Trả lời các câu hỏi liên quan. (3) Làm bài tập tình huống và trắc nghiệm. (4) Thuyết trình để tài được giao	elearning hoặc Quizzes (3) Làm bài tập liên hệ thực tế. (4) Đánh giá thuyết trình thông qua các rubric	
5	Chương 3: Thị trường tài chính 3.8. Thị trường tài chính Việt Nam Chương 4: Các tổ chức tài chính trung gian 4.1. Tổng quan về các tổ chức tài chính trung gian	3	2	3.3_4 3.4_4	GV (1) Thuyết trình các nội dung lý thuyết. (2)Đưa ra các câu hỏi liên quan đến khái niệm, chức năng của các tổ chức tài chính trung gian. (3)Giao nhiệm vụ cho SV. (4) Đánh giá và nhận xét bài làm của SV. SV: (1) Tự học (nghiên cứu tài liệu) (2) Trả lời các câu hỏi liên quan. (3) Làm bài tập liên hệ thực tế và trắc nghiệm. (4) Thuyết trình để tài được giao	(1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên (2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua elearning hoặc Quizzes (3) Làm bài tập liên hệ thực tế. (4) Đánh giá thuyết trình thông qua các rubric	[1]- Chương 3 và Chương 4 [4]- Chương 5 và Chương 6
6	Chương 4: Các tổ chức tài chính trung gian	4	1	1.4_4 2.1_4	GV (1) Thuyết trình các nội dung lý thuyết.	(1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên	[1]-Chương 6

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	4.2. Các loại hình tổ chức tài chính trung gian 4.3. Các trung gian tài chính ở Việt Nam			2.2_4 2.3_3 3.1_4 3.2_4	(2)Đưa ra các câu hỏi liên quan đến các loại hình tổ chức tài chính trung gian. (3)Giao nhiệm vụ cho SV. (4) Đánh giá và nhận xét bài làm của SV. SV: (1) Tự học (nghiên cứu tài liệu) (2) Trả lời các câu hỏi liên quan. (3) Làm bài tập tình huống và trắc nghiệm. (4) Thuyết trình đề tài được giao	(2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua elearning hoặc Quizzes (3) Làm bài tập liên hệ thực tế. (4) Đánh giá thuyết trình thông qua các rubic	[4]- Chương 6 và Chương 10
7	Chương 5: Một số vấn đề cơ bản về lãi suất 5.1. Lãi suất 5.2. Đo lường lãi suất	3	2	GV 1.5_4 2.1_4 2.2_4 2.3_3 3.1_4 3.2_4	(1) Thuyết trình các nội dung lý thuyết. (2) Đưa ra các câu hỏi liên quan đến chính sách tiền tệ, các công cụ của chính sách tiền tệ. (3)Giao nhiệm vụ cho SV. (4) Đánh giá và nhận xét bài làm của SV. SV: (1) Tự học (nghiên cứu tài liệu) (2) Trả lời các câu hỏi liên quan. (3) Làm bài tập tình huống, bài tập tính toán và trắc nghiệm. (4) Thuyết trình đề tài được giao	(1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên (2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua elearning hoặc Quizzes (3) Làm bài tập tính toán, bài tập liên hệ thực tế. (4) Đánh giá thuyết trình thông qua các rubic	[1]- Chương 5 [4]- Chương 7

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
8	<p>Kiểm tra quá trình</p> <p>Chương 5: <i>Một số vấn đề cơ bản về lãi suất</i></p> <p>5.3. Các nhân tố ảnh hưởng tới lãi suất</p> <p>5.4. Lãi suất ở Việt Nam</p> <p>Câu hỏi ôn tập chương 5</p> <p>Chương 6: <i>Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ quốc gia</i></p> <p>6.1. Ngân hàng trung ương</p>	3	2	1.5_4 2.1_4 2.2_3 2.3_3 3.1_4 3.2_4	<p>GV:</p> <p>(1) Giao đề kiểm tra quá trình 50 phút gồm 1 bài thi trên giấy.</p> <p>(2) Thuyết trình các nội dung lý thuyết về tài chính quốc tế, các nội dung của tài chính quốc tế.</p> <p>(3) Đưa ra các câu hỏi liên quan đến tỷ giá, chế độ lưu thông tiền tệ quốc tế.</p> <p>(4) Giao nhiệm vụ cho SV.</p> <p>SV:</p> <p>(1) Tự học (nghiên cứu tài liệu).</p> <p>(2) Trả lời các câu hỏi liên quan.</p> <p>(3) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm.</p> <p>(4) Thuyết trình đề tài được giao</p>	<p>1) Kiểm tra tự luận và trắc nghiệm.</p> <p>2) Trả lời các câu hỏi của giảng viên</p> <p>3) Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua elearning hoặc Quizzes</p> <p>4) Làm bài tập liên hệ thực tế.</p> <p>5) Đánh giá thuyết trình thông qua các rubric</p>	<p>[1]- Chương 6.</p> <p>[4]- Chương 10</p>
9	<p>Chương 6: Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ quốc gia</p> <p>6.2 Chính sách tiền tệ</p> <p>6.3. Ngân hàng nhà nước Việt Nam</p>	2	3	1.5_4 2.1_4 2.2_4 2.3_3 3.1_4 3.2_4	<p>GV:</p> <p>(1) Thuyết trình các nội dung lý thuyết về ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ.</p> <p>(2) Đưa ra các câu hỏi liên quan đến ngân hàng trung ương, các công cụ điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng trung ương</p> <p>(3) Giao nhiệm vụ cho SV.</p> <p>(4) Nhận xét và đánh giá các bài tập của SV.</p> <p>(5) Đánh giá bài làm kiểm tra của SV.</p> <p>(6) Công bố điểm quá trình.</p> <p>(7) Công bố hình thức thi cuối kỳ</p> <p>SV:</p>	<p>1) Trả lời câu hỏi của GV</p> <p>2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua elearning hoặc Quizzes</p> <p>3) Làm bài tập liên hệ thực tế.</p> <p>(1) Đánh giá thuyết trình thông qua các rubric</p>	<p>[1]- Chương 6.</p> <p>[4]- Chương 10</p>

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
					(1) Tự học (nghiên cứu tài liệu) (2) Trả lời các câu hỏi liên quan. (3) Làm bài tập tình huống, bài tập tính toán và trắc nghiệm. (4) Thuyết trình đề tài được giao		

CDR học phần có cấu trúc: STT của CDR học phần_n

Trong đó, n là mức độ theo Bloom:

- Kiến thức 1 - Biếu/Nhớ 2 - Hiểu 3 - Vận dụng 4 - Phân tích 5 - Tổng hợp 6 - Đánh giá
- Thái độ 1 - Tiếp nhận 2 - Hỏi đáp 3 - Đánh giá 4 - Tô chức 5 - Tinh cách
- Kỹ năng 1 - Bất chước 2 - Thao tác được 3 - Thao tác chính xác 4 - Thao tác biến hóa 5 - Thao tác thuần thục

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

Học phân sử dụng kết hợp 8 phương pháp dạy học sau.

Phương pháp 1 (Phương pháp Thuyết trình): GV thuyết trình các nội dung lý thuyết trong môn Tài chính tiền tệ căn bản giúp sinh viên nắm bắt và hiểu rõ các vấn đề lý thuyết chuyên sâu dễ dàng hơn.

Phương pháp 2 (Phương pháp Vấn đáp): Kết hợp với phương pháp thuyết trình GV sử dụng các hệ thống câu hỏi liên quan đến lĩnh vực tài chính tiền tệ, giúp SV tự rút ra được những kết luận, những vấn đề liên quan trực tiếp đến lý thuyết và ứng dụng lý thuyết tài chính tiền tệ trong thực tế.

Phương pháp 3 (Phương pháp Tự học): GV giao trước các nội dung cần đọc và tìm hiểu trước khi SV đến lớp, tổng hợp các nội dung kiến thức lý thuyết chuyên sâu và các kiến thức thực tế về ngành nghề, về thị trường và về doanh nghiệp. Tự học giúp SV rèn luyện kỹ năng tìm kiếm thông tin, tra cứu liên quan đến các lĩnh vực tiền tệ như các thông tin tài chính của doanh nghiệp, các thông tin giao dịch, thông tin về kinh tế, thị trường ...; rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp và tổng quát hóa các kiến thức liên quan đến lĩnh vực tài chính tiền tệ, trên cơ sở đó có thể phân tích và đánh giá các chính sách tài chính hay các biến động về tài chính trong thực tế; rèn luyện đức tính kiên trì, tư duy phê phán và ý chí phấn đấu; bồi dưỡng hứng thú học tập, say mê nghiên cứu khoa học và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Phương pháp 4 (Phương pháp Thảo luận) GV đưa ra các vấn đề thực tế liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng và tổ chức cuộc đối thoại giữa người học với người học hoặc giữa người học với giảng viên. Thảo luận có thể giúp người học khai thác được nhiều khía cạnh của một vấn đề, giúp người học phát triển khả năng trao đổi, trình bày suy nghĩ và quan điểm một cách rõ ràng, phát triển năng lực phân tích, tổng hợp.

Phương pháp 5 (Phương pháp Làm việc nhóm): GV tổ chức người học thành các nhóm nhỏ (5-7 người); mỗi thành viên trong nhóm vừa có trách nhiệm tự học tập vừa có trách nhiệm chia sẻ, giúp đỡ các thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giảng viên đã giao.

Phương pháp 6 (Phương pháp Tình huống): GV cung cấp cho người học tình huống dạy học như phân tích và đánh giá các sự kiện kinh tế vĩ mô như suy thoái kinh tế, lạm phát, chính sách tiền tệ mà nhà nước áp dụng.... Phương pháp này giúp người học tăng tính thực tiễn ứng dụng về lĩnh vực tài chính tiền tệ. Ngoài ra, dạy học bằng phương pháp nghiên cứu tình huống cũng tạo cơ hội cho người học phát triển toàn diện các kỹ năng như: kỹ năng phân tích để xác định và giải quyết vấn đề, kỹ năng xây dựng và viết tình huống, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, kỹ năng trình bày vấn đề/ quan điểm trước tập thể, kỹ năng tranh luận và bảo vệ ý kiến.

Phương pháp 7 (Phương pháp Thực hành): GV giao bài tập thực hành cho sinh viên, thực hiện các phân tích về tài chính, tiền tệ trên các phần mềm như excel, hoặc tổ chức các buổi thực tập thực tế tại các doanh nghiệp, công ty chứng khoán, bộ tài chính...

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Học phần sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập sau:

- Chuyên cần (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm);
- Trắc nghiệm (công cụ: E-Learning hoặc Quizzes, đáp án, trong quá trình học);
- Báo cáo tiểu luận nhóm (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm);
- Tự luận kết hợp trắc nghiệm: kiểm tra quá trình và thi kết thúc học phần (công cụ đánh giá: đáp án; thời gian: 90 phút).

Điểm quá trình = Điểm kiểm tra đánh giá*50% + Điểm chuyên cần*20%
+ 30%*Đánh giá nhóm

Điểm tổng kết = Điểm quá trình * 30% + Điểm thi * 70%.

Thi kết thúc học phần là bài thi trên giấy, thời gian 90 phút.

7. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP PHÙ HỢP VỚI CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp dạy - học							Phương pháp đánh giá			
		Phương pháp Thuyết trình	Phương pháp Vấn đáp	Phương pháp Tự học	Phương pháp Thảo luận	Phương pháp làm việc nhóm	Phương pháp Tình huống	Phương pháp Thực hành	Chuyên cần	Tác nghiệm	Tự luận	Báo cáo tiểu luận nhóm
1	Vận dụng lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính tiền tệ trong các hoạt động thực tế.											
1.1.	Hiểu và phân tích được các lý thuyết trong lĩnh vực tài chính tiền tệ.	x	x	x	x	x	x		x	x	x	
1.2.	Vận dụng kiến thức về tài chính, tiền tệ để phân tích các biến động kinh tế thuộc lĩnh vực tài chính – tiền tệ.	x	x	x	x	x	x		x	x	x	
1.3.	Ứng dụng các lý thuyết để phân tích đánh giá và phân đoán chiều hướng biến động của các biến số kinh tế vĩ mô quan trọng như lãi suất, GDP, lạm phát.	x	x	x	x	x	x		x	x	x	
2	Thể hiện kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp.											
2.1.	Phát triển kỹ năng thu thập, xử lý thông tin và dữ liệu kinh tế liên quan đến lĩnh vực tài chính tiền tệ. Sử dụng khung lý thuyết đã học để phân tích chiều hướng biến động của các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô, xác định cơ chế tác động của chính sách tiền tệ đến các ngành nghề kinh doanh thuộc lĩnh vực tài chính tiền tệ.					x	x	x		x	x	x
2.2.	Vận dụng các chiến lược học tập phù hợp để tích lũy kiến thức và định hướng phát triển nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực tài chính tiền tệ như tìm hiểu tài liệu, phân tích tài liệu, quản lý thời gian...		x	x	x	x	x	x		x	x	x
3	Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng số và giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến ngành Tài chính – Ngân hàng.											
3.1.	Ứng dụng thành thạo các phần mềm office như word, excel để tính toán, viết báo cáo.					x		x	x		x	x

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp dạy - học						Phương pháp đánh giá				
		Phương pháp Thuyết trình	Phương pháp Vấn đáp	Phương pháp Tự học	Phương pháp Thảo luận	Phương pháp làm việc nhóm	Phương pháp Tình huống	Phương pháp Thực hành	Chuyên case	Trắc nghiệm	Tự luận	Báo cáo tiểu luận nhóm
3.2.	Hoạt động hiệu quả với tư cách là thành viên hoặc trưởng nhóm khi tham gia vào các hoạt động nhóm.					X		X	X		X	X
3.3.	Trình bày các vấn đề liên quan đến các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính tiền tệ một cách thuyết phục.					X						X

8. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY

Tài liệu chính:

[1] Tập bài giảng: “Tài chính tiền tệ căn bản”, Tập thể giảng viên Bộ môn Tài chính - Ngân hàng, Khoa Kinh tế Quản lý biên soạn. lưu hành nội bộ tại Đại học Thăng Long.

Tài liệu tham khảo:

[2] Nguyễn Văn Tiến (2011), *Giáo trình tài chính tiền tệ*, NXB Thống kê.

[3] Nguyễn Minh Kiều (2012), *Tiền tệ ngân hàng*, NXB Lao động xã hội.

[4] Nguyễn Hữu Tài (2012), *Giáo trình lý thuyết tài chính tiền tệ*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

[5] <https://sbv.gov.vn>

[6] <https://www.mof.gov.vn>

[7] <https://cafef.vn/>

[8] <https://www.cophieu68.vn>

9. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Lĩnh vực chuyên môn
1.	Nguyễn Thị Thúy	TS	Tài chính - Ngân hàng
2.	Phạm Thị Bảo Oanh	TS	Tài chính - Ngân hàng
3.	Nguyễn Thị Tuyết	ThS	Tài chính - Ngân hàng

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

Khoa Kinh tế - Quản lý và Bộ môn Tài chính - Ngân hàng có trách nhiệm phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể giảng viên tham gia giảng dạy thực hiện.

Giảng viên có nhiệm vụ:

- Phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể người học vào tiết học đầu tiên của học phần;
- Thực hiện theo đúng nội dung và kế hoạch giảng dạy trong đề cương chi tiết đã được duyệt;
- Thiết lập MS team của lớp giảng dạy nhằm cung cấp tài liệu, giải đáp thắc mắc của sinh viên;
- Lập kế hoạch tổ chức hoạt động trên lớp trước buổi học; chủ động tổ chức, điều phối các hoạt động để sinh viên tự học và hỗ trợ nhau trong quá trình học;
- Luôn tạo mọi cơ hội để SV cải thiện trình độ, cải thiện điểm.

TRƯỞNG KHOA



GS.TS. Nguyễn Khắc Minh

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Ngô Thị Quyên

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Thị Tuyết

11. PHỤ LỤC A: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)

11.1. Phụ lục 1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
		10-8,5	8,4-7	6,9-5	4,9-0	
Mức độ tham dự theo TKB	50%	Tham dự >90% số buổi	Tham dự >80% đến 90% số buổi	Tham dự >=70% đến 80% số buổi	Tham dự <70% số buổi	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu trả lời nhiều câu hỏi, bài tập	Có đặt, trả lời > 2 câu hỏi, bài tập	Có đặt trả lời ít nhất 1 câu hỏi, bài tập	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

11.2. Phụ lục 2. Rubric đánh giá nhóm

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Điểm
		10-8,5	8,4-7	6,9-5	4,9-0	
Hình thức báo cáo	10%	Đẹp, rõ, không lỗi chính tả	-----	-----	Đơn điệu, nhiều lỗi chính tả	
Kỹ năng trình bày	10%	Nói rõ, tự tin, thuyết phục giao lưu người nghe	-----	-----	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe	
Nội dung báo cáo	40%	Đáp ứng 80%- 100% yêu cầu	Đáp ứng 70%- <80% yêu cầu	Đáp ứng 50%- <70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	
Trả lời câu hỏi	20%	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi	Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi	Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi	
Tham gia thực hiện	20%	>80- 100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	60% đến <80% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	>40% đến < 60% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	< 40% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	

12. PHỤ LỤC B: MA TRẬN ĐỀ THI

Hình thức thi: Bài thi trên giấy và thực hành trên máy tính. Nộp bài thi trên hệ thống. Giảng viên chấm điểm cả bài thi trên giấy và trên máy.

Thời gian: 90 phút (gồm cả thời gian nộp bài)

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Vận dụng mức cao	Tổng
1.	Chương 1: Đại cương về tài chính tiền tệ		2 câu 0,4 điểm 4%	2 câu 0,4 điểm 4%	1 câu 0,2 điểm 2%	5 câu 1 điểm 10%
1.2.	Chức năng của tiền tệ		1 câu 0,2 điểm 2%			1 câu 0,2 điểm 2%
1.3.	Sự phát triển các hình thái tiền tệ			1 câu 0,2 điểm 2%	1 câu 0,2 điểm 2%	2 câu 0,4 điểm 2%
1.4.	Khối tiền tệ		1 câu 0,2 điểm 2%			1 câu 0,2 điểm 2%
1.5.	Chế độ tiền tệ			1 câu 0,2 điểm 2%		1 câu 0,2 điểm 2%
2.	Chương 2: Tổng quan về hệ thống tài chính		2 câu 0,4 điểm 4%	2 câu 0,4 điểm 4%	1 câu 0,2 điểm 2%	5 câu 1 điểm 10%
2.2.	Cấu trúc của hệ thống tài chính		2 câu 0,2 điểm 2%	2 câu 0,4 điểm 2%	1 câu 0,2 điểm 2%	5 câu 1 điểm 10%
3	Chương 3: Thị trường tài chính		2 câu 0,4 điểm 4%	2 câu 0,4 điểm 4%	2 câu 1 điểm 10%	6 câu 1,8 điểm 18%
3.1	Chủ thể của thị trường tài chính		2 câu 0,4 điểm 4%	1 câu 0,2 điểm 2%		3 câu 0,6 điểm 2%
3.2	Cấu trúc của thị trường tài chính			1 câu 0,2 điểm 2%		1 câu 0,2 điểm 2%
3.3	Các công cụ của thị trường tài chính				2 câu 1 điểm 10%	2 câu 1 điểm 10%
4	Chương 4: Các tổ chức tài chính trung gian		1 câu 0,2 điểm 2%	2 câu 1 điểm 10%	2 câu 2 điểm 2%	5 câu 3,2 điểm 32%

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

18

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Vận dụng mức cao	Tổng
4.1	Tổng quan về các tổ chức tài chính trung gian		1 câu 0,2 điểm 2%	1 câu 0,5 điểm 10%		2 câu 0,7 điểm 7%
4.2	Các loại hình tổ chức tài chính trung gian			1 câu 0,5 điểm 5%	2 câu 2 điểm 20%	3 câu 2,5 điểm 25%
5	Chương 5 – Một số vấn đề cơ bản về lãi suất		1 câu 0,2 điểm 2%	3 câu 0,9 điểm 9%	2 câu 0,7 điểm 7%	4 câu 1,8 điểm 18%
5.1	Lãi suất			1 câu 0,2 điểm 2%	1 câu 0,2 điểm 2%	2 câu 0,2 điểm 0,4%
5.2	Đo lường lãi suất			1 câu 0,2 điểm 2%	1 câu 0,5 điểm 5%	2 câu 0,7 điểm 7%
5.3	Các nhân tố ảnh hưởng tới lãi suất		1 câu 0,2 điểm 2%	1 câu 0,5 điểm 5%		2 câu 0,7 điểm %
6	Chương 6 – Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ quốc gia			2 câu 0,7 điểm 7%	1 câu 0,5 điểm 5%	3 câu 1,2 điểm 12%
6.1	Ngân hàng trung ương			1 câu 0,2 điểm 2%		1 câu 0,2 điểm 2%
6.3	Chính sách tiền tệ				1 câu 0,5 điểm 5%	1 câu 0,2 điểm 2%
6.3	Ngân hàng nhà nước Việt Nam			1 câu 0,5 điểm 5%		1 câu 0,2 điểm 10%
	Tổng số câu	0	8 câu	13 câu	9 câu	30 câu
	Tổng số điểm	0	1,6 điểm	3,8 điểm	4,6 điểm	10 điểm
	Tỷ lệ %	0 %	16 %	42%	40 %	100%

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

9. Tài chính doanh nghiệp – FN211



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1	Tên học phần	<i>Tiếng Việt:</i> Tài chính doanh nghiệp <i>Tiếng Anh:</i> Fundamental of corporate finance
1.2	Mã học phần	FN211
1.3	Thuộc khối kiến thức	Cơ sở
1.4	Tính chất của học phần	Bắt buộc
1.5	Khoa phụ trách	Khoa Kinh tế - Quản lý
1.6	Số tín chỉ	03
1.7	Điều kiện tiên quyết	Kinh tế học đại cương (EC101 hoặc EC102)
1.8	Thời lượng giảng dạy trực tiếp	45 giờ (30 giờ lý thuyết + 15 giờ thực hành, bài tập và thảo luận)
1.9	Thời lượng giảng dạy kết hợp E-Learning	
1.10	Ngày ban hành	21/4/2022

2. YÊU CẦU CỦA HỌC PHẦN

Về kiến thức, học phần yêu cầu sinh viên được trang bị trước những kiến thức chung về kinh tế học đại cương, các kiến thức liên quan tới quan hệ cung, cầu của thị trường cũng như hiểu biết cơ bản về sự vận hành của nền kinh tế.

Về trang thiết bị, lớp học cần được thực hiện tại Trung tâm Tài chính của Trường Đại học Thăng Long có máy tính, máy chiếu để giảng viên thuyết giảng và hướng dẫn sinh viên thực hành. Sinh viên cũng cần in sẵn các tài liệu để phục vụ việc học tập.

Về nội quy, sinh viên nghiêm túc thực hiện Nội quy lớp học và:

- Theo dõi và thực hiện các thông báo hướng dẫn học tập của giảng viên trong MS Team của lớp (nếu có);

- Phải tham gia học ít nhất 70% số giờ quy định;

- Đi học muộn quá 15 phút thì không được vào lớp và được coi là nghỉ buổi học đó;

- Hoàn thành bài tập giảng viên giao trước khi đến lớp;

- Làm đầy đủ 01 bài kiểm tra của học phần;

- Bắt buộc làm bài thi cuối kỳ.

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Tài chính doanh nghiệp là học phần nền tảng cơ bản về tài chính, trong đó tập trung vào giới thiệu khái niệm, mục tiêu và vai trò của quản lý tài chính doanh nghiệp, các nguyên tắc quản lý tài chính cơ bản. Ngoài ra, học phần tài chính doanh nghiệp tập trung tìm hiểu về phân tích tài chính doanh nghiệp dựa trên các báo cáo tài chính, đánh giá các chỉ tiêu tài chính, các phương pháp phân tích tài chính. Cuối cùng, học phần tài chính doanh nghiệp nghiên cứu về hoạt động đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp: xác định dòng tiền của dự án đầu tư, các chỉ tiêu thẩm định dự án đầu tư.

3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra
CO1: <i>Thể hiện</i> hiểu biết về các kiến thức cơ bản về hệ thống các khái niệm, thuật ngữ trong tài chính, hệ thống các kiến thức về các phương pháp và quy trình phân tích tài chính, dự án, dòng tiền dự án và các chỉ tiêu thẩm định và ra quyết định đầu tư động đầu tư thực tế	1.1. Trình bày và vận dụng đúng các thuật ngữ tài chính trong các tình huống cụ thể
	1.2. Giải thích và áp dụng được các phương pháp phân tích tài chính trong doanh nghiệp
	1.3. Phân tích và tổng hợp được tình hình tài chính của doanh nghiệp
	1.4. Phân tích và tính toán được dòng tiền và các chỉ tiêu thẩm định dự án đầu tư để ra quyết định tài chính
CO2: <i>Thể hiện</i> kỹ năng liên quan đến quy trình thực hiện phân tích, đánh giá tình hình tài chính của các công ty và phân tích và thiết lập một bản kế hoạch tài chính về dự án đầu tư dài hạn.	2.1. Có khả năng tìm kiếm các thông tin và các dữ liệu về tài chính doanh nghiệp
	2.2. Sử dụng các công cụ phân tích để phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp
	2.3. Có khả năng làm việc nhóm trong việc trình bày và thảo luận một số vấn đề thực tế về tài chính doanh nghiệp
CO3: <i>Thể hiện</i> nhận thức đúng về vai trò quan trọng	3.1. Ham thích tìm hiểu về các vấn đề tài chính doanh nghiệp và các vấn đề liên quan

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

3

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra
của quản trị tài chính doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.	3.2. Sẵn sàng trong việc tiếp cận với những vấn đề mới và phát triển khả năng tự học của bản thân

3.2. Chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT																		
		1.2.1	1.2.2	1.2.3	2.1.1	2.1.2	2.2.1	2.2.2	2.2.3	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.3.1	3.3.2	3.3.3	4.1.1	4.2.1	4.2.2	4.2.3	
1.	Nắm được những kiến thức cơ bản liên quan tới kinh tế, tài chính và đặc biệt là tài chính doanh nghiệp.																			
1.1.	Trình bày và vận dụng đúng các thuật ngữ tài chính trong các tình huống cụ thể	2																		
1.2.	Giải thích và áp dụng được các phương pháp phân tích tài chính trong doanh nghiệp	3	3																	
1.3.	Phân tích và tổng hợp được tình hình tài chính của doanh nghiệp	3														3		3	3	
1.4.	Phân tích và tính toán được dòng tiền và các chỉ tiêu thẩm định dự án đầu tư để ra quyết định tài chính	3																3	3	
2.	Thể hiện được kỹ năng liên quan đến quy trình thực hiện phân tích, đánh giá tình hình tài chính của các công ty và phân tích và thiết lập một bản kế hoạch tài chính về dự án đầu tư dài hạn.																			
2.1.	Có khả năng tìm kiếm các thông tin và các dữ liệu về tài chính doanh nghiệp																3			

TT	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT																	
		1.2.1	2.1.1	2.1.2	2.2.1	2.2.2	2.2.3	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.3.1	3.3.2	3.3.3	4.1.1	4.2.1	4.2.2	4.2.3		
2.2.	Sử dụng các công cụ phân tích để phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp																	3	
2.3.	Có khả năng làm việc nhóm trong việc trình bày và thảo luận một số vấn đề thực tế về tài chính doanh nghiệp																		
3.	Thể hiện nhận thức đúng về vai trò quan trọng của quản trị tài chính doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.																		
3.1.	Ham thích tìm hiểu về các vấn đề tài chính doanh nghiệp và các vấn đề liên quan		3	3															
3.2.	Sẵn sàng trong việc tiếp cận với những vấn đề mới và phát triển khả năng tự học của bản thân																	3	

K: Kiến thức 1 - Biết/Nhớ 2 - Hiểu 3 - Vận dụng 4 - Phân tích 5 - Tổng hợp 6 - Đánh giá

A: Thái độ 1 - Tiếp nhận 2 - Hồi đáp 3 - Đánh giá 4 - Tổ chức 5 - Tính cách

S: Kỹ năng 1 - Bất chước 2 - Thao tác được 3 - Thao tác chính xác 4 - Thao tác biến hóa 5 - Thao tác thuần thục

4. KẾ HOẠCH DẠY - HỌC

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
1	<p>Chương 1: Tổng quan về tài chính doanh nghiệp</p> <p>1.1. Khái quát về doanh nghiệp</p> <p>1.2. Quản trị tài chính doanh nghiệp</p>	5		1.1_2 2.2_ 2.2_3 3.1_3	<p>GV:</p> <p>(1) Giới thiệu học phần (dề cương chi tiết, tài liệu học tập, đánh giá người học, lịch kiểm tra, hình thức thi cuối kỳ).</p> <p>(2) Phổ biến nội quy lớp học.</p> <p>(3) Giới thiệu về thị trường chứng khoán ảo, yêu cầu SV mở TK trên thị trường và hướng dẫn giao dịch.</p> <p>(4) Thuyết trình các nội dung lý thuyết.</p> <p>(5) Thực hành các lệnh liên quan đến các công thức cơ bản sử dụng trong đầu tư tài chính (FV, PV)</p> <p>(6) Giao nhiệm vụ cho SV.</p> <p>SV:</p> <p>(1) Thành lập nhóm.</p> <p>(2) Tự học (nghiên cứu tài liệu).</p> <p>(3) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm.</p>	<p>(1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.</p> <p>(2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua elearning hoặc Quizzes.</p>	<p>[1] Chương 1</p> <p>[2] [7]</p>
2	<p>Chương 2: Quản trị vốn trong doanh nghiệp</p> <p>2.1. Khái niệm về vốn</p> <p>2.2. Phân loại vốn của doanh nghiệp</p> <p>2.3. Quản trị vốn</p>	4	1	1.2_3 2.1_3 2.2_3 3.1_4 2.3_3	<p>GV:</p> <p>(1) Thuyết trình các nội dung lý thuyết về đặc trưng của các phương pháp huy động vốn của doanh nghiệp cũng như các rủi ro liên quan</p> <p>(2) Đưa ra các câu hỏi liên quan tới lợi ích, rủi ro của phương pháp huy động vốn bằng vốn chủ hoặc nợ.</p>	<p>(1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.</p>	<p>[1]- Chương 2</p> <p>[2] [3] [4] [5]</p> <p>[6] [7] [8] [9]</p>

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	2.4. Các hình thức huy động vốn trong doanh nghiệp				<p>(3) Hướng dẫn sinh viên tính toán các khoản chi phí doanh nghiệp phải chi cho chủ nợ, chủ sở hữu.</p> <p>(4) Giao nhiệm vụ cho SV.</p> <p>SV:</p> <p>(1) Tự học (nghiên cứu tài liệu)</p> <p>(2) Trả lời các câu hỏi liên quan tới chi phí lãi vay, cổ tức.</p> <p>(3) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm.</p>		
3	<p>Chương 3: Quản trị tài sản trong doanh nghiệp</p> <p>3.1. Khái quát về tài sản</p> <p>3.2. Quản trị tài sản ngắn hạn</p> <p>3.3. Quản trị tài sản dài hạn</p>	4	1	<p>1.2_4</p> <p>2.1_3</p> <p>2.2_3</p> <p>3.1_4</p> <p>2.3_3</p>	<p>GV</p> <p>(1)Thuyết trình các nội dung lý thuyết về tài sản trong doanh nghiệp, giới thiệu các đặc điểm chính của tài sản lưu động và tài sản cố định trong doanh nghiệp</p> <p>(2)Đưa ra các câu hỏi liên quan như ý nghĩa cũng như lợi ích, rủi ro của việc sở hữu quá nhiều 1 loại tài sản.</p> <p>(3)Thực hành phương pháp xác định nguyên giá, xác định chi phí khấu hao của tài sản cố định trong doanh nghiệp.</p> <p>(4)Giao nhiệm vụ cho SV.</p> <p>SV:</p> <p>(1)Tự học (nghiên cứu tài liệu)</p> <p>(2)Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm.</p>	<p>(1)Trả lời các câu hỏi của giảng viên.</p> <p>(2)Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua elearning hoặc Quizzes.</p>	<p>[1]- Chương 2</p> <p>[2][3][4][5]</p> <p>[6][7][8][9]</p>

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
4	<p>Chương 4: Phân tích tài chính</p> <p>4.1. Khái quát về phân tích tài chính doanh nghiệp</p> <p>4.2. Thông tin phân tích tài chính doanh nghiệp</p> <p>4.3. Phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp</p> <p>4.4. Nội dung phân tích tài chính doanh nghiệp</p> <p>4.4.1. Phân tích kết quả kinh doanh</p> <p>4.4.2. Phân tích tình hình lưu chuyển tiền tệ</p> <p>4.4.3. Phân tích các chỉ tiêu tài chính</p>	5		<p>1.2_4</p> <p>1.3_3</p> <p>2.1_3</p> <p>2.2_3</p> <p>2.3_3</p> <p>3.1_4</p> <p>3.2_4</p>	<p>GV:</p> <p>(1)Thuyết trình các nội dung lý thuyết liên quan tới quản trị tài chính doanh nghiệp</p> <p>(2)Hướng dẫn sinh viên đọc và lập các loại báo cáo tài chính như báo cáo kết quả kinh doanh, bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ.</p> <p>(3)Đưa ra các ưu điểm, nhược điểm của việc sử dụng báo cáo tài chính để phân tích tình hình hoạt động của doanh nghiệp.</p> <p>(4)Thực hành lập báo cáo tài chính.</p> <p>(5)Thuyết trình các nội dung lý thuyết liên quan tới chỉ số tài chính, nêu các công thức tính và ý nghĩa của chỉ số, nhóm chỉ số.</p> <p>(6)Thực hành sử dụng các nhóm chỉ số để phân tích tài chính doanh nghiệp.</p> <p>(7)Hướng dẫn sinh viên về phân tích Dupont.</p> <p>(8)Hướng dẫn sinh viên về ưu điểm, nhược điểm của việc sử dụng chỉ số tài chính để phân tích tình hình tài chính công ty.</p> <p>SV:</p> <p>(1)Tự học (nghiên cứu tài liệu).</p> <p>(2)Trả lời các câu hỏi liên quan như cách lập báo cáo, cách sử dụng chỉ số tài chính và phân tích dupont</p> <p>(3)Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm.</p>	<p>(1)Trả lời các câu hỏi của giảng viên.</p> <p>(2)Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua elearning hoặc Quizzes.</p> <p>(3)</p>	<p>[1]- Chương 3</p> <p>[2] [3] [4] [5]</p> <p>[6] [7] [8] [9]</p>

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
5	Bài tập chương 4 Kiểm tra quá trình		5	3.3_4 3.4_4	GV (1) Cho sinh viên làm bài tập (2) Đặt câu hỏi và nhận xét (3) Giao đề kiểm tra quá trình 60 phút SV (1) Làm bài tập (2) Làm bài kiểm tra	Đánh giá thuyết trình thông qua các rubric.	
6	Trình bày nhóm về phân tích tình hình tài chính		5	1.4_4 2.1_4 2.2_4 2.3_3 3.1_4 3.2_4	GV: (1) Hướng dẫn sinh viên lựa chọn doanh nghiệp phù hợp và hướng dẫn sinh viên chọn các chỉ số tài chính hợp lý. (2) Nghe sinh viên trình bày về tình hình tài chính của doanh nghiệp được chọn SV: (1) Tự học (nghiên cứu tài liệu). (2) Tìm doanh nghiệp phù hợp, tìm các báo cáo tài chính và lựa chọn các chỉ tiêu tài chính để phân tích (3) Làm việc nhóm để có powerpoint trình bày.	(1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên. (2) Trình bày phần nhóm đã làm.	[1]- Chương 4 [2][3][4][5] [6][7][8][9]

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
7	<p>Chương 5: Quản trị hoạt động đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp</p> <p>5.1. Tổng quan về dự án</p> <p>5.1.1. Khái niệm và vai trò của dự án</p> <p>5.1.2. Phân loại dự án</p> <p>5.2. Xác định dòng tiền dự án</p> <p>5.2.1. Xác định vốn đầu tư ban đầu</p> <p>5.2.2. Xác định dòng tiền hoạt động sau thuế</p> <p>5.2.3. Xác định dòng tiền kết thúc dự án</p>	5		<p>1.5_4</p> <p>2.1_4</p> <p>2.2_4</p> <p>2.3_3</p> <p>3.1_4</p> <p>3.2_4</p>	<p>GV:</p> <p>(1) Thuyết trình các nội dung lý thuyết liên quan đến khái niệm đầu tư, dự án và phân loại dự án của doanh nghiệp.</p> <p>(2) Hướng dẫn sinh viên về tầm quan trọng của việc xác định dòng tiền của dự án.</p> <p>(3) Hướng dẫn sinh viên xác định dòng tiền đầu tư ban đầu, dòng tiền sau thuế và dòng tiền kết thúc dự án</p> <p>(4) Thực hành tính toán các dòng tiền trong các bài tập cụ thể.</p> <p>SV:</p> <p>(1) Tự học (nghiên cứu tài liệu)</p> <p>(2) Trả lời các câu hỏi liên quan đến lý thuyết đầu tư và dự án</p> <p>(3) Làm các bài tập liên quan đến xác định dòng tiền của dự án</p> <p>(4) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm.</p>	<p>(1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.</p> <p>(2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua elearning hoặc Quizzes.</p>	<p>[1]- Chương 5</p> <p>[2] [3] [4] [5]</p> <p>[6] [7] [8] [9]</p>
8	<p>Chương 5: Quản trị hoạt động đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp</p>	5		<p>1.5_4</p> <p>2.1_4</p> <p>2.2_3</p>	<p>GV:</p> <p>(1) Thuyết trình các nội dung lý thuyết liên quan đến các chỉ tiêu thẩm định dự án của doanh nghiệp</p>	<p>(1) Kiểm tra tự luận và thực hành.</p> <p>(2) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.</p>	<p>[1]- Chương 6</p> <p>[2] [3] [4] [5]</p> <p>[6] [7] [8] [9]</p>

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	<p>5.3. Các chỉ tiêu thẩm định dự án đầu tư</p> <p>5.3.1. Thời gian hoàn vốn</p> <p>5.3.2. Giá trị hiện tại ròng</p> <p>5.3.3. Tỷ lệ sinh lời</p> <p>5.3.4. Tỷ suất hoàn vốn nội bộ</p> <p>5.3.5. Thẩm định dự án trong trường hợp có giới hạn ngân sách</p>			<p>2.3_3</p> <p>3.1_4</p> <p>3.2_4</p>	<p>(2)Thuyết trình về dòng tiền, nhắc lại khái niệm giá trị theo thời gian của dòng tiền và các phương pháp quy đổi dòng tiền.</p> <p>(3)Hướng dẫn sinh viên thẩm định dự án sử dụng phương pháp thời gian hoàn vốn</p> <p>(4)Hướng dẫn sinh viên thẩm định dự án sử dụng phương pháp Giá trị hiện tại ròng (NPV)</p> <p>(5)Hướng dẫn sinh viên thẩm định dự án sử dụng phương pháp thời gian Tỷ lệ sinh lời (PI)</p> <p>(6)Hướng dẫn sinh viên thẩm định dự án sử dụng phương pháp thời gian Tỷ suất hoàn vốn nội bộ (IRR)</p> <p>(7)Giao và chữa bài tập cho SV.</p> <p>SV:</p> <p>(1) Tự học (nghiên cứu tài liệu).</p> <p>(2) Trả lời các câu hỏi liên quan đến thẩm định dự án</p> <p>(3) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm.</p>	<p>(3)Làm trắc nghiệm ngân của chương thông qua elearning hoặc Quizzes.</p>	
9	<p>Bài tập chương 4 + 5</p> <p>Sinh viên trình bày nhóm về phân tích dự án</p> <p>Tổng kết môn học</p>	2	3	<p>1.5_4</p> <p>2.1_4</p> <p>2.2_4</p> <p>2.3_3</p> <p>3.1_4</p> <p>3.2_4</p>	<p>GV:</p> <p>(1) Tổng kết các nội dung môn học cho sinh viên.</p> <p>(2) Ra yêu cầu về trình bày nhóm.</p> <p>(3) Hướng dẫn sinh viên làm bài tập chương 4,5.</p> <p>SV:</p> <p>(1) Tự học (nghiên cứu tài liệu)</p> <p>(2) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm.</p>	<p>(1)Trả lời các câu hỏi của giảng viên.</p> <p>(2)Làm trắc nghiệm ngân của chương thông qua elearning hoặc Quizzes.</p>	<p>[1]- Chương 6</p> <p>[2][3][4][5]</p> <p>[6][7][8][9]</p>

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
------	----------	--------------	---------------------	--------------------	---------------------	-----------------------------------	-----------------------

(3) Trình bày phân tích dự án theo nhóm.

CDR học phần có cấu trúc: STT của CDR học phần_n

Trong đó, n là mức độ theo Bloom:

Kiến thức	1 - Biểu/Nhớ	2 - Hiểu	3 - Vận dụng	4 - Phân tích	5 - Tổng hợp	6 - Đánh giá
Thái độ	1 - Tiếp nhận	2 - Hồi đáp	3 - Đánh giá	4 - Tổ chức	5 - Tinh cách	
Kỹ năng	1 - Bất chước	2 - Thao tác được	3 - Thao tác chính xác	4 - Thao tác biến hóa	5 - Thao tác thuần thục	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

Học phần sử dụng kết hợp 8 phương pháp dạy học sau.

Phương pháp 1 (Phương pháp Thuyết trình): GV thuyết trình các nội dung lý thuyết trong môn Tài chính doanh nghiệp giúp sinh viên nắm bắt và hiểu rõ các vấn đề lý thuyết dễ dàng hơn

Phương pháp 2 (Phương pháp Vấn đáp): Kết hợp với phương pháp thuyết trình GV sử dụng các hệ thống câu hỏi liên quan đến lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, giúp SV tự rút ra được những kết luận, những vấn đề liên quan trực tiếp đến lý thuyết và ứng dụng lý thuyết trong phân tích tài chính doanh nghiệp.

Phương pháp 3 (Phương pháp Tự học): GV giao trước các nội dung cần đọc và tìm hiểu trước khi SV đến lớp, tổng hợp các nội dung kiến thức lý thuyết và các kiến thức thực tế về ngành nghề về tài chính doanh nghiệp. Tự học giúp SV rèn luyện kỹ năng tìm kiếm thông tin, tra cứu tài liệu liên quan đến các tài chính doanh nghiệp như các thông tin các báo cáo tài chính của doanh nghiệp, các thông tin kinh tế, thị trường tài chính...; rèn luyện kỹ năng phân tích về tình hình tài chính, quyết định quản lý tài chính của nhà quản trị tài chính.

Phương pháp 4 (Phương pháp Thảo luận) GV đưa ra các vấn đề thực tế liên quan đến tài chính doanh nghiệp và tổ chức cuộc đối thoại giữa người học với người học hoặc giữa người học với giảng viên. Thảo luận có thể giúp người học khai thác được nhiều khía cạnh của một vấn đề, giúp người học phát triển khả năng trao đổi, trình bày suy nghĩ và quan điểm một cách rõ ràng, phát triển năng lực phân tích, tổng hợp.

Phương pháp 5 (Phương pháp Làm việc nhóm): GV tổ chức người học thành các nhóm nhỏ (5-7 người); mỗi thành viên trong nhóm vừa có trách nhiệm tự học tập vừa có trách nhiệm chia sẻ, giúp đỡ các thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giảng viên đã giao.

Phương pháp 6 (Phương pháp Tình huống): GV cung cấp cho người học tình huống dạy học như phân tích tài chính của một doanh nghiệp cụ thể, quyết định đầu tư trong doanh nghiệp..., người học tìm hiểu, phân tích và hành động trong tình huống đã cho. Phương pháp này giúp NH tăng tính thực tiễn ứng dụng. Ngoài ra, dạy học bằng phương pháp nghiên cứu tình huống cũng tạo cơ hội cho người học phát triển toàn diện các kỹ năng như: kỹ năng phân tích để xác định và giải quyết vấn đề, kỹ năng xây dựng và viết tình huống, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, kỹ năng trình bày vấn đề/quan điểm trước tập thể, kỹ năng tranh luận và bảo vệ ý kiến.

Phương pháp 7 (Phương pháp Đóng vai): GV yêu cầu SV là những nhà quản trị tài chính thực tế. SV tìm kiếm các thông tin, dữ liệu về doanh nghiệp cụ thể, tiến hành phân tích và đánh giá từ đó đưa ra các quyết định tài chính.

Phương pháp 8 (Phương pháp Thực hành): GV thực hành, làm mẫu trên excel.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Học phần sử dụng 05 phương pháp đánh giá kết quả học tập:

- Chuyên cần (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm);
- Trắc nghiệm (công cụ: E-Learning hoặc Quizzes, đáp án, trong quá trình học);

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

14

- Thực hành (công cụ đánh giá: rubric);
- Báo cáo tiểu luận nhóm (công cụ đánh giá: rubric);
- Tự luận: kiểm tra quá trình và thi kết thúc học phần (công cụ đánh giá: đáp án; thời gian: 90 phút).

Điểm quá trình = Điểm kiểm tra tự luận*50% + Điểm chuyên cần*20%
+ 30%*Đánh giá nhóm

Điểm tổng kết = Điểm quá trình * 30% + Điểm thi * 70%.

Thi kết thúc học phần là bài thi tự luận trên giấy, thời gian 90 phút.

7. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP PHÙ HỢP VỚI CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp dạy - học							Phương pháp đánh giá					
		Phương pháp	Phương pháp Vấn	Phương pháp Tự	Phương pháp Thảo	Phương pháp làm việc	Phương pháp Tình	Phương pháp Đóng	Phương pháp Thực	Chuyên cần	Trắc nghiệm	Tự luận	Thực hành	Báo cáo tiểu luận nhóm
1.	Hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản về hệ thống các khái niệm, thuật ngữ trong tài chính, hệ thống các kiến thức về các phương pháp và quy trình phân tích tài chính													
1.1.	Trình bày và vận dụng đúng các thuật ngữ tài chính trong các tình huống cụ thể	x	x	x	x	x	x			x	x	x		
1.2.	Giải thích và áp dụng được các phương pháp phân tích tài chính trong doanh nghiệp	x	x	x	x	x	x			x	x	x		
1.3.	Vận dụng được phân tích kỹ thuật để lựa chọn thời điểm đầu tư và ứng dụng trên thị trường chứng khoán ảo	x	x	x	x	x	x			x	x	x		
1.4.	Phân tích và tổng hợp được tình hình tài chính của doanh nghiệp	x	x	x	x	x	x			x	x	x		x
1.5.	Phân tích và tính toán được dòng tiền và các chỉ tiêu thẩm định dự án đầu tư để ra quyết định tài chính	x	x	x	x	x	x			x	x	x		
2.	Thể hiện được kỹ năng liên quan đến quy trình thực hiện phân tích, đánh giá tình hình tài chính của các công ty và phân tích và thiết lập một bản kế hoạch tài chính về dự án đầu tư dài hạn.													
2.1.	Có khả năng tìm kiếm các thông tin và các dữ liệu về tài chính doanh nghiệp					x	x	x	x		x	x	x	x
2.2.	Sử dụng các công cụ phân tích để phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp		x	x	x	x	x	x	x			x	x	x

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp dạy - học							Phương pháp đánh giá					
		Phương pháp	Phương pháp Vấn	Phương pháp Tự	Phương pháp Thảo	Phương pháp làm việc	Phương pháp Tình	Phương pháp Đóng	Phương pháp Thực	Chuyên cần	Tác nghiệm	Tự luận	Thực hành	Báo cáo tiểu luận nhóm
2.3.	Có khả năng làm việc nhóm trong việc trình bày và thảo luận một số vấn đề thực tế về tài chính doanh nghiệp			x	x	x	x	x	x	x		x	x	x
3.	Nhận thức đúng vai trò quan trọng của quản trị tài chính doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.													
3.1.	Ham thích tìm hiểu về các vấn đề tài chính doanh nghiệp và các vấn đề liên quan				x	x			x	x		x	x	x
3.2.	Sẵn sàng trong việc tiếp cận với những vấn đề mới và phát triển khả năng tự học của bản thân				x	x		x	x	x		x	x	x

8. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY

Tài liệu chính:

1. Lưu Thị Hương & Ngô Thị Quyên (2019), *Quản trị tài chính doanh nghiệp*, NXB Đại học Quốc Gia.

Tài liệu tham khảo:

2. Nguyễn Minh Kiều (2010), *Tài Chính doanh nghiệp căn bản*, NXB Thống kê.
3. Cornect, Marcia Millon (2009), *Finance*, NXB McGraw – Hill/Irwin.
4. Ngô Thị Quyên & Chu Thị Thu Thủy (2020), *Tập bài giảng tài chính doanh nghiệp*, Lưu hành nội bộ.

9. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Lĩnh vực chuyên môn
1.	Ngô Thị Quyên	TS	Tài chính - Ngân hàng

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Lĩnh vực chuyên môn
2.	Chu Thị Thu Thủy	TS	Tài chính - Ngân hàng; Kế toán - Kiểm toán
3.	Lê Thị Thanh Nhân	Ths	Tài chính - Ngân hàng
4.	Thân Thế Sơn Tùng	Ths	Tài chính - Ngân hàng

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

Khoa Kinh tế - Quản lý và Bộ môn Tài chính - Ngân hàng có trách nhiệm phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể giảng viên tham gia giảng dạy thực hiện.

Giảng viên có nhiệm vụ:

- Phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể người học vào tiết học đầu tiên của học phần;
- Thực hiện theo đúng nội dung và kế hoạch giảng dạy trong đề cương chi tiết đã được duyệt;
- Thiết lập MS team của lớp giảng dạy nhằm cung cấp tài liệu, giải đáp thắc mắc của sinh viên;
- Hướng dẫn sinh viên thiết lập tài khoản chứng khoán ảo trước khi tham gia vào lớp, thiết lập nhóm đầu tư tài chính trên trang web chứng khoán của trường;
- Lập kế hoạch tổ chức hoạt động trên lớp trước buổi học; chủ động tổ chức, điều phối các hoạt động để sinh viên tự học và hỗ trợ nhau trong quá trình học;
- Luôn tạo mọi cơ hội để SV cải thiện trình độ, cải thiện điểm.

TRƯỞNG KHOA



GS.TS. Nguyễn Khắc Minh

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Ngô Thị Quyên

NGƯỜI BIÊN SOẠN



Th.S. Thân Thế Sơn Tùng

11. PHỤ LỤC A: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)

11.1. Phụ lục 1. Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm
		Rất tốt	Tốt	Đạt yêu cầu	Không đạt	
		10-8,5	8,4-7	6,9-5	4,9-0	
Mức độ tham dự theo TKB	50%	Tham dự >90% số buổi	Tham dự >80% đến 90% số buổi	Tham dự >=70% đến 80% số buổi	Tham dự <70% số buổi	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập	50%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu trả lời nhiều câu hỏi, bài tập	Có đặt, trả lời > 2 câu hỏi, bài tập	Có đặt trả lời ít nhất 1 câu hỏi, bài tập	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

11.2. Phụ lục 2. Rubric đánh giá nhóm

Tiêu chí đánh giá	Trọng số	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Điểm
		10-8,5	8,4-7	6,9-5	4,9-0	
Hình thức báo cáo	10%	Đẹp, rõ, không lỗi chính tả	-----	-----	Đơn điệu, nhiều lỗi chính tả	
Kỹ năng trình bày	10%	Nói rõ, tự tin, thuyết phục giao lưu người nghe	-----	-----	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe	
Nội dung báo cáo	40%	Đáp ứng 80%- 100% yêu cầu	Đáp ứng 70%- <80% yêu cầu	Đáp ứng 50%- <70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	
Trả lời câu hỏi	20%	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi	Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi	Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi	
Tham gia thực hiện	20%	>80- 100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	60% đến <80% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	>40% đến < 60% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	< 40% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	

12. PHỤ LỤC B: MA TRẬN ĐỀ THI

Hình thức thi: Bài thi trên giấy và thực hành trên máy tính. Nộp bài thi trên hệ thống. Giảng viên chấm điểm cả bài thi trên giấy và trên máy.

Thời gian: 90 phút (gồm cả thời gian nộp bài)

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Vận dụng mức cao	Tổng
1.	Chương 1- Tổng quan về tài chính doanh nghiệp					2 câu 1,5 điểm 15%
1.1.	Một số công thức cơ bản sử dụng trong tính toán doanh thu, chi phí			1 câu 0,5 điểm 5%		1 câu 0,5 điểm 5%
1.2.	Quy đổi dòng tiền cơ bản			1 câu 1 điểm 10%		1 câu 1 điểm 10%
2.	Chương 2- Tổng quan về nguồn vốn trong doanh nghiệp					3 câu 2 điểm 20%
2.1.	Định giá trái phiếu			1 câu 0,5 điểm 5%		1 câu 0,5 điểm 5%
2.2.	Xác định chi phí lãi vay trong doanh nghiệp			1 câu 0,5 điểm 5%		1 câu 0,5 điểm 5%
2.3.	Xác định cổ tức trả trong năm và lợi nhuận để lại				1 câu 1 điểm 10%	1 câu 1 điểm 10%
3	Chương 3- Tổng quan về tài sản trong doanh nghiệp					3 câu 1,5 điểm 15%
3.1	Xác định lãi/lỗ khi thanh lý tài sản đã qua sử dụng		1 câu 0,5 điểm 5%			1 câu 0,5 điểm 5%
3.2	Xác định giá trị còn lại của tài sản đã qua sử dụng			1 câu 0,5 điểm 5%		1 câu 0,5 điểm 5%
3.3	Xác định chiết khấu thanh toán cho khách hàng hưởng			1 câu 0,5 điểm 5%		1 câu 1 điểm 5%
4	Chương 4 – Phân tích tài chính trong doanh nghiệp					3 câu 3,0 điểm 30%

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

20

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Vận dụng mức cao	Tổng
4.1	Tính lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp			1 câu 1 điểm 10%		1 câu 1 điểm 10%
4.2	Xác định thông tin của báo cáo tài chính còn thiếu sử dụng các công thức chỉ số tài chính			1 câu 0,5 điểm 5%		1 câu 0,5 điểm 5%
4.3	Xác định tác động của các nhân tố cấu thành lên ROE, ROA của công ty qua các năm sử dụng công thức dupont				1 câu 1,5 điểm 15%	1 câu 1,5 điểm 15%
5	Chương 5 – Quản trị hoạt động đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp					3 câu 2,0 điểm 20%
5.1	Xác định dòng tiền sau thuế ở các thời điểm khác nhau của dự án			2 câu 0,5 điểm 10%		2 câu 0,5 điểm 10%
5.2	Thẩm định dự án sử dụng các phương pháp thẩm định như NPV, PI hoặc PP				1 câu 1 điểm 10%	1 câu 1 điểm 10%
	Tổng số câu	0	1 câu	10 câu	3 câu	14 câu
	Tổng số điểm	0	0,5 điểm	6 điểm	3.5 điểm	10 điểm
	Tỷ lệ %	0 %	5 %	60%	35 %	100%



Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

10. Nguyên lý kế toán – AC201

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1 Tên học phần	<i>Tiếng Việt:</i> Nguyên lý kế toán <i>Tiếng Anh:</i> Accounting Principles
1.2 Mã học phần	AC201
1.3 Thuộc khối kiến thức	Cơ sở khối ngành
1.4 Tính chất của học phần	Bắt buộc
1.5 Khoa phụ trách	Khoa Kinh tế - Quản lý
1.6 Số tín chỉ	03
1.7 Điều kiện tiên quyết	Sinh viên tích lũy đủ 40 tín chỉ
1.8 Thời lượng giảng dạy trực tiếp	26 giờ lý thuyết + 19 giờ bài tập
1.9 Thời lượng giảng dạy kết hợp E-Learning	
1.10 Ngày ban hành	21/4/2022

2. YÊU CẦU CỦA HỌC PHẦN

Về kiến thức, yêu cầu sinh viên phải tích lũy đủ 40 tín chỉ trước khi đăng ký học phần này.

Về trang thiết bị, lớp học cần được trang bị máy tính, máy chiếu để thuyết giảng, thuyết trình; sinh viên cần in sẵn các tài liệu để phục vụ cho việc học tập.

Về nội quy, giảng viên yêu cầu sinh viên nghiêm túc thực hiện Nội quy lớp học và:

- Theo dõi và thực hiện các thông báo hướng dẫn học tập của giảng viên trong msteam của lớp (nếu có);

- Phải tham gia học ít nhất 70% số giờ quy định;

- Đi học muộn quá 15 phút thì không được vào lớp và được coi là nghỉ buổi học đó;

- Hoàn thành bài tập giảng viên giao trước khi đến lớp;

- Làm đầy đủ 01 bài kiểm tra của học phần;

- Bắt buộc làm bài thi cuối kỳ.

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Nguyên lý kế toán cung cấp những nội dung cơ bản về kế toán trong doanh nghiệp bao gồm:

- Các nguyên tắc kế toán được chấp nhận rộng rãi.
- Giới thiệu về các đối tượng của kế toán.
- Trình bày 4 phương pháp kế toán: phương pháp chứng từ, phương pháp tính giá, phương pháp đối ứng tài khoản và phương pháp tổng hợp cân đối.
- Vận dụng các phương pháp để hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế cơ bản trong doanh nghiệp.
- Lập một số báo cáo tài chính ở dạng đơn giản.

3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra
CO1: Hiểu các nguyên lý cơ bản trong kế toán.	1.1. Hiểu rõ các nguyên tắc kế toán được chấp nhận rộng rãi.
	1.2. Phân biệt rõ các đối tượng của hạch toán kế toán.
	1.3. Nhận diện rõ bốn nhóm tài khoản cơ bản.
	1.4. Nhận biết rõ các yếu tố bắt buộc và không bắt buộc trên chứng từ.
	1.5. Nắm vững quy trình các bước cơ bản trong ghi sổ kế toán và tổ chức bộ máy kế toán.
CO2: Vận dụng các phương pháp kế toán trong hạch toán nghiệp vụ.	2.1. Biết tính giá trị ghi sổ của các đối tượng kế toán ở mức độ đơn giản.
	2.2. Nắm rõ cách định khoản và ghi sổ kép một số nghiệp vụ kinh tế cơ bản.
	2.3. Lập một số báo cáo tài chính ở dạng đơn giản.
CO3: Thể hiện năng lực chủ động học tập và thái độ hành xử chuyên nghiệp.	3.1. Thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp, có tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp.
	3.2. Thể hiện năng lực chủ động học hỏi, tự học và duy trì đam mê học tập suốt đời.

3.2. Chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT			
		1.3.2.	2.1.2.	2.2.2.	4.2.1.
1.	Hiểu các nguyên lý cơ bản trong kế toán.				
1.1.	Hiểu rõ các nguyên tắc kế toán được chấp nhận rộng rãi.	2			
1.2.	Phân biệt rõ các đối tượng của hạch toán kế toán.	2			
1.3.	Nhận diện rõ bốn nhóm tài khoản cơ bản.	3			2
1.4.	Nhận biết rõ các yếu tố bắt buộc và không bắt buộc trên chứng từ.	2			2
1.5.	Nắm vững quy trình các bước cơ bản trong ghi sổ kế toán và tổ chức bộ máy kế toán.	2			
2.	Vận dụng các phương pháp kế toán trong hạch toán nghiệp vụ.				
2.1.	Biết tính giá trị ghi sổ của các đối tượng kế toán ở mức độ đơn giản.	3		2	2
2.2.	Nắm rõ cách định khoản và ghi sổ kép một sổ nghiệp vụ kinh tế cơ bản.	3		2	2
2.3.	Lập một sổ báo cáo tài chính ở dạng đơn giản.	2		2	1
3.	Thể hiện năng lực chủ động học tập và thái độ hành xử chuyên nghiệp.				
3.1.	Thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp, có tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp.		3		
3.2.	Thể hiện năng lực chủ động học hỏi, tự học và duy trì đam mê học tập suốt đời.			2	

Kiến thức 1 - Biết/Nhớ 2 - Hiểu 3 - Vận dụng 4 - Phân tích 5 - Tổng hợp 6 - Đánh giá

Thái độ 1 - Tiếp nhận 2 - Hồi đáp 3 - Đánh giá 4 - Tổ chức 5 - Tính cách

Kỹ năng 1 - Bắt chước 2 - Thao tác được 3 - Thao tác chính xác 4 - Thao tác biến hóa 5 - Thao tác thuần thục

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

4

4. KẾ HOẠCH DẠY - HỌC

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
1	Chương 1: Bản chất của hạch toán kế toán 1.1. Tính tất yếu khách quan của hạch toán kế toán 1.2. Hạch toán kế toán trong hệ thống các loại hạch toán 1.3. Hạch toán kế toán trong hệ thống quản lý 1.4. Các nguyên tắc kế toán được chấp nhận rộng rãi	3	2	1.1_2	SV xem tài liệu slide bài giảng chương 1. SV thảo luận các nguyên tắc kế toán. GV phổ biến nội quy lớp học và đề cương chi tiết học phần. GV giảng và lấy ví dụ minh họa về các nguyên tắc kế toán. GV giải đáp thắc mắc của sinh viên.	SV làm bài luyện tập Tuần 1 trên elearning	[1] Chương 1 [2] [3] [4]
2	Chương 2: Đối tượng và phương pháp hạch toán kế toán 2.1. Đối tượng nghiên cứu của hạch toán kế toán 2.2. Hệ thống phương pháp hạch toán kế toán	2	3	1.2_2 3.2_2	SV xem tài liệu slide bài giảng chương 2. SV thảo luận về các đối tượng nghiên cứu của kế toán. GV giảng về các đối tượng của hạch toán kế toán. GV chữa mẫu một bài tập chương 2. GV giao bài tập về nhà: Sinh viên hoàn thành bài tập của chương 2. GV giải đáp thắc mắc của sinh viên.	SV làm bài luyện tập Tuần 2 trên elearning	[1] Chương 2 [2] [3] [4]
3	Chương 3: Phương pháp chứng từ 3.1 Khái quát chung về phương pháp chứng từ 3.2 Hệ thống bản chứng từ	3	2	1.4_2 3.1_2	SV xem tài liệu slide bài giảng chương 3. SV thảo luận về các yếu tố của chứng từ. GV chữa bài tập chương 2.	SV làm bài luyện tập Tuần 3 trên elearning	[1] Chương 3 [2] [3]

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

5

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	3.3 Luận chuyên chứng từ				GV giới thiệu các mẫu biểu chứng từ kế toán. GV giao bài tập về nhà: Sinh viên hoàn thành bài tập lập chứng từ của chương 3. GV giải đáp thắc mắc của sinh viên.	Kiểm tra bài tập chương 2	
4	Chương 4: Phương pháp tính giá 4.1 Khái niệm và sự cần thiết của phương pháp tính giá 4.2 Yêu cầu và nguyên tắc tính giá 4.3 Phương pháp tính giá tài sản mua vào 4.4 Phương pháp tính giá sản phẩm, dịch vụ sản xuất	3	2	2.1_3 3.2_2	SV xem tài liệu slide bài giảng chương 4. SV thảo luận về phương pháp tính giá đối với tài sản mua vào và giá thành sản phẩm. GV chữa bài tập chương 3. GV giảng về phương pháp tính giá tài sản mua vào và tính giá thành sản phẩm. GV giao bài tập về nhà: Sinh viên làm bài tập nội dung tính giá tài sản mua vào và tính giá thành sản phẩm. GV giải đáp thắc mắc của sinh viên.	SV làm bài luyện tập Tuần 4 trên elearning Kiểm tra bài tập chương 3	[1] Chương 4 [2] [3] [4]
5	Chương 4: Phương pháp tính giá 4.5 Phương pháp tính giá vốn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ và giá vật tư xuất dùng cho sản xuất kinh doanh	2	3	2.1_3 3.2_2	SV xem tài liệu slide bài giảng chương 4. SV thảo luận về các phương pháp tính giá xuất của hàng tồn kho. GV chữa bài tập nội dung tính giá tài sản mua vào và tính giá thành sản phẩm. GV giảng nội dung tính giá xuất của hàng tồn kho.	SV làm bài luyện tập Tuần 4 trên elearning Kiểm tra bài tập chương 4	[1] Chương 4 [2] [3] [4]

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

6

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
					GV giao bài tập về nhà: Sinh viên làm bài tập tính giá xuất của hàng tồn kho. GV giải đáp thắc mắc của sinh viên.		
6	Chương 5: Phương pháp đối ứng tài khoản 5.1 Khái quát về phương pháp đối ứng tài khoản 5.2 Tài khoản kế toán 5.3 Quan hệ đối ứng và phương pháp ghi sổ kép	2	1	1.3_3 2.2_3 3.1_2 3.2_2	SV xem tài liệu slide bài giảng chương 5. SV thảo luận về kết cấu của tài khoản kế toán. GV chữa bài tập chương 4. GV giảng nội dung phương pháp đối ứng tài khoản. GV chữa mẫu 1 bài tập chương 5 GV giao bài tập về nhà: Sinh viên làm bài tập chương 5. GV giải đáp thắc mắc của sinh viên.	SV làm bài luyện tập Tuần 5 trên elearning Kiểm tra bài tập chương 4	[1] Chương 5 [2] [3]
	Chương 6: Hệ thống tài khoản kế toán 6.1 Sự cần thiết hình thành và những đặc trưng của hệ thống tài khoản kế toán 6.2 Phân loại tài khoản kế toán 6.3 Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp	1	1	1.3_3 3.1_2 3.2_2	SV xem tài liệu slide bài giảng chương 6. SV thảo luận về tài khoản hỗn hợp. GV chữa bài tập chương 5. GV giảng nội dung hệ thống tài khoản kế toán. GV giao bài tập về nhà: Sinh viên làm bài tập chương 6. GV giải đáp thắc mắc của sinh viên.	SV làm bài luyện tập Tuần 6 trên elearning Kiểm tra bài tập chương 5	[1] Chương 6 [2] [3]
7	Chương 7: Hạch toán các quá trình kinh doanh chủ yếu	3	2	1.1_3 1.2_2	SV xem tài liệu slide bài giảng chương 7.	SV làm bài luyện tập	[1] Chương 8 [2]

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

7

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	7.1 Khái quát về quá trình kinh doanh và nhiệm vụ hạch toán 7.2 Hạch toán quá trình cung cấp 7.3 Hạch toán quá trình sản xuất			1.3_3 2.1_3 2.2_3 3.1_3 3.2_2	SV thảo luận về các phương pháp hạch toán quá trình cung cấp và quá trình sản xuất. GV chữa bài tập chương 6. GV giảng nội dung hạch toán quá trình cung cấp và hạch toán quá trình sản xuất. GV giao bài tập về nhà: Sinh viên làm bài tập chương 7. GV giải đáp thắc mắc của sinh viên.	Tuần 7 trên elearning Kiểm tra bài tập chương 6	[3] [4]
8	Chương 7: Hạch toán các quá trình kinh doanh chủ yếu 7.4 Hạch toán quá trình tiêu thụ	1	2	1.1_3 1.2_2 1.3_3 2.1_3 2.2_3 3.1_3 3.2_2	SV làm bài kiểm tra quá trình. SV xem tài liệu slide bài giảng chương 7. SV thảo luận về phương pháp hạch toán quá trình tiêu thụ. GV chữa bài tập chương 7. GV giảng nội dung hạch toán quá trình tiêu thụ. GV giao bài tập về nhà: Sinh viên làm bài tập chương 7. GV giải đáp thắc mắc của sinh viên.	SV làm bài kiểm tra quá trình. SV làm bài luyện tập Tuần 7 trên elearning Kiểm tra bài tập chương 7	[1] Chương 8 [2] [3] [4]
	Chương 8: Phương pháp tổng hợp cân đối 8.1 Khái quát chung về phương pháp tổng hợp cân đối	1	1	1.1_3 1.2_2 1.3_3 2.3_3	SV xem tài liệu slide bài giảng chương 8. SV thảo luận về phương pháp tổng hợp cân đối. GV chữa bài tập chương 7. GV giảng nội dung lập báo cáo tài chính.	SV làm bài luyện tập Tuần 8 trên elearning	[1] Chương 7 [2] [3] [4]

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

8

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	8.2 Hệ thống báo cáo tài chính trong doanh nghiệp			3.1_2 3.2_2	GV giao bài tập về nhà. Sinh viên làm bài tập chương 8. GV giải đáp thắc mắc của sinh viên.	Kiểm tra bài tập chương 7	
9	Chương 9: Sổ kế toán và hình thức sổ kế toán 9.1 Sổ kế toán 9.2 Các hình thức sổ kế toán cơ bản	2		1.5_1 3.1_2 3.2_2	SV xem tài liệu slide bài giảng chương 9. SV thảo luận về các bước trong quy trình ghi sổ kế toán. GV chữa bài tập chương 8. GV giảng nội dung sổ kế toán. GV giải đáp thắc mắc của sinh viên.	SV làm bài luyện tập Tuần 9 trên clearning Kiểm tra bài tập chương 8	[1] Chương 9 [2] [3]
	Chương 10: Bộ máy kế toán và mô hình tổ chức bộ máy kế toán 10.1 Bộ máy kế toán 10.2 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán Tổng kết môn học	3		1.5_1 3.1_2 3.2_2	SV xem tài liệu slide bài giảng chương 10. SV thảo luận về cách tổ chức các loại hình bộ máy kế toán. GV giảng nội dung tổ chức bộ máy kế toán. GV chữa bài tập tổng hợp. SV đặt câu hỏi, GV trả lời. Công bố điểm quá trình.	SV làm bài luyện tập Tuần 9 trên clearning	[1] Chương 10 [2] [3]

CDR học phần có cấu trúc: STT của CDR học phần_n

Trong đó, n là mức độ theo Bloom:

Kiến thức	1 - Biết/Nhớ	2 - Hiểu	3 - Vận dụng	4 - Phân tích	5 - Tổng hợp	6 - Đánh giá
Thái độ	1 - Tiếp nhận	2 - Hỏi đáp	3 - Đánh giá	4 - Tổ chức	5 - Tính cách	
Kỹ năng	1 - Bất chuẩn	2 - Thao tác được	3 - Thao tác chính xác	4 - Thao tác biến hóa	5 - Thao tác thuần thục	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

Học phần triển khai kết hợp nhiều phương pháp dạy học sau:

Phương pháp Thuyết trình: Giảng viên trình bày kiến thức mới, cập nhật những thông tin không có trong sách, tổng kết những kiến thức mà người học đã tiếp nhận một cách có hệ thống.

Phương pháp Bài tập: Giảng viên giao bài tập cho người học chuẩn bị trước khi đến lớp hoặc sau giờ học. Trong giờ bài tập, giảng viên có thể tổ chức thảo luận, chữa bài tập.

Phương pháp Thảo luận: Giảng viên tổ chức cuộc đối thoại giữa người học với người học hoặc giữa người học với giảng viên nhằm huy động trí tuệ của người học để đưa ra những giải pháp, kiến nghị hoặc những quan niệm mới để giải quyết một vấn đề. Thảo luận có thể giúp người học khai thác được nhiều khía cạnh của một vấn đề, giúp người học phát triển khả năng trao đổi, trình bày suy nghĩ và quan điểm một cách rõ ràng, phát triển năng lực phân tích, tổng hợp.

Phương pháp Tự học: Tự học là hình thức tổ chức dạy - học cơ bản ở bậc đại học, đặc biệt là trong đào tạo theo học chế tín chỉ. Tự học là một hình thức hoạt động nhận thức của cá nhân nhằm nắm vững hệ thống tri thức và kỹ năng do chính bản thân người học tiến hành ngoài giờ học ở lớp, theo hoặc không theo chương trình đã được qui định. Tự học giúp người học rèn luyện kỹ năng tìm kiếm thông tin, tra cứu tài liệu và khám phá tri thức; rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp và tổng quát hóa tri thức; rèn luyện đức tính kiên trì, tư duy phê phán và ý chí phấn đấu; bồi dưỡng hứng thú học tập, say mê nghiên cứu khoa học và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Phương pháp kết hợp E-Learning: Dạy - học kết hợp E-Learning là phương pháp dạy - học trong đó giảng viên thiết kế xây dựng bài giảng số, hệ thống câu hỏi, bài tập để người học có thể dễ dàng tự học phân lý thuyết trước khi học trực tiếp với giảng viên. Phương pháp này tạo điều kiện cho người học chủ động học tập theo năng lực của bản thân, rèn luyện khả năng học tập suốt đời đồng thời giúp cho giảng viên tổ chức hoạt động trên lớp hiệu quả hơn.

Các phương pháp dạy - học trên tạo điều kiện cho người học thành thạo các kỹ năng chuyên môn, đạt chuẩn đầu ra của học phần, rèn luyện khả năng học tập suốt đời, đồng thời giúp cho giảng viên tổ chức hoạt động trên lớp hiệu quả hơn.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Học phần sử dụng 04 phương pháp đánh giá kết quả học tập:

- **Chuyên cần và thái độ học tập** (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm);
- **Bài tập** (công cụ đánh giá: đáp án, trong quá trình học);
- **Trắc nghiệm – Bài luyện tập trên elearning** (công cụ đánh giá: đáp án, trong quá trình học);

10

- **Tự luận** (công cụ đánh giá: đáp án; đối với 01 bài kiểm tra quá trình, thời gian 50 phút và 01 bài thi cuối kỳ, thời gian 90 phút).

Điểm quá trình = Điểm kiểm tra quá trình * 70% + Điểm chuyên cần, thái độ học tập * 20% + Điểm trung bình bài luyện tập tuần * 10%.

Điểm tổng kết = Điểm quá trình * 30% + Điểm thi * 70%.

7. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP PHÙ HỢP VỚI CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp dạy - học					Phương pháp đánh giá			
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Tự học	Kết hợp E-learning	Chuyên cần và thái độ học tập	Bài tập	Tiểu nghiệm	Tự luận
1.	Hiểu các nguyên lý cơ bản trong kế toán.									
1.1.	Hiểu rõ các nguyên tắc kế toán được chấp nhận rộng rãi.	x	x			x	x		x	x
1.2.	Phân biệt rõ các đối tượng của hạch toán kế toán.	x	x	x	x	x	x	x	x	x
1.3.	Nhận diện rõ bốn nhóm tài khoản cơ bản.	x	x	x	x	x	x	x	x	x
1.4.	Nhận biết rõ các yếu tố bắt buộc và không bắt buộc trên chứng từ.	x	x	x	x	x	x	x	x	x
1.5.	Nắm vững quy trình các bước cơ bản trong ghi sổ kế toán và tổ chức bộ máy kế toán.	x		x		x	x		x	x
2.	Vận dụng các phương pháp kế toán trong hạch toán nghiệp vụ.									
2.1.	Biết tính giá trị ghi sổ của các đối tượng kế toán ở mức độ đơn giản.	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2.2.	Nắm rõ cách định khoản và ghi sổ kép một số nghiệp vụ kinh tế cơ bản.	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2.3.	Lập một số báo cáo tài chính ở dạng đơn giản.	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3.	Thể hiện năng lực chủ động học tập và thái độ hành xử chuyên nghiệp.									
3.1.	Thể hiện thái độ hành xử chuyên nghiệp, có tinh thần hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp.		x	x			x			x

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

11

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp dạy - học					Phương pháp đánh giá			
		Thuyết trình	Bài tập	Thảo luận	Tự học	Kết hợp E-Learning	Chuyên cần và thái độ học tập	Bài tập	Trắc nghiệm	Tự luận
3.2.	Thể hiện năng lực chủ động học hỏi, tự học và duy trì đam mê học tập suốt đời.		X			X	X		X	X

8. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY

Tài liệu chính:

[1] Th.s. Đoàn Thị Hồng Nhung (2019), “*Bài giảng Nguyên lý kế toán*”, Tài liệu lưu hành nội bộ.

Tài liệu tham khảo:

[2] TS. Trần Quý Liên, TS. Trần Văn Thuận, TS. Phạm Thành Long (2012), “*Nguyên lý kế toán*” (Tái bản lần thứ tư), NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

[3] Trần Đình Khôi Nguyên, (2015), “*Giáo trình nguyên lý kế toán*”, NXB Chính trị quốc gia.

[4] Weygant, Kieso, Kimmel (2012), “*Accounting Principles*”, Edition 10th, John Wiley & Sons, Inc.

9. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Lĩnh vực chuyên môn
1.	Nguyễn Thanh Huyền	Tiến sỹ	Kế toán quản trị
2.	Đoàn Thị Hồng Nhung	Tiến sỹ	Kế toán tài chính
3.	Đào Diệu Hằng	Thạc sỹ	Kế toán tài chính
4.	Nguyễn Thu Hoài	Thạc sỹ	Kế toán tài chính
5.	Mai Thanh Thủy	Thạc sỹ	Kế toán tài chính
6.	Nguyễn Thị Hồng Anh	Thạc sỹ	Kế toán tài chính
7.	Nguyễn Trung Thủy Linh	Thạc sỹ	Kế toán tài chính

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Khoa Kinh tế - Quản lý và Bộ môn Kế toán có trách nhiệm phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể giảng viên tham gia giảng dạy thực hiện.

- Giảng viên có nhiệm vụ phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể người học vào tiết học đầu tiên của học phần.

- Giảng viên thực hiện theo đúng nội dung và kế hoạch giảng dạy trong đề cương chi tiết học phần đã được duyệt.

TRƯỞNG KHOA



GS.TS. Nguyễn Khắc Minh

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thanh Huyền

NGƯỜI BIÊN SOẠN



TS. Đoàn Thị Hồng Nhung

PHỤ LỤC A: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)

Rubrics 1. Tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ học tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tham gia lớp học	Đi học đầy đủ số buổi theo yêu cầu	Vắng học hơn 10% so với quy định (5 tiết/ 50 tiết)	Vắng học từ 10% đến hơn 20% so với quy định (10 tiết/ 50 tiết)	Vắng học từ 25% đến hơn 30% so với quy định (12 tiết/ 50 tiết)	Vắng học quá 30% số giờ theo quy định (15 tiết/ 50 tiết)	50%
Vào lớp học đúng giờ	Luôn đi học đúng giờ	Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút)	Vào lớp muộn 3-4 buổi	Vào lớp muộn 5-6 buổi	Vào lớp muộn >6 buổi	20%
Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo, ...)	Tích cực tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (> 75% N) (N được tính 100% hoạt động)	Thường xuyên tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~75% N hoạt động)	Có tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~50% N hoạt động)	Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~25% N hoạt động)	Không tham gia các hoạt động trên lớp	15%
Thực hiện nhiệm vụ tự học (chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm bài tập về nhà, ...)	Làm trên 75% bài tập cá nhân.	Làm trên 50% đến 75% bài tập cá nhân.	Làm trên 25% đến 50% bài tập cá nhân.	Làm tối đa 25% bài tập cá nhân.	Không làm bài tập cá nhân.	15%

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

11. Quản trị học đại cương – BA102

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1	Tên học phần	<i>Tiếng Việt:</i> Quản trị học đại cương <i>Tiếng Anh:</i> Fundamentals of Management
1.2	Mã học phần	BA102
1.3	Thuộc khối kiến thức	Cơ sở khối ngành
1.4	Tính chất của học phần	Bắt buộc
1.5	Khoa phụ trách	Khoa Kinh tế - Quản lý
1.6	Số tín chỉ	03
1.7	Điều kiện tiên quyết	
1.8	Thời lượng giảng dạy trực tiếp	30 giờ lý thuyết + 15 giờ bài tập
1.9	Thời lượng giảng dạy kết hợp E-Learning	
1.10	Ngày ban hành	21/4/2022

2. YÊU CẦU CỦA HỌC PHẦN

Về kiến thức và kỹ năng, học phần yêu cầu sinh viên phải được trang bị trước những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, có kỹ năng truyền đạt vấn đề.

Về trang thiết bị, lớp học cần được trang bị máy tính, máy chiếu để thuyết giảng, thuyết trình; sinh viên cần in sẵn các tài liệu để phục vụ cho việc học tập.

Về nội quy, sinh viên phải nghiêm túc thực hiện Nội quy lớp học và:

- Theo dõi và thực hiện các thông báo hướng dẫn học tập của giảng viên trong msteam của lớp (nếu có);

- Phải tham gia học ít nhất 70% số giờ quy định;

- Đi học muộn quá 15 phút thì không được vào lớp và được coi là nghỉ buổi học đó;

- Hoàn thành bài tập giảng viên giao trước khi đến lớp;

- Làm đầy đủ 01 bài kiểm tra của học phần;

- Bắt buộc làm bài thi kết thúc học phần cuối kỳ.

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Quản trị học đại cương nhằm cung cấp cho người học những kiến thức hệ thống về các quan điểm lý luận về quản trị tổ chức, trong đó nhấn mạnh đến sự thích ứng

của lý thuyết đối với những thách thức của quản trị kinh doanh trong bối cảnh cạnh tranh năng động và mang tính toàn cầu. Học phần đề cập đến những kiến thức tổng quát về quản trị và môi trường quản trị, các chức năng và các nguyên tắc quản trị trong các tổ chức, đồng thời phát triển các năng lực quản trị để đáp ứng những đòi hỏi của nghề nghiệp trong tương lai.

3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra
CO1: Nắm vững kiến thức về quản trị, các quan điểm lý luận về quản trị tổ chức, môi trường quản trị, nguyên tắc và các chức năng quản trị trong tổ chức: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra.	1.1. Nhận biết được khái niệm, chức năng, vai trò của quản trị, hiểu được bản chất của quản trị 1.2. Phân biệt các quan điểm về quản trị 1.3. Hiểu được sự tác động của các yếu tố môi trường vĩ mô, vi mô và tác nghiệp ảnh hưởng đến hoạt động của tổ chức 1.4. Hiểu được vai trò của các chiến lược trong môi trường toàn cầu hóa. 1.5. Nhớ được các chức năng quản trị trong tổ chức: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra.
CO2: Hiểu và vận dụng các chức năng quản trị trong hoạt động của doanh nghiệp cụ thể.	2.1. Hiểu được xu hướng mới của nền kinh tế ảnh hưởng đến hoạt động của tổ chức 2.2. Hiểu và vận dụng các chức năng quản trị trong tổ chức: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra trong hoạt động của doanh nghiệp cụ thể
CO3: Thể hiện kỹ năng trình bày, kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; nhận thức được những cơ hội và thách thức đối với các doanh nghiệp	3.1. Trình bày và thuyết trình vấn đề thuyết phục. 3.2. Thể hiện kỹ năng tổ chức, sắp xếp công việc một cách khoa học. 3.3. Thể hiện kỹ năng phân tích, tham gia tích cực hoạt động nhóm, nhận thức được những cơ hội và thách thức đối với các doanh nghiệp trong thế kỷ 21.

3.2. Chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT				
		1.3.1.	2.1.2.	2.2.1.	3.2.1	4.2.1.
1.	Nắm vững kiến thức về quản trị, các quan điểm lý luận về quản trị tổ chức, môi trường quản trị, nguyên tắc và các chức năng quản trị trong tổ chức: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra					
1.1.	Nhận biết được khái niệm, chức năng, vai trò của quản trị, hiểu được bản chất của quản trị	1				
1.2.	Phân biệt các quan điểm về quản trị	2				

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT				
		1.3.1.	2.1.2.	2.2.1.	3.2.1	4.2.1.
1.3.	Hiểu được sự tác động của các yếu tố môi trường vĩ mô, vi mô và tác nghiệp ảnh hưởng đến hoạt động của tổ chức	2				
1.4.	Hiểu được vai trò của các chiến lược trong môi trường toàn cầu hóa.	2				
1.5.	Nhớ được các chức năng quản trị trong tổ chức: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra.	1				
2.	Hiểu và vận dụng các chức năng quản trị trong hoạt động của doanh nghiệp cụ thể					
2.1.	Hiểu được xu hướng mới của nền kinh tế ảnh hưởng đến hoạt động của tổ chức					2
2.2.	Hiểu và vận dụng các chức năng quản trị trong tổ chức: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra trong hoạt động của doanh nghiệp cụ thể			2		3
3.	Thể hiện kỹ năng trình bày, kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; nhận thức được những cơ hội và thách thức đối với các doanh nghiệp					
3.1.	Trình bày và thuyết trình vấn đề thuyết phục.					3
3.2.	Thể hiện kỹ năng tổ chức, sắp xếp công việc một cách khoa học.			2		
3.3.	Thể hiện kỹ năng phân tích, tham gia tích cực hoạt động nhóm, nhận thức được những cơ hội và thách thức đối với các doanh nghiệp trong thế kỷ 21.		2			

K: Kiến thức 1 - Biết/Nhớ 2 - Hiểu 3 - Vận dụng 4 - Phân tích 5 - Tổng hợp 6 - Đánh giá

A: Thái độ 1 - Tiếp nhận 2 - Hồi đáp 3 - Đánh giá 4 - Tổ chức 5 - Tính cách

S: Kỹ năng 1 - Bất chước 2 - Thao tác được 3 - Thao tác chính xác 4 - Thao tác biến hóa 5 - Thao tác thuần thục

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

4

4. KẾ HOẠCH DẠY - HỌC

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
1	Chương 1: Tổng quan về quản trị học 1.1. Các vấn đề cơ bản của quản trị học 1.2. Nhà quản trị	4	1	1.1_1 3.1_2	SV xem tài liệu slide bài giảng chương 1. GV phổ biến nội quy lớp học và đề cương chi tiết học phần. GV giảng và hướng dẫn làm bài tập tình huống về năng lực quản trị. GV giao bài tập thuyết trình nhóm cho các nhóm trong lớp về chủ đề năng lực quản trị GV giải đáp thắc mắc của sinh viên.	Không	[1] Chương 1 [3] [4] [5]
2	Chương 1: Tổng quan về quản trị học (tiếp) 1.3. Chức năng và vai trò của quản trị 1.4. Nhiệm vụ và kỹ năng quản trị 1.5. Bản chất của quản trị 1.6. Quản trị- một tiến trình năng động	3	2	1.1_1 3.1_2	SV xem tài liệu slide bài giảng chương 1. GV phổ biến nội quy lớp học và đề cương chi tiết học phần. GV giảng và hướng dẫn làm bài tập tình huống về tái cấu trúc tổ chức GV giao bài tập thuyết trình nhóm cho các nhóm trong lớp về chủ đề tái cấu trúc tổ chức GV chấm bài tập thuyết trình nhóm cho các nhóm trong lớp về chủ đề năng lực quản trị GV giải đáp thắc mắc của sinh viên	Kiểm tra kiến thức về năng lực quản trị	1] Chương 1 [3] [4] [5]

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

5

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
3	Chương 2: Sự phát triển của các tư tưởng quản trị 2.1. Sự ra đời của tư tưởng quản trị 2.2. Các quan điểm về quản trị 2.3. Những khuynh hướng hiện nay trong tư duy quản trị 2.4. Tích hợp các quan điểm quản trị	3	2	1.2_2 3.1_2	SV xem tài liệu slide bài giảng chương 2. GV giảng và hướng dẫn thực hành các tư tưởng quản trị GV giao bài tập thuyết trình nhóm cho các nhóm trong lớp về chủ đề các tư tưởng quản trị GV chấm bài tập thuyết trình nhóm cho các nhóm trong lớp về chủ đề tái cấu trúc tổ chức GV giải đáp thắc mắc của sinh viên.	Kiểm tra kiến thức về kỹ năng quản trị	[1] Chương 2 [2] [3] [4]
4	Chương 3: Môi trường của tổ chức 3.1. Đặc điểm của môi trường 3.2. Môi trường vĩ mô 3.3. Môi trường tác nghiệp 3.4. Quản trị trong môi trường toàn cầu	3	2	1.3_2 1.4_2 2.1_2 3.1_2 3.2_2 3.3_2	SV xem tài liệu slide bài giảng chương 3. GV giảng và giao bài tập tình huống về môi trường quản trị trong doanh nghiệp GV giao bài tập thuyết trình nhóm cho các nhóm trong lớp về chủ đề môi trường quản trị trong doanh nghiệp GV chấm bài tập thuyết trình nhóm cho các nhóm trong lớp về chủ đề các tư tưởng quản trị GV giải đáp thắc mắc của sinh viên.	Kiểm tra kiến thức về các tư tưởng quản trị	[1] Chương 3 [2] [3] [4] [5]
5	Chương 4: Hoạch định và ra quyết định 4.1. Các vấn đề cơ bản của hoạch định 4.2. Ra quyết định quản trị	4	1	1.5_1 2.2_3 3.1_2 3.2_2 3.3_2	SV xem tài liệu slide bài giảng chương 4. GV giảng và giao bài tập tình huống về hoạch định và ra quyết định quản trị GV giao bài tập thuyết trình nhóm cho các nhóm trong lớp về chủ đề hoạch định và ra quyết định GV chấm bài tập thuyết trình nhóm cho các nhóm trong lớp về chủ đề môi trường quản trị trong doanh nghiệp	Kiểm tra kiến thức về môi trường vĩ mô và môi trường tác nghiệp	[1] Chương 4 [2] [3] [4] [5]

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

6

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
					GV giải đáp thắc mắc của sinh viên.		
6	Chương 5: Tổ chức 5.1. Cơ cấu tổ chức 5.2. Chuyên môn hoá trong tổ chức 5.3. Phối hợp trong tổ chức 5.4. Quyền hành 5.5. Thiết kế tổ chức 5.6. Ứng dụng cơ cấu tổ chức	4	1	1.5_1 2.2_3 3.1_2 3.2_2 3.3_2	SV xem tài liệu slide bài giảng chương 5. GV giảng và hướng dẫn làm bài tập tình huống về thiết kế tổ chức GV giao bài tập thuyết trình nhóm cho các nhóm trong lớp về chủ đề thiết kế tổ chức GV chấm bài tập thuyết trình nhóm cho các nhóm trong lớp về hoạch định và ra quyết định. GV giải đáp thắc mắc của sinh viên.	Kiểm tra kiến thức về hoạch định và ra quyết định	[1] Chương 5 [2] [3] [4]
7	Chương 6: Lãnh đạo 6.1. Động cơ thúc đẩy	3	2	1.5_1 2.2_3 3.1_2 3.2_2 3.3_2	SV xem tài liệu slide bài giảng chương 6. GV giảng và hướng dẫn làm bài tập tình huống về động cơ thúc đẩy GV giao bài tập thuyết trình nhóm cho các nhóm trong lớp về chủ đề động cơ thúc đẩy GV chấm bài tập thuyết trình nhóm cho các nhóm trong lớp về thiết kế tổ chức GV giải đáp thắc mắc của sinh viên.	Kiểm tra kiến thức về tổ chức	[1] Chương 6 [2] [3] [4]
8	Chương 6: Lãnh đạo (tiếp) 6.2. Lãnh đạo	3	2	1.5_1 2.2_3 3.1_2 3.2_2 3.3_2	SV xem tài liệu slide bài giảng chương 6. GV giảng và hướng dẫn làm bài tập tình huống về lãnh đạo GV giao bài tập thuyết trình nhóm cho các nhóm trong lớp về chủ đề lãnh đạo GV chấm bài tập thuyết trình nhóm cho các nhóm trong lớp về động cơ thúc đẩy GV giải đáp thắc mắc của sinh viên.	Kiểm tra kiến thức về động cơ thúc đẩy	[1] Chương 6 [2] [3] [4]

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

7

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
9	Chương 7: Kiểm tra 7.1. Những yếu tố cơ bản của kiểm tra 7.2. Kiểm tra ngân ngữ và kiểm tra hiệu chỉnh 7.3. Mô hình kiểm tra hiệu chỉnh 7.4. Các phương pháp kiểm tra chính Tổng kết học phần	3	2	1.5_1 2.2_3 3.1_2 3.2_2 3.3_2	SV xem tài liệu slide bài giảng chương 7. GV giảng và hướng dẫn làm bài tập tình huống về kiểm tra GV chấm bài tập thuyết trình nhóm cho các nhóm trong lớp về lãnh đạo GV giải đáp thắc mắc của sinh viên: SV đặt câu hỏi, GV trả lời. Công bố điểm quá trình	Không	[1] Chương 8 [2] [3] [4]

CDR học phần có cấu trúc: STT của CDR học phần_n

Trong đó, n là mức độ theo Bloom:

Kiến thức	1 - Biết/Nhớ	2 - Hiểu	3 - Vận dụng	4 - Phân tích	5 - Tổng hợp	6 - Đánh giá
Thái độ	1 - Tiếp nhận	2 - Hồi đáp	3 - Đánh giá	4 - Tổ chức	5 - Tính cách	
Kỹ năng	1 - Bản chức	2 - Thao tác đọc	3 - Thao tác chính xác	4 - Thao tác biến hóa	5 - Thao tác thuần thục	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

Học phần triển khai kết hợp nhiều phương pháp dạy học sau:

Phương pháp Thuyết trình: Giảng viên trình bày kiến thức mới, cập nhật những thông tin không có trong sách, tổng kết những kiến thức mà người học đã tiếp nhận một cách có hệ thống.

Phương pháp Bài tập: Giảng viên giao bài tập cho người học chuẩn bị trước khi đến lớp hoặc sau giờ học. Trong giờ bài tập, giảng viên có thể tổ chức thảo luận, chữa bài tập.

Phương pháp Thảo luận: Giảng viên tổ chức cuộc đối thoại giữa người học với người học hoặc giữa người học với giảng viên nhằm huy động trí tuệ của người học để đưa ra những giải pháp, kiến nghị hoặc những quan niệm mới để giải quyết một vấn đề. Thảo luận có thể giúp người học khai thác được nhiều khía cạnh của một vấn đề, giúp người học phát triển khả năng trao đổi, trình bày suy nghĩ và quan điểm một cách rõ ràng, phát triển năng lực phân tích, tổng hợp.

Phương pháp Tinh huống: giảng viên cung cấp cho người học tinh huống dạy - học, người học tìm hiểu, phân tích và hành động trong tinh huống đã cho. Phương pháp này có các ưu điểm nổi bật như: tăng tính thực tiễn của môn học, giảm thiểu rủi ro cho người học trong thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống; nâng cao tính chủ động, sáng tạo, hứng thú học tập của người học. Ngoài ra, dạy - học bằng phương pháp nghiên cứu tinh huống cũng tạo cơ hội cho người học phát triển toàn diện các kỹ năng như: kỹ năng phân tích để xác định và giải quyết vấn đề, kỹ năng xây dựng và viết tinh huống, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, kỹ năng trình bày vấn đề/quan điểm trước tập thể, kỹ năng tranh luận và bảo vệ ý kiến.

Phương pháp Làm việc nhóm: giảng viên tổ chức người học thành các nhóm nhỏ (5-7 người); mỗi thành viên trong nhóm vừa có trách nhiệm tự học tập vừa có trách nhiệm chia sẻ, giúp đỡ các thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giảng viên đã giao.

Các phương pháp dạy - học trên tạo điều kiện cho người học thành thạo các kỹ năng chuyên môn, đạt chuẩn đầu ra của học phần, rèn luyện khả năng học tập suốt đời, đồng thời giúp cho giảng viên tổ chức hoạt động trên lớp hiệu quả hơn.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Học phần sử dụng 04 phương pháp đánh giá kết quả học tập:

- **Chuyên cần và thái độ học tập** (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm);
- **Thuyết trình** (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm);
- **Bài tập** (công cụ đánh giá: đáp án, trong quá trình học);

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp dạy - học					Phương pháp đánh giá			
		Thuyết trình	Làm việc nhóm	Bài tập	Thảo luận	Tình huống	Chuyên cần và thái độ học tập	Thuyết trình	Bài tập	Trắc nghiệm + Tự luận
3.1.	Trình bày và thuyết trình vấn đề thuyết phục.							x		
3.2.	Thể hiện kỹ năng tổ chức, sắp xếp công việc một cách khoa học.		x		x		x	x		
3.2.	Thể hiện kỹ năng phân tích, tham gia tích cực hoạt động nhóm, nhận thức được những cơ hội và thách thức đối với các doanh nghiệp trong thế kỷ 21.		x		x		x			x

8. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY

Tài liệu chính:

[1] Vương Thị Thanh Tri, (2017), “*Giáo trình Quản trị học*”, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

Tài liệu tham khảo:

[2] Lê Thế Giới, (2007), “*Quản trị học*”, NXB Tài chính.

[3] Vũ Lệ Hằng, (2019), “*Tập bài giảng môn Quản trị học đại cương*”, Tài liệu lưu hành nội bộ

[4] Lưu Đan Thọ, (2014), “*Quản trị học trong xu thế hội nhập (Những vấn đề cốt yếu của quản lý)*”, NXB Tài chính.

[5] Ricky W. Griffin, (2018), “*Fundamentals of Management*”, 9 th edition, Cengage Learning.

9. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Lĩnh vực chuyên môn
1.	Vương Thị Thanh Tri	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
2.	Lê Huyền Trang	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
3.	Nguyễn Duy Thành	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
4.	Lê Thị Hạnh	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
5.	Vũ Lệ Hằng	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Khoa Kinh tế - Quản lý và Bộ môn Quản trị kinh doanh & Marketing có trách nhiệm phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể giảng viên tham gia giảng dạy thực hiện.

- Giảng viên có nhiệm vụ phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể người học vào tiết học đầu tiên của học phần.

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

11

- Giảng viên thực hiện theo đúng nội dung và kế hoạch giảng dạy trong đề cương chi tiết học phần đã được duyệt.

TRƯỞNG KHOA



GS.TS. Nguyễn Khắc Minh

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Vũ Thị Tuyết

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Vũ Lệ Hằng

PHỤ LỤC A: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)

Rubrics 1. Tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ học tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tham gia lớp học	Đi học đầy đủ số buổi theo yêu cầu	Vắng học nhỏ hơn 10% so với quy định (5 tiết/ 50 tiết)	Vắng học từ 10% đến nhỏ hơn 20% so với quy định (10 tiết/ 50 tiết)	Vắng học từ 25% đến nhỏ hơn 30% so với quy định (12 tiết/ 50 tiết)	Vắng học quá 30% số giờ theo quy định (15 tiết/ 50 tiết)	50%
Vào lớp học đúng giờ	Luôn đi học đúng giờ	Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút)	Vào lớp muộn 3-4 buổi	Vào lớp muộn 5-6 buổi	Vào lớp muộn >6 buổi	20%
Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo, ...)	Tích cực tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (> 75% N) (N được tính 100% hoạt động)	Thường xuyên tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~75% N hoạt động)	Có tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~50% N hoạt động)	Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~25% N hoạt động)	Không tham gia các hoạt động trên lớp	15%
Thực hiện nhiệm vụ tự học (chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm bài tập về nhà, ...)	Làm trên 75% bài tập cá nhân.	Làm trên 50% đến 75% bài tập cá nhân.	Làm trên 25% đến 50% bài tập cá nhân.	Làm tối đa 25% bài tập cá nhân.	Không làm bài tập cá nhân.	15%

Rubrics 2. Tiêu chí đánh giá thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung	Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm. Nội dung phù hợp và chính xác.	Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm. Nội dung có một số phần chưa chính xác.	Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm. Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.	Chủ đề trình bày liên quan nhưng không trọng tâm. Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.	Chủ đề trình bày không liên quan, không trọng tâm. Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.	60%

Trình bày	Slide có bố cục rõ ràng, hợp lý; màu sắc hài hòa, nêu bật nội dung.	Slide có bố cục rõ ràng, hợp lý; nêu bật nội dung.	Slide có bố cục hợp lý; nêu bật nội dung.	Slide có bố cục hợp lý; màu sắc hài hòa.	Slide không được đảm bảo chất lượng theo yêu cầu.	20%
	Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ được trình bày dễ hiểu, thể hiện tốt nội dung.	Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ được trình bày dễ hiểu, thể hiện tốt nội dung.	Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ thể hiện tốt nội dung.	Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ thể hiện tốt nội dung.		
Trả lời câu hỏi (chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm bài tập về nhà, ...)	Trả lời ngắn gọn, phù hợp, lập luận sắc bén.	Trả lời ngắn gọn, phù hợp	Trả lời phù hợp	Trả lời ít liên quan đến câu hỏi.	Trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	20%
	Tự tin khi trả lời.	Tự tin khi trả lời.	Hơi thiếu tự tin khi trả lời.	Thiếu tự tin khi trả lời.	Thiếu tự tin khi trả lời.	

PHỤ LỤC B: MA TRẬN ĐỀ THI

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
I.	Phần I: Trắc nghiệm				
1.	<i>Các vấn đề cơ bản của quản trị học</i>				
1.1	Khái niệm tổ chức	1 câu 0,3 điểm			
1.2	Khái niệm năng lực quản trị		1 câu 0,3 điểm		
2.	<i>Các quan điểm về quản trị</i>				
2.1	Quan điểm truyền thống	1 câu 0,3 điểm			
2.2	Quan điểm hệ thống		1 câu 0,3 điểm		
3.	<i>Đặc điểm của môi trường</i>				
3.1	Tính không chắc chắn của môi trường		1 câu 0,3 điểm		
3.2	Thích ứng với môi trường		1 câu 0,3 điểm		

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
4.	Môi trường vĩ mô				
4.1	Môi trường kinh tế		1 câu 0,3 điểm		
4.2	Môi trường văn hóa xã hội		1 câu 0,3 điểm		
5.	Hoạch định và ra quyết định				
5.1	Các bước trong tiến trình hoạch định			1 câu 0,3 điểm	
5.2	Tiến trình ra quyết định quản trị			1 câu 0,3 điểm	
	Các loại vấn đề và quyết định				
6.	Tổ chức				
6.1	Chuyên môn hóa theo chức năng			1 câu 0,3 điểm	
6.2	Chuyên môn hóa theo sản phẩm		1 câu 0,3 điểm		
	Cấu trúc ma trận			1 câu 0,3 điểm	
6.	Lãnh đạo				
6.1	Lý thuyết động cơ thúc đẩy dựa trên nhu cầu	1 câu 0,3 điểm			
7	Kiểm tra				
7.1	Mô hình kiểm tra hiệu chỉnh		1 câu 0,3 điểm		
II.	Tự luận				
1.	Bài tập tự luận về hoạch định		2 câu 2,5 điểm		
2.	Bài tập tự luận về động cơ thúc đẩy		1 câu 1,0 điểm	1 câu 1,0 điểm	
3.	Bài tập tự luận về kiểm tra		1 câu 1 điểm		
	Tổng số câu	3	12	5	
	Tổng số điểm	0,9	6,9	2,2	10,0
	Tỷ lệ %	0,9%	6,9%	2,2%	100%

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

12. Marketing căn bản – MK202

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1	Tên học phần	Tiếng Việt: Marketing căn bản Tiếng Anh: <i>Basic marketing</i>
1.2	Mã học phần	MK202
1.3	Thuộc khối kiến thức	Cơ sở khối ngành
1.4	Tính chất của học phần	Bắt buộc
1.5	Khoa phụ trách	Khoa Kinh tế - Quản lý
1.6	Số tín chỉ	03
1.7	Điều kiện tiên quyết	Kinh tế học đại cương (EC101)
1.8	Thời lượng giảng dạy trực tiếp	30 giờ lý thuyết + 15 giờ bài tập
1.9	Thời lượng giảng dạy kết hợp E-Learning	
1.10	Ngày ban hành	21/4/2022

2. YÊU CẦU CỦA HỌC PHẦN

Về kiến thức, học phần yêu cầu sinh viên phải được trang bị trước những kiến thức tổng quát về kinh tế và hiểu biết cơ bản về quản trị.

Về trang thiết bị, lớp học cần được trang bị máy tính, máy chiếu để thuyết giảng, thuyết trình; sinh viên cần chuẩn bị tài liệu theo hướng dẫn để phục vụ cho việc học tập.

Về nội quy, sinh viên nghiêm túc thực hiện Nội quy lớp học và:

- Theo dõi và thực hiện các thông báo hướng dẫn học tập của giảng viên trong msteam của lớp (nếu có);

- Phải tham gia học ít nhất 70% số giờ quy định;

- Đi học muộn quá 15 phút thì không được vào lớp và được coi là nghỉ buổi học đó;

- Hoàn thành bài tập giảng viên giao trước khi đến lớp;

- Làm đầy đủ 01 bài kiểm tra của học phần;

- Tham gia 01 bài thuyết trình theo nhóm phân công;

- Làm bài thi trắc nghiệm cuối kỳ.

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, vai trò của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng của marketing trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing. Thông qua những kiến thức về phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị thị trường cho doanh nghiệp, phân tích các đặc tính và hành vi của khách hàng, sinh viên có thể xây dựng một chương trình marketing theo các bước cụ thể.

3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra
CO1: Nắm vững kiến thức cơ bản về marketing, quy trình làm marketing trong doanh nghiệp	1.1. Nhận biết được khái niệm, chức năng, vai trò của marketing đối với doanh nghiệp, xu hướng marketing hiện nay 1.2. Hiểu được các yếu tố cấu thành nên môi trường marketing 1.3. Nắm được các bước nghiên cứu marketing cho doanh nghiệp 1.4. Phân biệt và hiểu được các khái niệm phân đoạn thị trường, chọn thị trường mục tiêu 1.5. Hiểu được khái niệm chiến lược marketing và chiến lược định vị 1.6. Nắm được nội dung về marketing hỗn hợp với bốn biến số: Sản phẩm, giá cả, phân phối, truyền thông marketing
CO2: Tổ chức, ứng dụng và phát triển hoạt động marketing trong doanh nghiệp	2.1. Phân tích thực trạng marketing của một doanh nghiệp thông qua mô hình ma trận SWOT 2.2. Xây dựng, lập kế hoạch chương trình marketing cho một doanh nghiệp
CO3: Thể hiện kỹ năng trình bày, thuyết trình; làm việc nhóm để xử lý tình huống marketing cụ thể trong kinh doanh	3.1. Thuyết trình vấn đề marketing 3.2. Thể hiện kỹ năng tổ chức, lập kế hoạch marketing 3.3. Thể hiện kỹ năng xử lý linh hoạt, sáng tạo với các tình huống marketing cụ thể

3.2. Chuẩn đầu ra của học phần đáp ứng Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT				
		1.3.1.	2.1.2.	2.2.1.	3.2.1	4.1.2.
1.	Nắm vững kiến thức cơ bản về marketing, quy trình làm marketing trong doanh nghiệp					
1.1.	Nhận biết được khái niệm, chức năng, vai trò của marketing đối với doanh nghiệp, xu hướng marketing hiện nay	K1				
1.2.	Hiểu được các yếu tố cấu thành nên môi trường marketing	K2				
1.3.	Nắm được các bước nghiên cứu marketing cho doanh nghiệp	K2				

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT				
		1.3.1.	2.1.2.	2.2.1.	3.2.1	4.1.2.
1.4.	Phân biệt và hiểu được các khái niệm phân đoạn thị trường, chọn thị trường mục tiêu	K2				
1.5.	Hiểu được khái niệm chiến lược marketing và chiến lược định vị	K2				
1.6.	Nắm được nội dung về marketing hỗn hợp với bốn biến số: Sản phẩm, giá cả, phân phối, truyền thông marketing	K2				
2.	Tổ chức, ứng dụng và phát triển hoạt động marketing trong doanh nghiệp					
2.1.	Phân tích thực trạng marketing của một doanh nghiệp thông qua mô hình ma trận SWOT			S2		K2
2.2.	Xây dựng, lập kế hoạch chương trình marketing cho một doanh nghiệp			S2		K2
3.	Thể hiện kỹ năng trình bày, thuyết trình; làm việc nhóm để xử lý tình huống marketing cụ thể trong kinh doanh					
3.1.	Thuyết trình vấn đề marketing				S2	
3.2.	Thể hiện kỹ năng tổ chức, lập kế hoạch marketing			S2		
3.3.	Thể hiện kỹ năng xử lý linh hoạt, sáng tạo với các tình huống marketing cụ thể		S2			

K: Kiến thức 1 - Biết/Nhớ 2 - Hiểu 3 - Vận dụng 4 - Phân tích 5 - Tổng hợp 6 - Đánh giá

A: Thái độ 1 - Tiếp nhận 2 - Hồi đáp 3 - Đánh giá 4 - Tổ chức 5 - Tính cách

S: Kỹ năng 1 - Bất chước 2 - Thao tác được 3 - Thao tác chính xác 4 - Thao tác biến hóa 5 - Thao tác thuần thục

4. KẾ HOẠCH DẠY - HỌC

Tuần	Nội dung	Số giờ	Số giờ	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
		LT	BT/ TL				
1	Chương 1: Bản chất của marketing 1.1. Sự ra đời của marketing 1.2. Các khái niệm cơ bản của marketing 1.3. Vị trí của marketing trong các hoạt động của doanh nghiệp 1.4. Quản trị marketing	4	1	1.1_1 2.2_1 3.2_1 3.3_1	<u>GV:</u> Giới thiệu học phần (đề cương chi tiết, tài liệu học tập, đánh giá người học, lịch kiểm tra, hình thức thi cuối kỳ) Phổ biến nội quy lớp học Thuyết giảng Giao nhiệm vụ cho SV <u>SV:</u> Thành lập nhóm Nghiên cứu tài liệu slide bài giảng chương 1 Thảo luận: Cơ hội nghề nghiệp marketing	Không	[1] Chương 1 [2] [3] [4]
2	Chương 2: Hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing 2.1. Hệ thống thông tin marketing 2.2. Nghiên cứu marketing	3	2	1.2_2 2.2_2 3.2_2 3.3_2	<u>GV:</u> Thuyết giảng Giao nhiệm vụ cho SV Đánh giá bài làm của SV <u>SV:</u> Nghiên cứu tài liệu slide bài giảng chương 2 Thực hành: Lập bảng hỏi khảo sát sinh viên trong trường. Lựa chọn đề tài thuyết trình của nhóm	Kiểm tra kiến thức về các khái niệm cơ bản của marketing	[1] Chương 2 [2] [3] [4]
3	Chương 3: Môi trường marketing 3.1. Khái quát về môi trường marketing 3.2. Môi trường marketing vĩ mô 3.3. Môi trường marketing vi mô	4	1	1.3_2 2.1_2 2.2_2 3.1_2	<u>GV:</u> Thuyết giảng. Giao nhiệm vụ cho SV. Đánh giá bài làm của SV. <u>SV:</u> Nghiên cứu tài liệu.	Không	[1] Chương 3 [2] [3] [4]

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

5

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
				3.2_2 3.3_2	Làm bài tập tình huống về đề tài cạnh tranh.		
4	Chương 4: Hành vi mua của khách hàng 4.1. Thị trường người tiêu dùng và hành vi mua của người tiêu dùng 4.2. Thị trường các doanh nghiệp và hành vi mua của các doanh nghiệp	4	1	1.3_2 2.1_2 2.2_2 3.1_2 3.2_2 3.3_2	<u>GV:</u> Thuyết giảng. Giao nhiệm vụ cho SV. Đánh giá sinh viên. <u>SV:</u> Nghiên cứu tài liệu. Làm bài tập tình huống: Trắc nghiệm và đúng sai giải thích Thuyết trình về đề tài được giao.	Kiểm tra kiến thức về các nhân tố thuộc môi trường marketing	[1] Chương 4 [2] [3] [4]
5	Chương 5: Lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường 5.1. Đo lường và dự báo nhu cầu thị trường 5.2. Sự hình thành marketing mục tiêu 5.3. Phân đoạn thị trường 5.4. Lựa chọn thị trường mục tiêu 5.5. Định vị thị trường	3	2	1.4_2 1.5_2 2.1_2 2.2_2 3.1_2 3.2_2 3.3_2	<u>GV:</u> Thuyết giảng. Giao nhiệm vụ cho SV. Đánh giá phần làm việc trên lớp của SV. <u>SV:</u> Nghiên cứu tài liệu. Thực hành Phân đoạn thị trường cho sản phẩm ngành may mặc. Thuyết trình về đề tài được giao.	Không	[1] Chương 5 [2] [3] [4]
6	Chương 6: Các quyết định về sản phẩm 6.1. Sản phẩm và các cấp độ cấu thành sản phẩm 6.2. Phân loại sản phẩm 6.3. Các quyết định về nhãn hiệu	3	2	1.6_2 2.1_2 2.2_2 3.1_2 3.2_2	<u>GV:</u> Thuyết giảng. Giao nhiệm vụ cho SV. Thông báo lịch kiểm tra giữa kỳ <u>SV:</u> Nghiên cứu tài liệu.	Kiểm tra kiến thức về tiến trình STP trong marketing	[1] Chương 6 [2] [3] [4]

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

6

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	6.4. Quyết định về bao gói và dịch vụ 6.5. Quyết định về chủng loại, danh mục sản phẩm 6.6. Thiết kế và marketing sản phẩm mới 6.7. Chu kỳ sống của sản phẩm			3.3_2	Làm bài tập về chiến lược marketing theo chu kỳ sống của sản phẩm. Thuyết trình về đề tài được giao.		
7	Chương 7: Các quyết định về giá bán 7.1. Các nhân tố cần xem xét khi quyết định về chiến lược giá 7.2. Mô hình 3C khi quyết định mức giá bán 7.3. Các chiến lược giá	3	2	1.6_2 2.1_2 2.2_2 3.1_2 3.2_2 3.3_2	<u>GV:</u> Thuyết giảng. Giao nhiệm vụ cho SV. <u>SV:</u> Nghiên cứu tài liệu. Thảo luận về nội dung cạnh tranh bằng giá trong kinh doanh hiện nay.	Kiểm tra giữa kỳ trắc nghiệm có chia lớp	[1] Chương 7 [2] [3] [4]
8	Chương 8: Các quyết định về phân phối 8.1. Bản chất và tầm quan trọng của kênh phân phối 8.2. Chọn lựa kênh phân phối 8.3. Tổ chức kênh phân phối 8.4. Quyết định phân phối vật chất 8.5. Marketing của các tổ chức bán buôn và bán lẻ	3	2	1.6_2 2.1_2 2.2_2 3.1_2 3.2_2 3.3_2	<u>GV:</u> Thuyết giảng. Giao nhiệm vụ cho SV. Công bố điểm của bài kiểm tra; giải đáp bài kiểm tra. <u>SV:</u> Nghiên cứu tài liệu. Thảo luận về hệ thống kênh phân phối của Amazon và Alibaba Thuyết trình về đề tài được giao.	Không	[1] Chương 8 [2] [3] [4]
9	Chương 9: Các quyết định về xúc tiến hỗn hợp 9.1. Khái quát về xúc tiến hỗn hợp	3	2	1.6_2 2.1_2	<u>GV:</u> Thuyết giảng. Giao nhiệm vụ cho SV.	Không	[1] Chương 9 [2]

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

7

Tuần	Nội dung	Số giờ LT	Số giờ BT/ TL	CDR học phần	Hoạt động dạy - học	Hoạt động kiểm tra đánh giá	Tài liệu tham khảo
	9.2. Quá trình truyền tin và mô hình hiệu ứng truyền tin 9.3. Những quyết định liên quan đến từng công cụ xúc tiến chủ yếu Tổng kết học phần			2.2_2 3.1_2 3.2_2 3.3_2	Công bố điểm quá trình của từng SV; giải đáp thắc mắc liên quan đến điểm quá trình. Thông báo về đề cương ôn tập và hướng dẫn SV ôn tập. SV: Nghiên cứu tài liệu. Thảo luận về Content Marketing Thuyết trình về đề tài được giao.		[3] [4]

CDR học phần cơ cấu trúc: STT của CDR học phần_n

Trong đó, n là mức độ theo Bloom:

Kiến thức	1 - Biết/Nhớ	2 - Hiểu	3 - Vận dụng	4 - Phân tích	5 - Tổng hợp	6 - Đánh giá
Thái độ	1 - Tiếp nhận	2 - Hồi đáp	3 - Đánh giá	4 - Tổ chức	5 - Tính cách	
Kỹ năng	1 - Bất chước	2 - Thao tác được	3 - Thao tác chính xác	4 - Thao tác biến hóa	5 - Thao tác thuần thục	

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

Học phần triển khai kết hợp nhiều phương pháp dạy học sau:

Phương pháp Thuyết trình: Giảng viên trình bày kiến thức mới, cập nhật những thông tin không có trong sách, tổng kết những kiến thức mà người học đã tiếp nhận một cách có hệ thống.

Phương pháp Bài tập: Giảng viên giao bài tập cho người học chuẩn bị trước khi đến lớp hoặc sau giờ học. Trong giờ bài tập, giảng viên có thể tổ chức thảo luận, chữa bài tập.

Phương pháp Thảo luận: Giảng viên tổ chức cuộc đối thoại giữa người học với người học hoặc giữa người học với giảng viên nhằm huy động trí tuệ của người học để đưa ra những giải pháp, kiến nghị hoặc những quan niệm mới để giải quyết một vấn đề. Thảo luận có thể giúp người học khai thác được nhiều khía cạnh của một vấn đề, giúp người học phát triển khả năng trao đổi, trình bày suy nghĩ và quan điểm một cách rõ ràng, phát triển năng lực phân tích, tổng hợp.

Phương pháp Tình huống: giảng viên cung cấp cho người học tình huống dạy - học, người học tìm hiểu, phân tích và hành động trong tình huống đã cho. Phương pháp này có các ưu điểm nổi bật như: tăng tính thực tiễn của môn học, giảm thiểu rủi ro cho người học trong thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống; nâng cao tính chủ động, sáng tạo, hứng thú học tập của người học. Ngoài ra, dạy - học bằng phương pháp nghiên cứu tình huống cũng tạo cơ hội cho người học phát triển toàn diện các kỹ năng như: kỹ năng phân tích để xác định và giải quyết vấn đề, kỹ năng xây dựng và viết tình huống, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, kỹ năng trình bày vấn đề/quan điểm trước tập thể, kỹ năng tranh luận và bảo vệ ý kiến.

Phương pháp Làm việc nhóm: giảng viên tổ chức người học thành các nhóm nhỏ (5-7 người); mỗi thành viên trong nhóm vừa có trách nhiệm tự học tập vừa có trách nhiệm chia sẻ, giúp đỡ các thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giảng viên đã giao.

Các phương pháp dạy - học trên tạo điều kiện cho người học thành thạo các kỹ năng chuyên môn, đạt chuẩn đầu ra của học phần, rèn luyện khả năng học tập suốt đời, đồng thời giúp cho giảng viên tổ chức hoạt động trên lớp hiệu quả hơn.

6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Học phần sử dụng 04 phương pháp đánh giá kết quả học tập:

- **Chuyên cần và thái độ học tập** (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm);
- **Thuyết trình** (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm);
- **Bài tập** (công cụ đánh giá: đáp án, trong quá trình học);

- **Thi trắc nghiệm** (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm).

Điểm quá trình = Điểm kiểm tra quá trình * 40% + Điểm chuyên cần, thái độ học tập * 20% + Điểm thuyết trình * 40%

Điểm tổng kết = Điểm quá trình * 30% + Điểm thi * 70%.

7. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP PHÙ HỢP VỚI CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp dạy - học					Phương pháp đánh giá			
		Thuyết trình	Làm việc nhóm	Bài tập	Thảo luận	Tình huống	Chuyên cần và thái độ học tập	Thuyết trình	Bài tập	Thi trắc nghiệm
1.	Nắm vững kiến thức cơ bản về marketing, quy trình làm marketing trong doanh nghiệp									
1.1.	Nhận biết được khái niệm, chức năng, vai trò của marketing đối với doanh nghiệp, xu hướng marketing hiện nay		X		X		X	X	X	X
1.2.	Hiểu được các yếu tố cấu thành nên môi trường marketing	X	X		X	X	X	X	X	X
1.3.	Nắm được các bước nghiên cứu marketing cho doanh nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	X
1.4.	Phân biệt và hiểu được các khái niệm phân đoạn thị trường, chọn thị trường mục tiêu	X	X	X	X	X	X	X	X	X
1.5.	Hiểu được khái niệm chiến lược marketing và chiến lược định vị	X	X	X	X	X	X	X	X	X
1.6.	Nắm được nội dung về marketing hỗn hợp với bốn biến số: Sản phẩm, giá cả, phân phối, truyền thông marketing	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2.	Tổ chức, ứng dụng và phát triển hoạt động marketing trong doanh nghiệp									
2.1.	Phân tích thực trạng marketing của một doanh nghiệp thông qua mô hình ma trận SWOT	X	X	X	X	X	X	X	X	
2.2.	Xây dựng, lập kế hoạch chương trình marketing cho một doanh nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	
3.	Thể hiện kỹ năng trình bày, thuyết trình; làm việc nhóm để xử lý tình huống marketing cụ thể trong kinh doanh									
3.1.	Thuyết trình vấn đề marketing	X	X					X		

STT	Chuẩn đầu ra của học phần	Phương pháp dạy - học					Phương pháp đánh giá			
		Thuyết trình	Làm việc nhóm	Bài tập	Thảo luận	Tình huống	Chuyên cần và thái độ học tập	Thuyết trình	Bài tập	Thi trắc nghiệm
3.2.	Thể hiện kỹ năng tổ chức, lập kế hoạch marketing	X	X		X			X		X
3.3.	Thể hiện kỹ năng xử lý linh hoạt, sáng tạo với các tình huống marketing cụ thể	X	X		X			X		X

8. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY

Tài liệu chính:

[1] Vũ Thị Tuyết (2019), Giáo trình marketing căn bản, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu tham khảo:

[2] PGS.TS Trương Đình Chiến (2012), Giáo trình quản trị marketing, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

[3] PGS.TS Lê Thế Giới (2014), Quản trị marketing định hướng giá trị, NXB Lao động Xã hội.

[4] Philip Kotler, Gary Armstrong (2014), Principles of Marketing 15th Edition, NXB Pearson Education.

9. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Lĩnh vực chuyên môn
1.	Vũ Thị Tuyết	Tiến sĩ	Marketing
2.	Nguyễn Tường Minh	Thạc sĩ	Marketing
3.	Phạm Long Châu	Thạc sĩ	Marketing
4.	Nguyễn Thị Liên Hương	Thạc sĩ	Marketing
5.	Nguyễn Thùy Trang	Thạc sĩ	Marketing

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Khoa Kinh tế - Quản lý và Bộ môn Quản trị kinh doanh & Marketing có trách nhiệm phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể giảng viên tham gia giảng dạy thực hiện.

- Giảng viên có nhiệm vụ phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể người học vào tiết học đầu tiên của học phần.

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

11

- Giảng viên thực hiện theo đúng nội dung và kế hoạch giảng dạy trong đề cương chi tiết học phần đã được duyệt.

TRƯỞNG KHOA



GS.TS. Nguyễn Khắc Minh

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Vũ Thị Tuyết

NGƯỜI BIÊN SOẠN



ThS. Nguyễn Bảo Tuấn

PHỤ LỤC A: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)

Rubrics 1. Tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ học tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tham gia lớp học	Đi học đầy đủ số buổi theo yêu cầu	Vắng học hơn 10% so với quy định (5 tiết/ 50 tiết)	Vắng học từ 10% đến hơn 20% so với quy định (10 tiết/ 50 tiết)	Vắng học từ 25% đến hơn 30% so với quy định (12 tiết/ 50 tiết)	Vắng học quá 30% số giờ theo quy định (15 tiết/ 50 tiết)	50%
Vào lớp học đúng giờ	Luôn đi học đúng giờ	Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút)	Vào lớp muộn 3-4 buổi	Vào lớp muộn 5-6 buổi	Vào lớp muộn >6 buổi	20%
Tham gia các hoạt động trên lớp (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo, ...)	Tích cực tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (> 75% N) (N được tính 100% hoạt động)	Thường xuyên tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~75% N hoạt động)	Có tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~50% N hoạt động)	Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~25% N hoạt động)	Không tham gia các hoạt động trên lớp	15%
Thực hiện nhiệm vụ tự học (chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm bài tập về nhà, ...)	Làm trên 75% bài tập cá nhân.	Làm trên 50% đến 75% bài tập cá nhân.	Làm trên 25% đến 50% bài tập cá nhân.	Làm tối đa 25% bài tập cá nhân.	Không làm bài tập cá nhân.	15%

Rubrics 2. Tiêu chí đánh giá bài tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nộp bài tập	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Không nộp bài tập.	20%
Trình bày bài tập	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước)	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp.	Không có bài tập	30%
Nội dung bài tập	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Không có bài tập	50%

Rubrics 3. Tiêu chí đánh giá thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Nội dung	<p>Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm.</p> <p>Nội dung phù hợp và chính xác.</p>	<p>Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm.</p> <p>Nội dung có một số phần chưa chính xác.</p>	<p>Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm.</p> <p>Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.</p>	<p>Chủ đề trình bày liên quan nhưng không trọng tâm.</p> <p>Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.</p>	<p>Chủ đề trình bày không liên quan, không trọng tâm.</p> <p>Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.</p>	60%
Trình bày	<p>Slide có bố cục rõ ràng, hợp lý; màu sắc hài hòa, nêu bật nội dung.</p> <p>Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ được trình bày dễ hiểu, thể hiện tốt nội dung.</p>	<p>Slide có bố cục rõ ràng, hợp lý; nêu bật nội dung.</p> <p>Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ được trình bày dễ hiểu, thể hiện tốt nội dung.</p>	<p>Slide có bố cục hợp lý; nêu bật nội dung.</p> <p>Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ thể hiện tốt nội dung.</p>	<p>Slide có bố cục hợp lý; màu sắc hài hòa.</p> <p>Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ thể hiện tốt nội dung.</p>	<p>Slide không được đảm bảo chất lượng theo yêu cầu.</p>	20%
Trả lời câu hỏi (chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm bài tập về nhà, ...)	<p>Trả lời ngắn gọn, phù hợp, lập luận sắc bén.</p> <p>Tự tin khi trả lời.</p>	<p>Trả lời ngắn gọn, phù hợp</p> <p>Tự tin khi trả lời.</p>	<p>Trả lời phù hợp</p> <p>Hơi thiếu tự tin khi trả lời.</p>	<p>Trả lời ít liên quan đến câu hỏi.</p> <p>Thiếu tự tin khi trả lời.</p>	<p>Trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.</p> <p>Thiếu tự tin khi trả lời.</p>	20%

Rubrics 4. Tiêu chí đánh giá làm việc nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Tổ chức, điều hành, phát triển nhóm	Nhiệm vụ từng thành viên cụ thể, rõ ràng. Tương tác giữa các thành viên trong nhóm rất tốt.	Nhiệm vụ từng thành viên cụ thể, rõ ràng. Tương tác giữa các thành viên trong nhóm tốt.	Nhiệm vụ từng thành viên rõ ràng. Hầu như có tương tác giữa các thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ từng thành viên không rõ ràng. Chưa có tương tác giữa các thành viên trong nhóm.	Không có hoạt động nhóm	10%
Thảo luận nhóm	Tích cực, chủ động chia sẻ thông tin và tri thức. Thường xuyên đưa ra ý tưởng rõ ràng, liên quan đến đề tài.	Tích cực, chủ động chia sẻ thông tin và tri thức. Thỉnh thoảng đưa ra ý tưởng rõ ràng, liên quan đến đề tài.	Chủ động chia sẻ thông tin và tri thức. Thỉnh thoảng đưa ra ý tưởng rõ ràng, liên quan đến đề tài.	Có đưa ra ý tưởng nhưng không rõ ràng, không liên quan đến yêu cầu của nhóm.	Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm	50%
Hợp tác nhóm	Tham gia đầy đủ các buổi họp nhóm. Tôn trọng và chấp nhận sự khác biệt của các thành viên, khai thác được sức mạnh của sự khác biệt để đạt mục tiêu chung. Xử lý xung đột một cách tích cực, cởi mở, luôn đặt lợi ích chung của nhóm lên trên lợi ích cá nhân.	Tham gia đầy đủ các buổi họp nhóm. Khai thác được sức mạnh của sự khác biệt để đạt mục tiêu chung. Xử lý xung đột một cách tích cực, luôn đặt lợi ích chung của nhóm lên trên lợi ích cá nhân.	Vắng 1 buổi họp nhóm. Xử lý xung đột một cách tích cực, luôn đặt lợi ích chung của nhóm lên trên lợi ích cá nhân.	Vắng 2 - 3 buổi họp nhóm	Không bao giờ tham gia thảo luận trong nhóm.	40%

PHỤ LỤC B: MA TRẬN ĐỀ THI

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
1.	<i>Bản chất của marketing</i>				7 câu
1.1	Sự ra đời của marketing	1 câu 0,2 điểm			
1.2	Các khái niệm cơ bản của marketing	1 câu 0,2 điểm			
1.3	Vị trí của marketing trong các hoạt động của doanh nghiệp	1 câu 0,2 điểm	1 câu 0,2 điểm	1 câu 0,2 điểm	
1.4	Quản trị marketing	1 câu 0,2 điểm		1 câu 0,2 điểm	
2.	<i>Chương 2: Hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing</i>				5 câu
2.1	Hệ thống thông tin marketing	1 câu 0,2 điểm	1 câu 0,2 điểm		
2.2	Nghiên cứu marketing	1 câu 0,2 điểm	1 câu 0,25 điểm	1 câu 0,2 điểm	
3.	<i>Chương 3: Môi trường marketing</i>				5 câu
3.1	Khái quát về môi trường marketing				
3.2	Môi trường marketing vi mô	1 câu 0,2 điểm	1 câu 0,2 điểm	1 câu 0,2 điểm	
3.3	Môi trường marketing vĩ mô	1 câu 0,2 điểm	1 câu 0,2 điểm		
4.	<i>Chương 4: Hành vi mua của khách hàng</i>				5 câu
4.1	Thị trường người tiêu dùng và hành vi mua của người tiêu dùng	1 câu 0,2 điểm	1 câu 0,2 điểm	1 câu 0,2 điểm	
4.2	Thị trường các doanh nghiệp và hành vi mua của các doanh nghiệp	1 câu 0,2 điểm	1 câu 0,2 điểm		
5.	<i>Lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường</i>				6 câu
5.1	Đo lường và dự báo nhu cầu thị trường				
5.2	Sự hình thành marketing mục tiêu				
5.3	Phân đoạn thị trường	1 câu 0,2 điểm	1 câu 0,2 điểm	1 câu 0,2 điểm	

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
5.4.	Lựa chọn thị trường mục tiêu	1 câu 0,2 điểm	1 câu 0,2 điểm		
5.5.	Định vị thị trường		1 câu 0,2 điểm		
6.	Các quyết định về sản phẩm				7 câu
6.1	Sản phẩm và các cấp độ cấu thành sản phẩm	1 câu 0,2 điểm			
6.2	Phân loại sản phẩm				
6.3	Các quyết định về nhãn hiệu	1 câu 0,2 điểm	1 câu 0,2 điểm	1 câu 0,2 điểm	
6.4	Quyết định về bao gói và dịch vụ			1 câu 0,2 điểm	
6.5	Quyết định về chủng loại, danh mục sản phẩm				
6.6	Thiết kế và marketing sản phẩm mới				
6.7	Chu kỳ sống của sản phẩm	1 câu 0,2 điểm	1 câu 0,2 điểm		
7.	Các quyết định về giá bán				4 câu
7.1	Các nhân tố cần xem xét khi quyết định về chiến lược giá	1 câu 0,2 điểm			
7.2	Mô hình 3C khi quyết định mức giá bán	1 câu 0,2 điểm	1 câu 0,2 điểm	1 câu 0,2 điểm	
7.3	Các chiến lược giá				
8.	Các quyết định về phân phối				5 câu
8.1	Bản chất và tầm quan trọng của kênh phân phối	1 câu 0,2 điểm			
8.2	Chọn lựa kênh phân phối				
8.3	Tổ chức kênh phân phối		1 câu 0,2 điểm	1 câu 0,2 điểm	
8.4	Quyết định phân phối vật chất			1 câu 0,2 điểm	
8.5	Marketing của các tổ chức bán buôn và bán lẻ			1 câu 0,2 điểm	
9.	Các quyết định về xúc tiến hỗn hợp				6 câu
9.1	Khái quát về xúc tiến hỗn hợp	1 câu 0,2 điểm		1 câu 0,2 điểm	
9.2	Quá trình truyền tin và mô hình hiệu ứng truyền tin	1 câu 0,2 điểm		1 câu 0,2 điểm	

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)

18

TT	Nội dung	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
9.3	Những quyết định liên quan đến từng công cụ xúc tiến chủ yếu		1 câu 0,2 điểm	1 câu 0,2 điểm	
	Tổng số câu	20	15	15	50
	Tổng số điểm	4,00	3,00	3,00	10,0
	Tỷ lệ %	40%	30%	30%	100%

Quay trở về trang mục lục: [Tại đây](#)